

Số: *225* /TTr-UBND

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về định hướng khung Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025
cấp thành phố của thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 49, 55, 62 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 về nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; trình tự, lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn; trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương, trong đó có quy định về kế hoạch đầu tư công năm đầu tiên của giai đoạn sau, căn cứ vào dự toán chi ngân sách địa phương cho đầu tư phát triển, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định trước ngày 05 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

Để tiếp tục hoàn thiện các bước trong quy trình xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở rà soát kết quả đạt được giai đoạn 2016-2020, các định hướng lớn về phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII. UBND Thành phố báo cáo và xin ý kiến về định hướng khung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025 cấp Thành phố với các nội dung chính như sau:

**A. ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI
ĐOẠN 2021-2025**

I. Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch đầu tư công 5 năm 2016-2020

Thực hiện Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Công văn số 5318/BKHĐT-TH ngày 15/8/2014; UBND Thành phố đã chỉ đạo các Sở, ngành, quận, huyện, thị xã lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 của thành phố Hà Nội theo đúng các chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 được thực hiện trong bối cảnh ngân sách còn nhiều khó khăn do Quốc hội giảm tỷ lệ điều tiết ngân sách của thành phố Hà Nội từ 42% xuống còn 35% ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng cân đối, bố trí vốn cho kế hoạch đầu tư công; trong khi nhu cầu đầu tư của thành phố rất lớn để đảm bảo cho sự tăng trưởng của Thành phố cũng như đáp ứng các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố khóa XVI đã đề ra. Trước những khó khăn đó, UBND Thành phố đã chỉ đạo các ngành xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn theo đúng các nguyên tắc ưu tiên tập trung bố trí vốn

đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình, dự án, công trình trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và của các quận, huyện, thị xã; Bố trí vốn đầu tư tập trung, không dàn trải, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước.

Tại kỳ họp tháng 12 năm 2015, HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 01/12/2015 cho ý kiến bước đầu về định hướng đầu tư; nguyên tắc hỗ trợ ngành dọc, hỗ trợ các huyện, thị xã từ nguồn ngân sách Thành phố quản lý giai đoạn 2016-2020. Tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 mới chính thức phê duyệt Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 với tổng mức vốn đầu tư công trung hạn là **134.888** tỷ đồng, bao gồm: Tổng mức vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách cấp Thành phố giai đoạn 2016-2020 là **90.910** tỷ đồng. Trong đó: Bố trí vốn thực hiện các dự án xây dựng cơ bản tập trung của Thành phố là **64.277** tỷ đồng cho **178** dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 tiếp tục triển khai giai đoạn 2016-2020 với số vốn là **32.873** tỷ đồng (chiếm 51,18%); **102** dự án khởi công mới năm 2016 tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2017-2020 với số vốn là **9.027** tỷ đồng (chiếm **14,04%**); bố trí vốn để khởi công và thực hiện các dự án đầu tư trong giai đoạn 2017-2020 là **21.777** tỷ đồng (chiếm **33,87%**); Tổng mức vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách cấp huyện giai đoạn 2026-2020 là **43.978** tỷ đồng

Trong quá trình triển khai lãnh đạo Thành ủy - HĐND Thành phố - UBND Thành phố đã làm việc trực tiếp với các quận, huyện, thị xã và tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành rà soát lại Kế hoạch đầu tư công trung hạn theo hướng rà soát cắt bỏ các dự án chưa thực sự cần thiết, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án giáo dục, y tế, các dự án kết cấu hạ tầng khung để phát triển kinh tế nông thôn, các dự án an sinh xã hội hỗ trợ xóa đói giảm nghèo...và trình HĐND Thành phố ban hành các Nghị quyết được cập nhật, điều chỉnh tại các Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 03/7/2017, số 15/NQ-HĐND ngày 15/12/2017, Nghị quyết 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 và Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 04/12/2019.

1. Công tác chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020

- Thành phố Hà Nội đã lập, phê duyệt Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và Kế hoạch đầu tư công hàng năm; triển khai công tác lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư tuân thủ đúng quy định của pháp luật về đầu tư công và hướng dẫn của Trung ương. Đảm bảo mục tiêu, định hướng và tuân thủ các quy định về nguyên tắc, thứ tự ưu tiên trong phân bổ kế hoạch vốn.

- Việc xây dựng Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 đã đảm bảo đúng định hướng trọng tâm đầu tư của Thành phố, là ngân sách thành phố chỉ tập trung đầu tư vào những dự án hạ tầng kỹ thuật khung; những dự án trọng điểm có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; những dự án mang tính đặc thù nhà nước. Đối với những lĩnh vực khác, Thành phố kêu gọi, thu hút đầu tư xã hội với nhiều hình thức khác nhau. Thành phố đã tập trung nguồn lực để thực hiện ba khâu đột phá của Thành phố là “Phát triển đồng bộ, hiện đại hóa từng bước kết

cầu hạ tầng đô thị và nông thôn; Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính; cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy, nâng cao hiệu quả đầu tư và sản xuất kinh doanh trên địa bàn Thủ đô; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh và phát triển toàn diện”. Cơ cấu vốn đầu tư công theo đúng định hướng, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Thành phố ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020; cho các dự án, công trình thuộc danh mục công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 đã được Thành phố xác định; cho các dự án để thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân Thủ đô (Thành phố đã xác định 05 lĩnh vực: môi trường, nước sạch, y tế - giáo dục, giao thông, công viên - khu vui chơi giải trí). Do vậy, sau khi Thành ủy, HĐND Thành phố, UBND Thành phố làm việc với sở, ngành, các quận, huyện, thị xã đã rà soát, bổ sung thêm nhóm các công trình trường học, y tế, nông thôn mới, nhóm công trình đảm bảo an sinh xã hội.

- Phân bổ kế hoạch vốn tập trung, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải. Vốn đầu tư được bố trí đảm bảo triển khai theo tiến độ, thời gian thi công xây dựng ngắn nhất có thể (dự án nhóm C thực hiện từ 1-2 năm/quy định 3 năm, dự án nhóm B thực hiện từ 2-3 năm/quy định 5-8 năm, các dự án nhóm A phần đầu thực hiện 5 năm) góp phần tiết giảm kinh phí dự phòng của từng dự án do thời gian thực hiện được rút ngắn.

- Một số lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, lĩnh vực phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân, giải quyết các vấn đề dân sinh bức xúc và có khả năng xã hội hóa, Thành phố đã tăng cường giới thiệu, kêu gọi các nhà đầu tư và đã được nhiều nhà đầu tư quan tâm, triển khai thực hiện để giảm áp lực cho đầu tư công như: Cơ chế xã hội hóa, đặt hàng doanh nghiệp xây dựng nhà tái định cư; Quy hoạch các khu đô thị vệ tinh; Quy hoạch cải tạo đồng bộ các khu chung cư cũ; các khu nhà ở xã hội tập trung quy mô lớn; Xã hội hóa cấp nước sạch khu vực nông thôn, xử lý ô nhiễm tại các hồ trên địa bàn; Xã hội hóa hạ ngầm đường dây điện, viễn thông, thay đổi cách thức quản lý hạ tầng bưu chính - viễn thông, chuyển giao từ cơ quan quản lý nhà nước sang doanh nghiệp; Tăng diện tích đỗ xe của các công trình cao tầng để từng bước giải quyết tình trạng thiếu chỗ đỗ xe trong khu vực đô thị; Đầu tư công khai các dịch vụ công ích như vệ sinh môi trường, chiếu sáng, cây xanh.

- Để giải quyết một trong những vấn đề khó khăn nhất trong thực hiện các dự án đầu tư là khâu giải phóng mặt bằng, đ/c Chủ tịch UBND Thành phố đã trực tiếp chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng. Thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ và trách nhiệm rõ ràng cho UBND các quận, huyện, thị xã.

- Thành phố đã ban hành các cơ chế, chính sách theo hướng cải cách thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, ủy quyền để thực hiện hiệu quả nhất Kế hoạch Đầu tư công trung hạn, như: Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND Thành phố Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội; Cơ chế giải ngân linh hoạt vốn chuẩn bị đầu tư; Cơ chế giải ngân linh hoạt vốn thiết kế - dự toán; Cơ chế đặc thù đối với các dự án sử

dụng vốn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn 6 quận, huyện; Chủ tịch UBND Thành phố ủy quyền cho Giám đốc các Sở quản lý xây dựng công trình chuyên ngành (Cơ quan thẩm định) phê duyệt một số nội dung quản lý chi phí đầu tư xây dựng của dự án để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Nghị định 68/2019/NĐ-CP của Chính phủ về chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Thành phố thực hiện sắp xếp, kiện toàn các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành Thành phố và các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện (Từ 71 Ban xuống còn 5 Ban Quản lý dự án đầu tư chuyên ngành của Thành phố, 01 Ban Quản lý đường sắt và 30 Ban thuộc các quận, huyện, thị xã).

- Định kỳ hàng năm tổ chức kiểm tra công tác giao kế hoạch đầu tư công của năm. Định kỳ hàng quý, tháng hoặc đột xuất tổ chức giao ban XDCB với các chủ đầu tư, UBND các quận, huyện, thị xã và các sở, ngành liên quan để kiểm điểm, đôn đốc tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư.

- Chỉ đạo quyết liệt việc quyết toán các công trình.

2. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt và kết quả triển khai thực hiện

Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 2016-2020 được HĐND Thành phố phê duyệt lần đầu tiên tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016, sau đó được cập nhật, điều chỉnh tại các Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 03/7/2017, số 15/NQ-HĐND ngày 15/12/2017, Nghị quyết 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 và Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 04/12/2019. Tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND, Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được phê duyệt các nội dung chính như sau:

2.1. Tình hình bố trí kế hoạch vốn trung hạn cấp Thành phố

2.1.1. Tổng mức kế hoạch vốn trung hạn: 107.303,365 tỷ đồng, hình thành từ các nguồn:

- <i>Vốn ngân sách trung ương, gồm:</i>	<i>14.863,024 tỷ đồng</i>
+ Trong đó: ODA cấp phát:	13.518,82 tỷ đồng
+ NSTW nguồn trong nước hỗ trợ có mục tiêu:	898,02 tỷ đồng
+ Vốn trái phiếu Chính phủ:	446,184 tỷ đồng
- <i>Vốn ODA Thành phố vay lại:</i>	<i>7.375,00 tỷ đồng</i>
- <i>Vốn cân đối ngân sách địa phương; gồm:</i>	<i>85.065,341 tỷ đồng</i>
+ Vốn NSTP (thuế, phí, thu từ đất):	83.274,666 tỷ đồng
+ Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết:	1.403,00 tỷ đồng
+ Vốn huy động từ các doanh nghiệp:	387,675 tỷ đồng

2.1.2. Phương án bố trí:

(1) Theo nhiệm vụ chi các cấp ngân sách:

- Các dự án, nhiệm vụ đầu tư cấp Thành phố: **84.396 tỷ đồng, chiếm 78,7%**

tổng mức vốn trung hạn cấp Thành phố, cho 735 dự án (gồm: 622 dự án bố trí vốn thực hiện, 65 dự án vốn chuẩn bị đầu tư, 9 dự án chương trình mục tiêu Thành phố, 34 dự án cơ chế đặc thù trên địa bàn 6 quận, huyện và 5 dự án thực hiện từ nguồn huy động của các doanh nghiệp).

- Ngân sách Thành phố hỗ trợ cấp huyện đầu tư: **22.907** tỷ đồng (chiếm **21,3%** tổng mức vốn trung hạn cấp Thành phố). Trong đó, hỗ trợ cho các quận, huyện là **17.160,339** tỷ đồng cho **788** dự án; chương trình mục tiêu quốc gia (xây dựng nông thôn mới) là **5.747** tỷ đồng (bao gồm **68** dự án thuộc Kế hoạch 138/KH-UBND được lồng ghép thực hiện là **1.050** tỷ đồng).

(2) Theo các nhiệm vụ cụ thể:

- Bố trí thu hồi ứng trước, vốn thanh quyết toán, chuẩn bị đầu tư, quy hoạch và dự phòng	2.989,504 tỷ đồng
- Bố trí vốn thực hiện dự án đầu tư xây dựng cấp Thành phố, các chương trình mục tiêu, hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện, gồm:	104.313,861 tỷ đồng
+ Bố trí các dự án XDCB tập trung của Thành phố: Bố trí vốn thực hiện dự án cho 622 dự án; dự kiến hết năm 2020 hoàn thành 504 dự án. Trong đó: Các công trình trọng điểm của Thành phố sử dụng nguồn vốn ngân sách thành phố và vốn ODA là 27 dự án/55 công trình trọng điểm của Thành phố với số vốn là: 37.598 tỷ đồng, chiếm 50,3% vốn XDCB tập trung của Thành phố. 65 dự án chuẩn bị đầu tư được ghi danh mục để tiếp tục hoàn thiện thủ tục chuẩn bị đầu tư.	74.776,077 tỷ đồng
+ Chương trình mục tiêu quốc gia và Thành phố: (Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 5.747 tỷ đồng; bao gồm 68 dự án thuộc Kế hoạch 138/KH-UBND được lồng ghép thực hiện là 1.050 tỷ đồng). Chương trình mục tiêu Thành phố: 9 dự án, gồm 01 dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội: 6 tỷ đồng; 08 dự án giảm thiểu ùn tắc giao thông: 379,51 tỷ đồng).	6.123,510 tỷ đồng
+ Bố trí vốn thực hiện một số dự án theo cơ chế đặc thù trên địa bàn 6 quận, huyện (Cầu Giấy, Hoàng Mai, Long Biên, Nam Từ Liêm, Hoài Đức, Gia Lâm): 34 dự án.	5.857,260 tỷ đồng
+ Ngân sách Thành phố hỗ trợ cho cấp huyện: (Bố trí vốn cho 788 dự án)	17.160,339 tỷ đồng

(3) Bố trí vốn theo ngành, lĩnh vực:

a) Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ bản tập trung cấp Thành phố, cơ cấu kế hoạch vốn theo ngành, lĩnh vực chi tiết như sau:

b) Đối với Ngân sách Thành phố hỗ trợ cấp huyện đầu tư, cơ cấu kế hoạch vốn như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 2016-2020		
		Dự án	Số tiền	Tỷ lệ %
	TỔNG		22.907,339	* 21,3%
I	Lồng ghép thực hiện Kế hoạch 138/KH-UBND với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	68	5.747,000	*5,53%
II	Ngân sách Thành phố hỗ trợ cấp huyện	788	17.160,339	*15,99%
				100,00%
1	Thanh toán nợ		488,941	2,85%
2	Giao thông	220	5.556,534	32,38%
3	Trường học	450	9.180,756	53,50%
4	Y tế	28	194,300	1,13%
5	Văn hóa thể thao	27	481,753	2,81%
6	Trụ sở xã	15	189,400	1,10%
7	Khác	47	1.068,655	6,23%

*: Tỷ lệ trong tổng kế hoạch vốn đầu tư trung hạn.

2.2. Tình hình bố trí kế hoạch vốn trung hạn cấp huyện

Bố trí thực hiện dự án đầu tư XDCB do cấp huyện quản lý: Nguồn phân cấp ngân sách: **76.080,4** tỷ đồng, **12.326** dự án, **10.035** dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ.

3. Kết quả thực hiện Kế hoạch Đầu tư công trung hạn

3.1. Kết quả thực hiện cấp Thành phố

3.1.1. Kết quả thực hiện đến hết năm 2019

3.1.1.1 Giai đoạn 2016-2019, Thành phố đã cân đối bố trí kế hoạch **79.115** tỷ đồng, đạt **73,7%** so với tổng mức vốn kế hoạch trung hạn được duyệt, trong đó:

- Các dự án và nhiệm vụ chi đầu tư cấp Thành phố: **62.896** tỷ đồng, đạt **74,5%** so với tổng mức vốn kế hoạch trung hạn (trong đó: Các dự án XDCB tập trung: **56.482** tỷ đồng, đạt **75,5%** so với tổng mức vốn kế hoạch trung hạn, các công trình trọng điểm: **25.916,9/37.598** tỷ đồng, đạt **68,9%** kế hoạch trung hạn tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND).

- Nhóm các dự án hỗ trợ cấp huyện: **16.219** tỷ đồng, đạt **70,8%** so với tổng mức vốn kế hoạch trung hạn.

3.1.1.2 Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016-2019:

- Lũy kế giải ngân kế hoạch vốn trung hạn cấp Thành phố giai đoạn 2016-2019 (tính đến hết ngày 10/11/2020): **67.490** tỷ đồng, đạt **85,3%** kế hoạch đã giao và bằng **62,9%** tổng mức vốn kế hoạch trung hạn được phê duyệt. Trong đó:

+ Các dự án và nhiệm vụ chi đầu tư cấp Thành phố giải ngân **52.001** tỷ đồng, đạt 82,7% kế hoạch đã giao và bằng 61,6% tổng mức vốn kế hoạch trung hạn được phê duyệt. Đã hoàn thành, bàn giao **396** dự án XDCB tập trung.

+ Nhóm các dự án hỗ trợ cấp huyện giải ngân **15.489** tỷ đồng, đạt **95,5%** kế hoạch đã giao và bằng **67,6%** tổng mức vốn kế hoạch trung hạn được phê duyệt. Đã có **617** dự án hoàn thành từ nguồn ngân sách thành phố hỗ trợ mục tiêu cấp huyện.

3.1.2. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020 (giao tại các Quyết định: số 6999/QĐ-UBND ngày 06/12/2019, số 2116/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 của UBND Thành phố và điều chỉnh đợt 2 đã được HĐND quyết nghị tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 10/11/2020):

3.1.2.1. Kế hoạch năm 2020 Thành phố giao đầu năm²: Thành phố Hà Nội đã phân bổ và giao chi tiết kế hoạch đầu tư năm 2020 với tổng mức vốn là 43.814,9 tỷ đồng³ (điều chỉnh giảm 1.102,6 tỷ đồng so với kế hoạch vốn giao đầu năm (44.917,5 tỷ đồng)), trong đó: Tổng chi đầu tư phát triển cấp Thành phố là **27.001,3** tỷ đồng (gồm chi đầu tư công: 21.016,3 tỷ đồng và chi đầu tư phát triển khác: 5.985 tỷ đồng), ngân sách cấp huyện là: **16.813,6** tỷ đồng.

a) Ngân sách đầu tư công cấp Thành phố phân bổ chi tiết như sau:

- Đối với các dự án XDCB tập trung cấp Thành phố: Thành phố bố trí vốn **13.303** tỷ đồng cho **295** dự án⁴, trong đó bố trí 9.790 tỷ đồng cho 154 dự án chuyển tiếp và 3.513 tỷ đồng cho 141 dự án mới;

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm ùn tắc giao thông Thành phố: **1.561** tỷ đồng;

- Các dự án theo cơ chế đặc thù sử dụng nguồn thu từ đất: Thành phố giao **1.113,1** tỷ đồng cho **19** dự án.

- Ngân sách Thành phố hỗ trợ các huyện (gồm nguồn vốn hỗ trợ mục tiêu, xổ số, đặc thù, kết luận của lãnh đạo Thành phố): Thành phố hỗ trợ **4.360,6** tỷ đồng cho **239** dự án.

- Bố trí vốn thu hồi ứng trước, thanh quyết toán, quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, dự phòng: **678,6** tỷ đồng.

b) Tổng đầu tư vốn ngân sách cấp huyện (gồm cả cấp xã) giao đầu năm là 16.813,6 tỷ đồng. Các quận, huyện, thị xã đã thực hiện phân bổ và giao kế hoạch theo đúng quy định.

3.1.2.2. Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển đến ngày 10/11/2020

- *Tình hình triển khai thực hiện các dự án ngân sách cấp Thành phố:* Đã phê duyệt Kế hoạch đầu thầu 122/125 dự án; đã phê duyệt thiết kế BVTC-DT

² Kế hoạch Đầu tư công ngân sách cấp Thành phố năm 2020: Tổng vốn đầu tư phát triển ngân sách cấp Thành phố giao 28.103,917 tỷ đồng, trong đó: Chi đầu tư công: 21.904 tỷ đồng; chi đầu tư phát triển khác: 6.200 tỷ đồng.

³ Thành phố đã điều chỉnh điều hòa các dự án xây dựng cơ bản cấp Thành phố đợt 1 tại Quyết định: Số 2116/QĐ-UBND ngày 25/5/2020 và bổ sung cho Ngân hàng chính sách xã hội 650 tỷ đồng tại Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 và Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1638/QĐ-TTg ngày 23/10/2020 điều chỉnh giảm 1.752,582 tỷ đồng. Sau điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển 2020 đợt 2 được HĐND quyết nghị tháng 11/2020, tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển 2020 không thay đổi là 43.814,945 tỷ đồng.

⁴ Bổ sung thêm 01 dự án Xây dựng cầu Vĩnh Tuy giai đoạn, được bố trí vốn 30 tỷ đồng từ nguồn dự phòng đầu tư công theo Quyết định số 3695/QĐ-UBND ngày 21/8/2020.

113/125 dự án; đã tổ chức đấu thầu và khởi công thi công 89/125 dự án;

- *Kết quả giải ngân*: Tính đến 10/11/2020, toàn Thành phố đã giải ngân được **22.369,5** tỷ đồng, đạt 49,8% kế hoạch giao đầu năm, đạt 51,1% kế hoạch sau điều chỉnh và bằng 57,5% KH Trung ương giao⁵.

Ước giải ngân 2020, toàn Thành phố giải ngân chi đầu tư phát triển được **40.743,9** tỷ đồng, đạt 90,7% so với kế hoạch đầu năm và 93% kế hoạch sau điều chỉnh. Từ nay đến cuối năm sẽ tiếp tục quyết liệt thực hiện các giải pháp để phấn đấu đạt tỷ lệ giải ngân cao nhất.

3.1.3 Lũy kế bố trí vốn đến nay và dự kiến thực hiện đến hết năm 2020

3.1.3.1 Lũy kế bố trí kế hoạch vốn và giải ngân

Hàng năm, UBND Thành phố giao kế hoạch vốn để thực hiện các dự án trong Kế hoạch Đầu tư công trung hạn. Cập nhật đến Kế hoạch vốn năm 2020 đầu năm đã giao, Thành phố đã cân đối bố trí kế hoạch **100.131/107.303** tỷ đồng, đạt **94,2%** so với tổng mức vốn kế hoạch trung hạn được duyệt, trong đó:

- *Các dự án và nhiệm vụ chi đầu tư cấp Thành phố*: **79.551/84.396** tỷ đồng, đạt **94,2%** so với tổng mức vốn trong kế hoạch trung hạn cho 707 dự án (tăng 37 dự án so với Nghị quyết số 26/NQ-HĐND sau khi điều chỉnh đợt 2 năm 2020 đã được HĐND quyết nghị tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 10/11/2020).

- *Nhóm các dự án hỗ trợ cấp huyện*: **20.579/22.907** tỷ đồng, đạt **89,8%** so với tổng mức vốn kế hoạch trung hạn.

- *Ước lũy kế giải ngân đến 31/01/2021*: **89.518** tỷ đồng (đạt 89,4%).

3.1.3.3 Dự kiến kết quả thực hiện hết năm 2020: Hoàn thành **561/707** dự án cấp Thành phố.

3.1.4 Năng lực tăng thêm của các ngành lĩnh vực

3.1.4.1. Các dự án XD CB cấp Thành phố

(1) Lĩnh vực quốc phòng: Dự kiến 17/17 dự án hoàn thành, bàn giao. Năng lực mới tăng thêm: 05 công trình phòng thủ, chiến đấu và trường bắn; 04 doanh trại, trụ sở làm việc tiểu đoàn, trung đoàn, sư đoàn thuộc, sở chỉ huy thuộc Bộ Tư lệnh Thủ đô; 03 doanh trại, trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự cấp huyện; 01 kho cất chứa vũ khí trang thiết bị; 01 trung tâm giáo dục quốc phòng an ninh; 01 khu huấn luyện thể thao; 29 loại trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, cứu sập đổ công trình.

(2) Lĩnh vực An ninh: Dự kiến 55/56 dự án hoàn thành, bàn giao. Năng lực tăng thêm: 10 trụ sở cơ quan PCCC; đầu tư PCCC cho 190 tòa Chung cư và tái định cư; 31 trụ sở công an cấp xã, cấp huyện và các cơ quan của Công an Thành phố.

(3) Lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề: Dự kiến 51/57 dự án hoàn thành theo Kế hoạch. Năng lực tăng thêm: Xây dựng mới 267 phòng học và 150 phòng học bộ môn; cải tạo sửa chữa 283 phòng học và phòng học bộ môn.

(4) Lĩnh vực khoa học Công nghệ: Dự kiến 02 dự án hoàn thành, bàn giao. Năng lực mới tăng thêm: Xây dựng trụ sở 13.600 m² sàn và đầu tư trang thiết bị phục vụ giám định chuyển giao công nghệ; cải tạo nhà làm việc, đầu tư thiết bị thí

⁵ Kế hoạch Trung ương giao Thành phố đầu năm là 40.671 tỷ đồng và ngày 23/10/2020 Thủ Tướng Chính phủ điều chỉnh giảm vốn ODA cấp phát 1.752,6 tỷ đồng.

nghiệm, kiểm định 03 lĩnh vực: Địa kỹ thuật, vật liệu xây dựng, kết cấu công trình,... nhằm nâng cao năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng cho Hà Nội và Vùng Thủ đô.

(5) Lĩnh vực y tế: Dự kiến 29/34 dự án hoàn thành, bàn giao. Năng lực tăng thêm: Cải tạo 14 trạm y tế, 4 phòng khám và trung tâm y tế; 11 bệnh viện cấp Huyện và Thành phố; tăng 204 giường bệnh.

(6) Lĩnh vực văn hóa thể thao: Dự kiến 31/41 dự án hoàn thành, bàn giao. Năng lực tăng thêm: Tu bổ 26 Di tích và 5 công trình văn hóa thể thao khác.

(7) Lĩnh vực phát thanh truyền hình: Dự kiến 03/05 dự án hoàn thành bàn giao. Năng lực mới tăng thêm: Hoàn chỉnh hệ thống hợp trực tuyến phục vụ công tác quản lý, điều hành của Thành phố; Mở rộng hệ thống hội nghị truyền hình Công an Thành phố tại 16 điểm; Chuyển đổi dây chuyền sản xuất theo công nghệ số HDTV các kênh sóng của Đài PT-TH Hà Nội.

(8) Lĩnh vực môi trường: Tổng cộng có 19/23 dự án hoàn thành, bàn giao. Năng lực tăng thêm: Hoàn thành 2 dự án đầu tư trạm quan trắc môi trường tự động; xóa 5 điểm úng ngập gây ô nhiễm môi trường; 01 Nhà máy xử lý nước thải tại xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức với công suất xử lý 8.000 m³/ngđ; cải thiện điều kiện môi trường xung quanh hồ Linh Quang và hoàn thành 11 dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại cụm công nghiệp.

(9) Lĩnh vực các hoạt động kinh tế:

(9.1) Lĩnh vực nông nghiệp

(9.1.1) Lĩnh vực đê điều: Dự kiến 110 dự án hoàn thành, bàn giao. Năng lực tăng thêm: Hoàn thành 59,4Km đê kè chống sạt lở bờ sông, cải tạo nâng cấp 202,5Km đê.

(9.1.2) Lĩnh vực thủy lợi: Dự kiến 52/61 dự án hoàn thành, bàn giao. Năng lực tăng thêm: Hoàn thành 25 trạm bơm, 3 hồ, 27 tuyến/ hệ thống kênh nâng diện tích đảm bảo tưới thêm 35.031ha, đảm bảo tiêu chủ động 24.547ha; nâng cấp kiên cố hóa 255,8 km kênh tưới, tiêu các loại.

(9.1.3) Lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, nông thôn: Dự kiến 07/07 dự án hoàn thành, bàn giao. Năng lực tăng thêm: Xây dựng hạ tầng vùng rau an toàn tập trung 167ha; hạ tầng thủy sản tập trung 325ha.

(9.2) Lĩnh vực công nghiệp: Dự kiến 6/6 dự án hoàn thành, bàn giao. Năng lực mới tăng thêm: 14,037km đường giao thông và các công trình hạ tầng trên tuyến qua 6 khu công nghiệp; 1 hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp 18.000m³; 1 trung tâm đào tạo cán bộ quản lý năng lương rộng 17.000m².

(9.3) Lĩnh vực thương mại: Dự kiến 4/4 dự án hoàn thành, bàn giao. 02 tuyến đường dài 2.366m qua điểm thông quan nội địa và khu giết mổ gia súc tập trung của Thành phố; 02 trụ sở làm việc đội quản lý thị trường với diện tích 3.162m²; 01 nhà kho tạm giữ hàng hóa, phương tiện vi phạm rộng 3.874m².

(9.4) Lĩnh vực giao thông: Dự kiến có 160/204 dự án hoàn thành, bàn giao. Năng lực tăng thêm: 40 cầu yếu và cầu đi bộ, cầu vượt, cải tạo nâng cấp và 559Km đường giao thông.

(9.5) Lĩnh vực hạ tầng cấp thoát nước: Dự kiến 25/26 dự án hoàn thành, bàn giao. Năng lực mới tăng thêm: Hoàn thành 08 công trình cấp nước tập trung nông thôn với tổng công suất 23.950m³/ng đêm; xây dựng hệ thống cấp nước cho khu LHXLT Nam Sơn và vùng ảnh hưởng; xây dựng và cải tạo 3 trạm bơm thoát nước; xây dựng các hệ thống hạ tầng kỹ thuật nhằm cải thiện điều kiện thoát nước tại một số khu vực trên địa bàn thành phố.

(10) Lĩnh vực hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: Dự kiến 6/8 dự án hoàn thành, bàn giao. Năng lực mới tăng thêm: Hoàn thành trụ sở làm việc của Thành ủy và Khu liên cơ Võ Chí Công; cải tạo nâng cấp Văn phòng UBND Thành phố; Khu điều dưỡng cán bộ Hà Nội tại Đồ Sơn, Hải Phòng và Nhà khách UBND Thành phố góp phần cải thiện điều kiện làm việc của cán bộ, công chức cơ quan Đảng, chính quyền Thành phố, thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

(11) Các lĩnh vực khác

(11.1) Lĩnh vực hạ tầng tái định cư: Dự kiến 02/06 dự án hoàn thành, bàn giao. Năng lực tăng thêm: 106,3 ha đất tái định cư.

(11.2) Các lĩnh vực khác (Tòa án, Viện kiểm soát, lao động thương binh xã hội, tài nguyên môi trường): Dự kiến 08/13 dự án hoàn thành, bàn giao. Năng lực tăng thêm: 02 Trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện; 20,8ha nghĩa trang, cải tạo 4 khối nhà lĩnh vực lao động thương binh và xã hội; Cắm mốc cho 19.484ha đất.

3.1.4.2. Chương trình MTQG và CTMT Thành phố

- Dự kiến đến hết năm 2020, có khoảng 371/386 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 96,1% (vượt Nghị quyết Đại hội đề ra là 70-75% tổng số xã), có 10/18 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 56%, bằng 100% so với kế hoạch giao. Thành phố đã hỗ trợ các huyện lồng ghép trong CTMTQG nông thôn mới để đạt huyện nông thôn mới hoàn thành 68 công trình giai đoạn 2016-2020.

- Chương trình mục tiêu giảm thiểu ùn tắc giao thông: Tổng cộng có 07/08 dự án hoàn thành, bàn giao. Năng lực tăng thêm: 01 Trung tâm giám sát, điều hành về ứng dụng công nghệ thông tin; 05 cầu, nút giao; 1,51 km đường giao thông.

- Chương trình mục tiêu ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước thành phố Hà Nội: 01/01 dự án hoàn thành góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

3.1.4.3. Các dự án đặc thù sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất

Dự kiến hết năm 2020, có 23/34 dự án hoàn thành, năng lực tăng thêm 15,046 km đường giao thông.

3.1.4.4. Các dự án huy động, đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân

Dự kiến hết năm 2020 có 04/5 dự án hoàn thành, bàn giao. Năng lực tăng thêm 2,6 km đường giao thông.

3.1.4.5. Các dự án cấp huyện, ngân sách Thành phố hỗ trợ vốn đầu tư

(1) Hỗ trợ có mục tiêu: Dự kiến hết năm 2020 có 280 công trình được bàn giao đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả vốn đầu tư và tạo điều kiện cho phát triển kinh tế địa phương, trong đó lĩnh vực giao thông: 144 công trình với 219,66km;

lĩnh vực trường học: 111 công trình với xây mới và cải tạo nâng cấp 2.638 phòng học, các phòng chức, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ; 08 trụ sở xã được cải tạo và xây mới; 07 công trình lĩnh vực văn hóa thể thao; 07 trạm y tế cấp xã và 03 công trình khác (môi trường, ...).

(2) Hỗ trợ từ nguồn xổ số: Hoàn thành, bàn giao 94 dự án. Trong đó, cải tạo trường học là 88 với 927 phòng học; hoàn thành, bàn giao 06 dự án cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã.

(3) Hỗ trợ theo kết luận của Thành phố làm việc với các huyện năm 2018: Dự kiến hết năm 2020 hoàn thành, bàn giao 221 dự án, trong đó lĩnh vực giao thông: 17 công trình với 59,3 km; lĩnh vực trường học: 184 công trình với xây mới và cải tạo nâng cấp 2.411 phòng học, các phòng chức năng, nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ; 05 công trình lĩnh vực văn hóa thể thao; 13 trạm y tế cấp xã và 02 công trình khác.

(4) Hỗ trợ một số quận, huyện, thị xã xây dựng trường học đạt chuẩn: Đã hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng 42/42 trường học đạt chuẩn.

(5) Hỗ trợ đặc thù các địa phương (bãi rác, nghĩa trang, khắc phục thiên tai bão, lũ...) và hỗ trợ khác: Dự kiến hết năm 2020 hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng 146/157 dự án; trong đó: lĩnh vực giao thông 76 công trình với 90,4 km, 28 công trình trường học với 198 phòng học, 06 trụ sở xã, 02 trạm y tế, 15 nhà văn hóa thôn, 02 di tích và 26 công trình khác (thủy lợi, môi trường,...) và 01 trung tâm văn hóa.

3.2. Các dự án công trình trọng điểm của Thành phố

- Kết quả giải ngân kế hoạch vốn giao của các công trình trọng điểm:

+ Tại Nghị quyết 15 ngày 04/12/2017, HĐND Thành phố đã điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 với tổng số 55 công trình, TMĐT khoảng 486.991 tỷ đồng (gồm 27 dự án Ngân sách và ODA; 26 dự án PPP; 02 dự án XHH). Quá trình triển khai thực hiện, Thành phố đã chỉ đạo điều hành, cho phép chuyển đổi hình thức đầu tư một số dự án từ PPP sang Ngân sách. Như vậy, trong số 55 dự án, TMĐT cập nhật đến nay khoảng 532.877 tỷ đồng, có: 31 dự án Ngân sách và ODA (bao gồm cả các dự án PPP đang hoàn thiện thủ tục chuyển sang đầu tư công); 22 dự án đầu tư theo hình thức PPP và 02 dự án xã hội hóa.

+ Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND Thành phố điều chỉnh tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 là 37.598,3 tỷ đồng. Lũy kế kế hoạch vốn giao giai đoạn 2016-2019 là 25.916,9 tỷ đồng, đạt 68,9% kế hoạch trung hạn tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND. Lũy kế giải ngân giai đoạn 2016-2019 đạt 20.845,3 tỷ đồng; trong đó, giải ngân kế hoạch vốn giao năm 2019 đạt 4.455 tỷ đồng/KH 5.337,6 tỷ đồng (đạt 83,5%).

+ Kế hoạch vốn năm 2020 đã giao là 7.006,698 tỷ đồng (vốn ODA là 5.064,9 tỷ đồng, vốn trong nước là 1.941,731 tỷ đồng); giải ngân hết tháng 10/2020 đạt 2.291,471 tỷ đồng, bằng 32,7% KH giao (trong đó vốn trong nước đạt 1.038,745 tỷ đồng, bằng 53,5% kế hoạch). Như vậy, giai đoạn 2016-2020 kế hoạch vốn đã giao là 32.923,6 tỷ đồng, còn lại khoảng 4.674,7 tỷ đồng sẽ tiếp tục xem xét cân đối bố trí khi đủ điều kiện.

- Ước giải ngân hết 31/01/2021 đạt 4.561,964 tỷ đồng, bằng 65,1% KH giao (trong đó vốn trong nước đạt 1.798,731 tỷ đồng, bằng 92,6% kế hoạch).

- *Tiến độ thực hiện đến hết 20/11/2020:*

+ 11 dự án và 01 hạng mục dự án Ngân sách hoàn thành theo mục tiêu ban đầu.
+ 10 dự án đang thi công xây dựng (07 dự án Ngân sách và ODA; 03 dự án PPP).
+ 20 dự án và 01 hạng mục dự án đang chuẩn bị thực hiện và hoàn thiện thủ tục (gồm 13 dự án và 01 hạng mục dự án Ngân sách, ODA; 06 dự án PPP; 01 dự án XHH).

+ 14 dự án chưa triển khai thủ tục đầu tư: gồm 13 dự án PPP và 01 dự án XHH.

+ Dự kiến đến hết 2020 có 15 dự án hoàn thành, cơ bản hoàn thành đáp ứng tiến độ, gồm 13 dự án sử dụng vốn Ngân sách, 02 dự án đầu tư theo hình thức PPP. Trong đó, một số dự án cần tập trung chỉ đạo quyết liệt mới có thể hoàn thành: Tiếp nước, cải tạo khôi phục sông Tích; Tuyến đường bộ trên cao dọc đường Vành đai 2 đoạn từ Cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Sở; Bảo tàng Hà Nội (nội dung trưng bày); phân bổ sung của dự án Cầu vượt tại nút giao An Dương - đường Thanh Niên, Trạm bơm tiêu Yên Nghĩa (phần kênh La Khê)...

3.3. Kết quả thực hiện cấp huyện

3.3.1. Tình hình bố trí vốn

Theo báo cáo của các quận, huyện, thị xã, cấp huyện đã triển khai thực hiện và cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp huyện từ nguồn phân cấp theo quy định từ **43.978, 398** tỷ đồng tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 lên **76.080,4** tỷ đồng, tăng 32.102 tỷ đồng.

3.2.2. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư trung hạn

Giải ngân nguồn ngân sách cấp huyện đến 30/10/2020: **61.397** tỷ đồng đạt **84%** so với tổng mức vốn trung hạn cấp huyện quản lý.

3.3.3. Năng lực mới tăng thêm

- Giai đoạn 2016 - 2020, các quận, huyện thị xã đã căn cứ các chỉ tiêu, mục tiêu nghị quyết Đại hội Đảng cấp mình để đầu tư nguồn lực nguồn lực cho chương trình xây dựng nông thôn mới; đầu tư các dự án phát triển do cấp mình quản lý để hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra góp phần hoàn thành các chỉ tiêu chung của Thành phố, một số chỉ tiêu đến hết năm 2019 đã hoàn thành: Chỉ tiêu tỷ lệ xã phường đạt chuẩn quốc gia về y tế (hoàn thành năm 2017), Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn Quốc gia (hoàn thành năm 2019),...

- Kết quả đầu tư cho các ngành lĩnh vực như sau:

+ Chi giáo dục đào tạo: **27.832** tỷ đồng, **2.626** dự án, hoàn thành **1.880** dự án.
+ Chi y tế, dân số và gia đình: **931,1** tỷ đồng, **319** dự án, hoàn thành **298** dự án
+ Chi văn hóa: **9.302,2** tỷ đồng, **1.884** dự án, hoàn thành **1.850** dự án.
+ Chi thể thao: **315,4** tỷ đồng, **203** dự án, hoàn thành **195** dự án
+ Chi các hoạt động kinh tế : **27.217** tỷ đồng, **5.811** DA, hoàn thành **4.501** dự án
+ Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước: **3.538,9** tỷ đồng, **784** dự án, hoàn thành **742** dự án.

+ Chi khác: **6.943** tỷ đồng, **699** dự án, **569** dự án hoàn thành

Tổng số dự án hoàn thành của giai đoạn 2016-2020: **10.035** dự án; Tổng số dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025: 2.291 dự án.

4. Đánh giá chung về việc thực hiện Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 2016-2020

4.1 Những kết quả tích cực

Giai đoạn 2016-2020 là giai đoạn đầu tiên thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm trong điều kiện hệ thống văn bản quy phạm điều chỉnh còn chưa kịp thời, đầy đủ. Tuy nhiên với sự chỉ đạo quyết liệt của Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố, sự cố gắng của các cấp, các ngành trong thời gian qua, kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020 đạt được nhiều kết quả tích cực.

- Nhiều dự án công trình xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội của Thành phố được tập trung bố trí vốn, hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng đã góp phần hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI, các Chương trình của Thành ủy, Kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội, các khâu đột phá trong giai đoạn 2016-2020 của Thành phố.

- Các chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVI cần phải có dành nguồn lực đầu tư công để hoàn thành cơ bản đều đạt và vượt kế hoạch như chỉ tiêu về: Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2016-2020; Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới; Tỷ lệ trường công lập (mầm non, tiểu học, THCS, THPT) đạt chuẩn quốc gia; Số giường bệnh/vận dân; Tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo chuẩn mới của Bộ Y tế); Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động và xây dựng mới có trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn quốc gia tương ứng.

- Các công trình hoàn thành đã phát huy hiệu quả, giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc dân sinh, giảm thiểu ùn tắc giao thông, đảm bảo môi trường, từng bước hiện đại hóa kết cấu hạ tầng đô thị và nông thôn, nhất là hệ thống giao thông với các tuyến đường kết nối giữa Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong cả nước; đường vành đai, trục hướng tâm, cầu đường bộ, gắn với nâng cao năng lực vận tải hành khách công cộng và hạ tầng xã hội đáp ứng tốt hơn nhu cầu đi lại của nhân dân.

- Thành phố tạo chuyển biến căn bản về xây dựng Chính phủ điện tử để giảm thời gian và chi phí cho người dân và doanh nghiệp. Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đạt 100%. Nhiều thủ tục hành chính đã thực hiện trên môi trường mạng một cách phổ biến như: đăng ký thành lập doanh nghiệp (đạt 100%), kê khai và nộp thuế (trên 95%), hải quan (100%), bảo hiểm xã hội (trên 98%), thanh toán tiền điện,...

- Cùng với việc thu hút đầu tư ngoài ngân sách, Thành phố đang hướng tới cung cấp các dịch vụ đạt chuẩn quốc tế trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực,...

4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế:

- Mặc dù đã có nhiều nỗ lực, song công tác lập kế hoạch đầu tư công trung

hạn 2016-2020 còn chậm và phải điều chỉnh nhiều lần. Nghị quyết của HĐND Thành phố đầu tiên về đầu tư công trung hạn được phê duyệt tại kỳ họp tháng 12/2016. Từ đầu kỳ trung hạn đến nay, Thành phố phải thực hiện nhiều lần cập nhật, điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn.

- Do tác động của nền kinh tế và các vướng mắc khi triển khai các quy định pháp luật trong việc huy động nguồn vốn đầu tư, việc huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn không đạt được như kế hoạch (nguồn ngân sách Thành phố không đạt như kế hoạch, nguồn vốn ODA cấp phát và nguồn ngân sách trung ương dự kiến cho Hà Nội giảm so với dự kiến, các dự án PPP không triển khai được, một số dự án chuyển sang sử dụng nguồn vốn đầu tư công). Kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến từ 119.224,957 tỷ đồng tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 xuống còn 107.333,365 tỷ đồng tại Nghị quyết số 26/NQ-HĐND năm 2019.

- Công tác chuẩn bị các thủ tục đầu tư còn chậm dẫn đến kế hoạch đầu tư công trung hạn chậm được hoàn thiện. Một số dự án chậm phê duyệt; danh mục dự án có sự thay đổi; có một số dự án điều chỉnh nhiều lần; một số dự án chậm tiến độ hoàn thành nên Kế hoạch Đầu tư công trung hạn có nhiều lần phải cập nhật, điều chỉnh.

- Việc thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư hằng năm còn chậm, nhất là trong 6 tháng đầu năm. Nhiều dự án không giải ngân hết kế hoạch vốn phải kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau (năm 2016: 89 dự án, mức vốn 1.579 tỷ đồng; năm 2017: 98 dự án, mức vốn 1.696 tỷ đồng; năm 2018: 107 dự án, mức vốn 5.617 tỷ đồng). Một số dự án gặp vướng mắc phải điều chỉnh kế hoạch vốn hoặc không thực hiện hết số vốn kế hoạch phải hủy bỏ, chuyển kết dư ngân sách.

- Các dự án ODA triển khai chậm và khó khăn trong bố trí vốn. Từ năm 2017, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, việc giải ngân vốn ODA của các dự án căn cứ vốn kế hoạch bố trí hằng năm mà không theo tiến độ cấp vốn của nhà tài trợ. Trong khi đó, mức vốn ODA bố trí hằng năm bị khống chế bởi trần nợ công. Do đó, vốn không bố trí được theo tiến độ của dự án.

b) Nguyên nhân:

* Nguyên nhân khách quan:

- Luật Đầu tư công được ban hành lần đầu tiên và có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công được ban hành chậm; quá trình triển khai trong thực tiễn có quá nhiều vướng mắc do mâu thuẫn với các Luật khác như Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường nên cần có thời gian nghiên cứu, thống nhất tổ chức thực hiện giữa các cơ quan liên quan làm chậm tiến độ xây dựng và phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn.

- Quy định thủ tục đầu tư phức tạp, mâu thuẫn gây nhiều khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện các thủ tục đầu tư và triển khai dự án trong thực tế. Đặc biệt là thực hiện quy định của Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/08/2019 (có hiệu lực từ ngày 01/10/2019) của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng tạo thêm nhiều thủ tục mà thẩm quyền trước đây thuộc chủ đầu tư nay phải trình Người quyết định đầu tư (như điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư, tổng dự toán và cập nhật giá gói thầu sử dụng kinh phí dự phòng của dự án...).

- Các quy định liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng có nhiều thay đổi trong quá trình thực hiện dẫn đến nhiều khó khăn vướng mắc trong thực tiễn làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án đầu tư.

- Từ cuối năm 2016 đến đầu năm 2017, Thành phố thực hiện sắp xếp lại bộ máy của các Ban quản lý dự án và thành lập 05 Ban quản lý dự án chuyên ngành của Thành phố theo quy định của Luật Xây dựng; thực hiện việc chuyển chủ đầu tư dự án từ các sở ngành về các Ban Quản lý chuyên ngành đã một phần ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện kế hoạch.

- Đầu năm 2020, dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến tình hình triển khai và tiến độ giải ngân của các dự án.

** Nguyên nhân chủ quan:*

- Trong điều hành và triển khai đầu tư các dự án, một số chủ đầu tư và cán bộ quản lý dự án còn thiếu quyết liệt, chưa chủ động và còn hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ; công tác phối hợp giữa các sở, ngành, UBND các huyện và các chủ đầu tư trong giải quyết các thủ tục đầu tư, xử lý và tháo gỡ những vướng mắc khó khăn trong quá trình đầu tư còn thiếu chủ động và chưa được kịp thời.

- Quy định của Luật đầu tư công năm 2014 (Điều 76) cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau khiến chủ đầu tư có xu hướng giải ngân dồn vào thời điểm cuối năm và chuyển nguồn sang năm sau.

- Trình độ năng lực, kinh nghiệm của một số đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công và cả Chủ đầu tư còn hạn chế dẫn đến quá trình thực hiện còn lúng túng, tiến độ chậm. Chất lượng hồ sơ không đảm bảo, tổng mức đầu tư, dự toán lập không chính xác như vậy đã làm mất thời gian của cơ quan thẩm định do phải thẩm định lại nhiều lần, dẫn đến chậm tiến độ công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án.

5. Một số nhiệm vụ giải pháp chỉ đạo điều hành để hoàn thành Kế hoạch Đầu tư công trung hạn đến hết năm 2020

- UBND Thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt Kết luận của Thường trực Thành ủy tại Thông báo số 2558-TB/TU ngày 14/4/2020 tại Hội nghị với Ban cán sự Đảng UBND Thành phố về tình hình phân bổ, thực hiện, giải ngân Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020; định hướng xây dựng Kế hoạch giai đoạn 2021-2025; Thông báo Kết luận số 2842-TB/TU ngày 15/9/2020 về việc yêu cầu “từng quận, huyện, thị xã phải tự cân đối thu chi ngân sách; chỉ trong khả năng thu, giảm thu thì giảm chi; giải ngân đầu tư công đạt 100% kế hoạch giao”.

- Nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đã chỉ đạo tại văn bản số 1138/UBND-KH&ĐT ngày 06/4/2020 của UBND Thành phố; Chương trình số 144/CTr-UBND ngày 15/7/2020 thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19.

- Thành phố triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội. Trong đó, có nội dung cho phép các quận sử dụng ngân sách cấp quận để hỗ trợ các huyện khó khăn của Thành phố trong việc phòng,

chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới.

- 06 Tổ công tác của Thành phố quyết liệt triển khai thực hiện nhiệm vụ đôn đốc thu ngân sách và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

- Các chủ đầu tư (Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã) tập trung triển khai quyết liệt thực hiện các dự án trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được HĐND Thành phố quyết nghị; cam kết giải ngân chi tiết từng tháng của từng dự án. Đặc biệt là đối các công trình hoàn thành, các công trình khởi công để chào mừng Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

- Chủ động triển khai công tác chuẩn bị thực hiện dự án (lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế - dự án công trình, tổ chức GPMB), trong đó tập trung vào các dự án, công trình trọng điểm, các công trình cấp bách, cấp thiết cần đẩy nhanh tiến độ ngay sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư.

- Các sở, ngành Thành phố tiếp tục rà soát, thực hiện cải cách hành chính đối với các thủ tục về đầu tư xây dựng, bồi thường GPMB, thu hồi đất,... Chủ động giải quyết theo thẩm quyền; kịp thời tham mưu, đề xuất UBND Thành phố chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các dự án đầu tư.

- Các đơn vị cần nghiêm túc thực hiện chế độ báo cáo **3 lần/tháng** vào các ngày **10, 20, 30** gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo UBND Thành phố và Thành ủy vào các ngày **11, 21, 31** hoặc **30** hàng tháng.

II. Định hướng kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025; công tác chỉ đạo, điều hành và quá trình triển khai xây dựng

1.1 Căn cứ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14; Luật Ngân sách năm 2015;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
- Nghị quyết số 122/2020/NQ-QH14 ngày 19/6/2020, Quốc hội cho phép “kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021”;
- Nghị quyết số 115/2020/NQ-QH14 ngày 19/6/2020 về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội;
- Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020;
- Các định hướng về phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII; Nghị quyết của HĐND Thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của Thành phố (hiện đang trong quá trình xây dựng);

- Kết quả thực hiện đầu tư công giai đoạn 2016-2020;
- Đề xuất nhu cầu kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 của các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã.

1.2. Công tác chỉ đạo, điều hành xây dựng Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 20/7/2019 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản hướng dẫn số 5743/BKHĐT-TH ngày 14/8/2019;
- Chủ tịch UBND Thành phố ban hành Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 10/9/2019 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành văn bản số 5121/KHĐT-THQH ngày 20/9/2019 hướng dẫn các sở, ngành, quận huyện. Các sở, ngành, quận, huyện, thị xã đang thực hiện rà soát đánh giá kết quả thực hiện 5 năm 2016-2020 và xây dựng Kế hoạch 5 năm 2021-2025.
- UBND Thành phố đã ban hành văn bản số 3277/UBND-KT ngày 22/7/2020 về lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.
- Hiện nay, Trung ương chưa thông báo tổng mức vốn đầu tư công dự kiến của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trung ương, Thành phố đã dự kiến về nguồn ngân sách dành cho đầu tư công theo kịch bản có tính đến tác động của dịch bệnh Covid-19.

2. Bối cảnh thực hiện Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025

Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 được thực hiện trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, nhanh, khó lường với nhiều thách thức đe dọa sự ổn định và phát triển trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động lớn đến kinh tế - xã hội, làm đứt gãy chuỗi cung ứng và lưu chuyển thương mại, làm đình trệ hoạt động sản xuất, kinh doanh, ảnh hưởng trực tiếp đến việc huy động nguồn lực cho Kế hoạch Đầu tư công trung hạn và hàng năm của Thành phố. Bên cạnh đó, những vấn đề phức tạp, vướng mắc nảy sinh trong quá trình đô thị hóa, đặc biệt là sự quá tải đối với hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, mâu thuẫn giữa yêu cầu bảo tồn các giá trị lịch sử với phát triển, vấn đề xử lý và gìn giữ bảo vệ môi trường là khó khăn không nhỏ trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn tới do nhu cầu đầu tư lớn trong khi nguồn lực dành cho đầu tư có hạn.

Tuy nhiên, việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công giai đoạn tới có nhiều thuận lợi: Giai đoạn 2021-2025, dự báo Thành phố vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức khá. Dự kiến tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2021-2025: 7,5-8,0%, tạo điều kiện thuận lợi để tiếp tục huy động các nguồn lực cho Kế hoạch đầu tư công trung hạn. Thành phố đã dự kiến xác định 03 khâu đột phá giai đoạn tới là những định hướng quan trọng trong quá trình xây dựng, thực hiện Kế hoạch Đầu tư công trung hạn. Bên cạnh đó, Thành phố tiếp tục

nhận được sự quan tâm giúp đỡ đặc biệt của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ trong thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của Thành phố, trọng tâm là Đề án thí điểm quản lý theo mô hình chính quyền đô thị trên địa bàn, Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù cho Thủ đô là những cơ chế, chính sách quan trọng cho Thành phố tiếp tục huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

3. Mục tiêu và định hướng đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025

- Mục tiêu đầu tư công giai đoạn 2021-2025: Thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển nền kinh tế, đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội thiết yếu, phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII đã quyết nghị; các định hướng tại Chiến lược phát triển KTXH và Kế hoạch phát KTXH 5 năm 2021-2025 của Thành phố.

- Định hướng đầu tư: Ngân sách Thành phố chỉ tập trung đầu tư vào những dự án hạ tầng kỹ thuật khung; những dự án trọng điểm có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; những dự án mang tính đặc thù nhà nước. Không bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước vào các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác có thể đầu tư. Bố trí, sử dụng vốn ngân sách nhà nước như là vốn môi để khai thác tối đa các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác.

4. Nguyên tắc lập Kế hoạch Đầu tư công 5 năm 2021-2025

- Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của Thành phố và các quy hoạch được phê duyệt;

- Tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng;

- Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác; bảo đảm các cân đối lớn của Thành phố.

- Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025 do cấp có thẩm quyền quyết định.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các ngành, lĩnh vực, các quận, huyện, thị xã theo mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của giai đoạn 2021-2025.

- Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

- Bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng.

- Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

5. Nguyên tắc bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025 cho các chương trình, dự án

(1). Nhằm thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch của Thành phố được phê duyệt.

(2). Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có

thẩm quyền quyết định.

(3). Tập trung bố trí vốn đầu tư công để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng Thành phố, chương trình, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, của các cấp, các ngành.

(4). Trong từng ngành, lĩnh vực, việc bố trí vốn thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau: Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; các dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ; các dự án mới thuộc lĩnh vực ưu tiên: y tế, giáo dục, môi trường, phòng chống biến đổi khí hậu, nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới nâng cao, các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khung, tạo diện mạo đô thị hiện đại, văn minh, an ninh, quốc phòng; các dự án cần thiết ưu tiên của các lĩnh vực khác.

6. Trọng tâm đầu tư các ngành, lĩnh vực trong giai đoạn 2021-2025 và dự kiến kết quả đạt được trong giai đoạn 2021-2025

(Thứ tự sắp xếp các ngành theo Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025)

(1). *Lĩnh vực quốc phòng*: Hỗ trợ các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu quốc phòng, cơ yếu, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; dự kiến kết quả đạt được: Hoàn thành 05 công trình Ban CHQS cấp Huyện, 02 công trình chiến đấu và mua sắm trang thiết bị.

(2). *Lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội*: Hỗ trợ các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực phục vụ mục tiêu an ninh và trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Dự kiến hoàn thành 38 trụ sở Công an cấp xã và trụ sở công an PCCC,...

(3). *Lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề*: Đầu tư các trường THPT góp phần giải quyết tình trạng thiếu trường thiếu lớp trên các địa bàn có tốc độ đô thị hóa nhanh và hoàn thành chỉ tiêu trường công lập đạt chuẩn quốc gia. Ưu tiên các dự án xây dựng thành lập trường mới, các trường xuống cấp, thiếu phòng học, phòng bộ môn và chưa được công nhận đạt chuẩn cần đầu tư xây dựng mở rộng đảm bảo đạt chuẩn, các trường đã đạt chuẩn nay xuống cấp cần đầu tư duy trì. Đầu tư cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, tiên tiến và từng bước hiện đại. Đầu tư các dự án trường dạy nghề theo các chương trình, đề án đầu tư nghề trọng điểm cấp Thành phố và Quốc gia. Dự kiến kết quả đạt được: Hoàn thành 28 trường phổ thông trung học, trường liên cấp và 04 trường nghề,...

(4). *Lĩnh vực khoa học, công nghệ*: Thực hiện nhiệm vụ, chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ. Xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của cả nước, tiến tới là trung tâm khoa học và công nghệ của khu vực Đông Nam Á trong một số lĩnh vực.

(5). *Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình*: Tiếp tục kiện toàn tổ chức mạng lưới, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao chất lượng dịch vụ ở các trung tâm y tế, phòng khám đa khoa, trạm y tế xã, phường. Ưu tiên phát triển y tế dự phòng, y tế số, đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế hiện đại. Dự kiến kết quả đạt được: Hoàn thành 7-9 bệnh viện đa khoa, chuyên khoa và tăng thêm 285 giường bệnh,...

(6). *Lĩnh vực văn hóa thông tin*:

- Văn hóa: Bảo vệ, bảo tồn giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, văn hóa dân tộc; phát triển văn học nghệ thuật, điện ảnh, thư viện, bảo tàng, văn hóa cơ sở, các loại hình nghệ thuật biểu diễn; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa.

- Thông tin: Cơ bản hoàn thành xây dựng Chính quyền điện tử của Thành phố trước năm 2025, hướng tới hình thành Chính quyền số Thành phố Hà Nội. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 phần đầu đạt 100%, nâng cao tỷ lệ người dân và doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ công trực tuyến. Vận hành, khai thác hiệu quả Trung tâm dữ liệu Thành phố, kết nối đồng bộ, liên thông các cơ sở dữ liệu về dân cư, cán bộ, đất đai, hạ tầng kỹ thuật, môi trường, năng lượng...

(7). *Lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tấn*: Đầu tư xây dựng trụ sở mới của Đài, hệ thống trang thiết bị công nghệ sản xuất chương trình theo tiêu chuẩn 4K hướng tới 8K.

(8). *Lĩnh vực thể dục, thể thao*: Đầu tư nâng cấp, xây mới và sử dụng có hiệu quả các thiết chế thể dục, thể thao; chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức thành công SEA Games 31, Para Games 11 năm 2021... Xây dựng các cơ sở, mô hình tập luyện, sân chơi thể dục, thể thao hấp dẫn tại các khu công nghiệp, khu dân cư, trường học...; Dự kiến kết quả đạt được: Hoàn thành 07 công trình phục vụ Sea Games 31 và Para Games 11 năm 2021,...

(9). *Lĩnh vực bảo vệ, môi trường*: Xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị quan trắc, cảnh báo môi trường, bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải, rác thải, nước thải, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, cụ thể: Đầu tư hoàn thiện Trung tâm điều hành và quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động; ứng dụng công nghệ hiện đại tăng cường năng lực quản lý, kiểm soát và dự báo, xây dựng kịch bản phòng, chống, xử lý ô nhiễm môi trường; Thực hiện tốt quy hoạch và đầu tư cải tạo, nâng cấp các công viên, vườn hoa, sân chơi. Tiếp tục đầu tư hệ thống chiếu sáng công cộng, chiếu sáng cảnh quan, mỹ thuật. Tích cực triển khai công nghệ mới, xử lý cơ bản ô nhiễm môi trường nước của hệ thống hồ, ao; phát triển hệ thống thủy lợi, thoát nước và xử lý nước thải; triển khai thực hiện Đề án cải tạo môi trường sông Nhuệ - Đáy; các chương trình chống ngập, úng; khơi thông dòng chảy các sông: Nhuệ, Đáy, Tô Lịch, Tích... Dự kiến kết quả đạt được: Hoàn thành 08 công trình, 01 tuyến đường vào khu xử lý chất thải dài 1,1km và khu liên hiệp xử lý chất thải Sóc Sơn giai đoạn II (khu chôn lấp 73,7 ha),...

(10). *Lĩnh vực các hoạt động kinh tế*:

- *Lĩnh vực đề điều*: Tiếp tục củng cố hệ thống đề điều nhằm nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, chủ động phòng, tránh bão, lũ, ứng phó với

biến đổi khí hậu và nước biển dâng; từng bước cải tạo, nâng cấp đê từ cấp đặc biệt đến cấp IV, các tuyến kè lát mái hồ bờ và kè mỏ hàn.

- *Lĩnh vực thủy lợi*: Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các công trình thủy lợi; đảm bảo cấp nước tưới chủ động phục vụ sản xuất nông nghiệp (khoảng 90% diện tích yêu cầu tưới), cấp nước cho diện tích nuôi trồng thủy sản..., góp phần tạo nguồn nước cấp cho dân sinh và cải tạo môi trường; đảm bảo tiêu thoát nước 100% diện tích SXNN và dân cư nông thôn, cùng với hệ thống thoát nước đô thị đảm bảo tiêu thoát nước cho các đô thị; Dự kiến kết quả đạt được: Hoàn thành 24 công trình, 17 trạm bơm phục vụ tưới tiêu 39.824,7 ha; nâng cấp 31 km mặt đê sông nhưệ, khôi phục 27,5 km sông Tích,...

- *Lĩnh vực kinh tế nông thôn*: Đến năm 2025, Thành phố hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới cấp Thành phố, 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn khu vực ven đô, các huyện được phê duyệt thành quận theo quy hoạch và theo tiêu chí đô thị; ưu tiên cải thiện hệ thống đường giao thông nông thôn, hệ thống tưới tiêu, thoát nước thải, cấp nước sạch, nâng cấp các chợ dân sinh, xây dựng chợ đầu mối, xây dựng các khu chăn nuôi, khu giết mổ tập trung và tách sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề gây ô nhiễm khỏi khu dân cư. Chú trọng đầu tư hạ tầng kinh tế đồng bộ với hạ tầng xã hội (*trường học, y tế, các công trình văn hóa...*) đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống; người dân có việc làm, thu nhập tại chỗ.

- *Lĩnh vực công nghiệp*: Xây dựng tuyến đường và HTKT để phát triển KCN, cụm công nghiệp và làng nghề và khu thương mại.

- *Lĩnh vực cấp thoát nước*: Ưu tiên đầu tư các dự án phục vụ tưới tiêu đồng thời giải quyết tình trạng ngập úng diện rộng và cục bộ trên địa bàn Thành phố.

- *Lĩnh vực giao thông*: Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông. Sớm hoàn thành các dự án tuyến đường vành đai, đường hướng tâm, cầu qua sông Hồng; đẩy nhanh tiến độ các dự án giao thông trên cao, đường sắt đô thị, các công trình ngầm gắn với khả năng kết nối đồng bộ giữa các loại hình vận tải hành khách công cộng; tập trung các tuyến giao thông kết nối với các đô thị vệ tinh và kết nối vùng để phát huy lợi thế của Thủ đô và các tuyến liên khu vực. Ưu tiên đầu tư đưa vào vận hành 2-3 tuyến đường sắt đô thị vận tải hành khách khối lượng lớn, tốc độ cao. Tập trung đầu tư các đường vành đai (VĐ1; VĐ2,5; VĐ3; VĐ 3,5 các trục đường hướng tâm (QL21B; QL6; QL1A; QL32; đường sắt số 5, số 3....) các tuyến đường bức xúc dân sinh, các cầu yếu, cầu vượt và các dự án do vướng mắc đã kéo dài nhiều năm. Ưu tiên các dự án trên địa các huyện phía tây thành phố hạ tầng giao thông còn yếu kém (Mỹ Đức, Ứng Hòa, Thanh Oai, Quốc Oai, Phú Xuyên ...), các tuyến hạ tầng khung một số Huyện đầu tư lên Quận; Dự kiến kết quả đạt được: Hoàn thành các đường vành đai: VĐ1, VĐ 2,5 và một số đoạn tuyến VĐ 3,5, cơ bản hoàn thành việc mở rộng một số đường hướng tâm: QL21B, QL6, QL1A và QL32, 12 - 15 cầu yếu và cầu đi bộ, triển khai một số tuyến đường quan trọng, cầu qua sông Hồng, một số tuyến đường bức xúc dân sinh theo kiến nghị của cử tri...

- *Lĩnh vực văn hóa thông tin và du lịch*: Xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm, địa bàn du lịch, cụ thể:

Ưu tiên đầu tư các dự án hạ tầng phục vụ phát triển du lịch (*các khu lịch du lịch trọng điểm: Cổ Loa, Hoàng Thành, Ba Vì, Sóc Sơn và Mỹ Đức*); xây dựng cung thiếu nhi và nâng cấp Nhà hát nghệ thuật Xiếc, tạp kỹ, tu bổ tôn tạo một số di tích Quốc gia quan trọng. Dự kiến kết quả đạt được: Hoàn thành 02 dự án chuyển đổi công nghệ phát thanh truyền hình, trụ sở Đài, 04 tuyến đường vào khu du lịch, năm 2021 hoàn thành xây dựng nhà văn hóa thôn,...

(11). *Lĩnh vực khác*: Tập trung đầu tư hoàn thành trụ sở Tòa án, Viện kiểm soát Nhân dân Thành phố và trụ sở Tòa án Nhân dân và Viện kiểm soát Nhân dân cấp Huyện. Dự kiến kết quả đạt được: Hoàn thành 29,5 ha hạ tầng phục vụ tái định cư (5 dự án), 01 trụ sở huyện với 5.520 m² sàn xây dựng, 08 trụ sở Tòa án, Viện kiểm soát với 11.029,1 m² sàn xây dựng,...

6. Tổng hợp về nhu cầu đầu tư giai đoạn 2021-2025

Hiện nay, tổng hợp theo đề xuất của các sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã nhu cầu vốn cho Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là **482.780** tỷ đồng bao gồm: Tổng hợp nhu cầu vốn cấp Thành phố **350.296** tỷ đồng (trong đó nhu cầu 17 dự án trước đây đầu tư theo hình thức đối tác công tư chuyển sang đầu tư công là 25.000 tỷ đồng); tổng nhu cầu vốn cấp huyện là **132.484** tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 4, Phụ lục 5 và Phụ lục 6 kèm theo)

7. Dự kiến phương án cân đối nguồn vốn Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025

7.1. Căn cứ đề xuất tổng nguồn vốn

Tổng nguồn vốn Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 được căn cứ xác định theo quy định tại Điều 8 Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và căn cứ vào rà soát nguồn thu ngân sách nhà nước, trong đó tốc độ thu từ sản xuất kinh doanh dự kiến tăng 12%/năm trong giai đoạn 2021-2025 (có tính đến tác động do điều chỉnh chính sách quản lý thuế). Hiện nay trung ương chưa thông báo dự kiến nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các tỉnh, thành phố.

7.2. Về tổng nguồn vốn

Căn cứ quy định như trên, dự kiến tính toán, cân đối nguồn ngân sách Thành phố theo các kịch bản về thu - chi ngân sách giai đoạn 2021-2025, dự kiến tổng mức Kế hoạch vốn trung hạn là khoảng **206.750** tỷ đồng. Trong đó: (1) Nguồn Ngân sách Thành phố theo phân cấp **89.850** tỷ đồng; (2) ODA cấp phát **21.602** tỷ đồng; (3). ODA vay lại **30.670** tỷ đồng; (4) Nguồn theo cơ chế đặc thù theo Nghị quyết số 115/2020/QH14: **23.000** tỷ đồng (gồm nguồn cải cách tiền lương dự kiến còn dư sau khi đã đảm bảo cải cách tiền lương theo lộ trình và các chính sách an sinh xã hội: 5.000 tỷ đồng; nguồn thu từ sắp xếp, cổ phần hóa DNNN của Thành phố: 18.000 tỷ đồng); (5). Huy động khác **16.628** tỷ đồng (*trái phiếu, vốn đầu tư giá một số khu đất tập trung,...*). (6). Nguồn thu từ khai thác quỹ đất dự kiến đối ứng cho các dự án trước đây thực hiện theo hình thức PPP (loại hợp đồng BT) **25.000** tỷ đồng.

Phương án huy động các nguồn được xây dựng phù hợp với quy định về ngân sách như: Nguồn huy động từ trái phiếu, vay nhân rồi kho bạc, vay các tổ chức

tài chính trong và ngoài nước... để thực hiện một số nhiệm vụ chi đầu tư công **16.628** tỷ đồng; khai thác nguồn theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội là **23.000** tỷ đồng để bổ sung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của Thành phố (để thực hiện đường sắt đô thị số 05 với kinh phí khoảng **10.000** tỷ đồng, dự án chuyển tiếp **5.000** tỷ đồng và dự án khởi công mới cấp Thành phố **8.000** tỷ đồng); Nguồn thu từ khai thác quỹ đất dự kiến đối ứng cho các dự án trước đây thực hiện theo hình thức PPP (loại hợp đồng BT) **25.000** tỷ đồng.

7.3. Dự kiến cân đối cho các nhiệm vụ như sau:

(1) Chi ngân sách cấp Thành phố: 185.150 tỷ đồng.

+ Thanh quyết toán, chuẩn bị đầu tư, bổ sung quỹ phát triển đất, hỗ trợ các địa phương bạn; dự phòng: **14.750** tỷ đồng.

+ Các dự án chuyển tiếp: **76.610** tỷ đồng (*nguồn cân đối ngân sách địa phương: 32.338 tỷ đồng; ODA cấp phát: 21.602 tỷ đồng; ODA vay lại: 17.670 tỷ đồng; nguồn theo Nghị quyết số 115/NQ-QH14: 5.000 tỷ đồng*).

+ Các dự án khởi công mới: **61.790** tỷ đồng (*nguồn cân đối ngân sách địa phương: 13.162 tỷ đồng; ODA vay lại: 13.000 tỷ đồng của tuyến đường sắt đô thị số 03; nguồn theo Nghị quyết số 115/NQ-QH14: 18.000 tỷ đồng; nguồn huy động khác: 16.628 tỷ đồng*).

+ Chi đầu tư phát triển **8.000** tỷ đồng (*ghi thu, ghi chi nguồn tiền sử dụng đất đối ứng các dự án BT: có 08 dự án đã triển khai*).

+ Chi các dự án khởi công mới trước đây thực hiện theo hình thức PPP (loại hợp đồng BT) nay chuyển sang đầu tư công **25.000** tỷ đồng.

(2) Chi các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Chương trình mục tiêu, đề án, kế hoạch của Thành phố cho các huyện, thị xã: 21.600 tỷ đồng.

- *Giai đoạn 2021-2025, đề xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình mục tiêu, đề án, kế hoạch cho các huyện, thị xã nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội với tổng kinh phí là 21.600 tỷ đồng. Các nhiệm vụ dự kiến:*

+ *Về Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Giai đoạn 2016 - 2020, Thành phố đã phê duyệt Kế hoạch 138 để triển khai Chương trình với tổng số vốn là 2.249 tỷ đồng, đến nay bố trí 1.255 tỷ đồng. Giai đoạn 2021 - 2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 120/2020/NQ14 ngày 19/6/2020 phê duyệt chủ trương Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, trong đó Quốc hội giao Chính phủ xây dựng và phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia; UBND các tỉnh, Thành phố có trách nhiệm xây dựng và triển khai, thực hiện kế hoạch, bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình cùng với ngân sách Trung ương. Thành phố Hà Nội là địa phương tự chủ về ngân sách, do đó Thành phố sẽ phải tự cân đối ngân sách để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Chương trình mục tiêu quốc gia được Chính phủ phê duyệt. Trên cơ sở tình hình thực hiện giai đoạn 2016 - 2020, UBND Thành phố đề xuất cân đối một khoản kinh phí cho Chương trình mục*

tiêu Quốc gia giai đoạn 2021 - 2025. Sau khi Chính phủ phê duyệt chương trình, Thành phố sẽ ban hành kế hoạch để triển khai theo Chương trình của Chính phủ.

+ *Về Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới*: Giai đoạn 2016-2020, đến thời điểm 10/11/2020, Thành phố đã bố trí kế hoạch là **6.690,2 tỷ đồng** (không bao gồm phần lồng ghép hỗ trợ có mục tiêu, hỗ trợ đặc thù, sổ xố kiến thiết,...). Giai đoạn 2021-2025, hiện nay Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới chưa được Quốc hội phê duyệt và Chương trình số 04 về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân của Thành ủy chưa ban hành, do vậy trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 có dự kiến kinh phí để thực hiện sau khi 02 chương trình trên được phê duyệt.

+ *Đề án xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển một số huyện thành quận*: Giai đoạn 2016 - 2020, Thành phố mới hỗ trợ huyện Hoài Đức với kinh phí là 247,5 tỷ đồng. Giai đoạn 2021 - 2025, tại Thông báo số 2584-TB/TU ngày 12/5/2020, Thành ủy giao Ban cán sự Đảng UBND Thành phố chỉ đạo các sở, ngành tập trung phối hợp, tháo gỡ khó khăn của các huyện trong quá trình thực hiện đầu tư, xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng để sớm đạt tiêu chuẩn phát triển lên quận; giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND các huyện rà soát trên cơ sở tiêu chí còn lại chưa đạt để đề xuất báo cáo HĐND Thành phố cho thực hiện cơ chế đặc thù đối với các huyện có tiềm năng về đầu giá đất và xem xét hỗ trợ đối với các huyện còn khó khăn trong huy động nguồn lực.

+ *Đề án xây dựng xây dựng trụ sở công an xã*: Triển khai theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ *Chương trình phát triển cơ sở hạ tầng các huyện phía Nam Hà Nội; Chương trình xây dựng, cải tạo chợ dân sinh; Chương trình xây dựng nhà văn hóa thôn và trung tâm văn hóa huyện (đối với các huyện chưa có)*: Triển khai theo Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Riêng đối với năm 2021, theo Nghị quyết số 122/2020/NQ-QH14 ngày 19/6/2020, Quốc hội cho phép “kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021”. Do vậy, năm 2021 đề xuất ngân sách Thành phố tiếp tục thực hiện hỗ trợ ngân sách cấp huyện, thị xã gồm: Hỗ trợ cấp huyện phần kinh phí cho các mục tiêu đã được HĐND Thành phố quyết nghị tại Nghị quyết 02/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 và Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 nhưng chưa được bố trí đủ vốn trong giai đoạn 2016-2020 và thực hiện hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thị xã trong năm 2021 như mức trung bình hàng năm 2016-2020 đã được Thành phố quyết nghị; thực hiện các dự án ngân sách Thành phố hỗ trợ đã được HĐND Thành phố quyết nghị giai đoạn 2016-2020 nhưng chưa được bố trí đủ vốn và HĐND Thành phố đã quyết nghị mức trần hỗ trợ cho các dự án thực hiện theo các kết luận của Lãnh đạo Thành phố chưa cân đối trong giai đoạn 2016-2020; hỗ trợ các huyện có đề án thành lập quận; hỗ trợ các huyện khó khăn phía Nam; hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn; xây dựng, cải tạo các chợ dân sinh; hỗ trợ xây dựng trụ sở công an xã;.....

+ *Các Chương trình, đề án, kế hoạch, nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Trung ương, Thành phố; theo các thông báo kết luận của Lãnh đạo Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố.*

(Chi tiết dự kiến tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025 tại Phụ lục 1; dự kiến cơ cấu theo ngành, lĩnh vực, nhiệm vụ chi kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025 tại Phụ lục 2 kèm theo)

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch Đầu tư công hàng năm, căn cứ tình hình thực tiễn về thu ngân sách và tình hình triển khai các dự án sẽ tiếp tục cập nhật, điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án đầu tư vào kế hoạch đầu tư công trung hạn phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn của Thành phố.

Với phương án nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 như trên đã đảm bảo các nhiệm vụ chi chuyển tiếp của giai đoạn 2016-2020, chi đầu tư để tạo nguồn và có dự nguồn cho các nhiệm vụ mới để cơ bản đáp ứng các định hướng, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã được Đại hội Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ XVII quyết nghị. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện kế hoạch trung hạn 2021-2025 cũng có thể gặp khó khăn do nền kinh tế có thể tiếp tục bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nên ảnh hưởng đến việc huy động các nguồn lực và tạo áp lực về tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 do tổng nguồn cao. Quá trình điều hành ngân sách, trong bối cảnh việc huy động nguồn lực gặp khó khăn, Thành phố sẽ xem xét bù đắp nguồn lực còn thiếu từ Quỹ dự trữ tài chính theo quy định.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để triển khai hiệu quả xây dựng Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 2021-2025, UBND Thành phố kính xin ý kiến của HĐND Thành phố với các nội dung sau:

1. Về định hướng khung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

1.1. Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

1.2. Định hướng cơ cấu đầu tư theo ngành, lĩnh vực trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

1.3. Tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

1.4. Khả năng huy động và cân đối các nguồn vốn. Dự kiến số vốn đầu tư để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Chương trình mục tiêu, đề án, kế hoạch của Thành phố cho các huyện, thị xã (gồm: (1). Chương trình mục tiêu Quốc gia; (2). Đề án xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển một số huyện thành quận; (3). Đề án xây dựng xây dựng trụ sở công an xã; (4). Chương trình xây dựng các huyện phía Nam Hà Nội; (5). Chương trình xây dựng, cải tạo chợ dân sinh; (6). Chương trình xây dựng nhà văn hóa thôn và trung tâm văn hóa huyện (đối với các huyện chưa có); (7). Theo các thông báo kết luận của Lãnh đạo Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố.

1.5. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

1.6. Danh mục dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; danh mục dự án theo nhu cầu đề xuất của các Sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan.

(Chi tiết tại Phụ lục 4 và Phụ lục 3 kèm theo)

2. Về cơ chế, chính sách

Để tăng cường cải cách hành chính, thúc đẩy thực hiện hiệu quả Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, UBND Thành phố kính đề nghị HĐND Thành phố cho phép thực hiện cơ chế: Trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, cân đối một khoản kinh phí cho công tác lập quy hoạch, chuẩn bị đầu tư; công tác thành quyết toán dự án hoàn thành cấp Thành phố, không bố trí chi tiết danh mục cụ thể của từng nhiệm vụ, dự án và cho thực hiện cơ chế giải ngân linh hoạt vốn trên cơ sở đảm bảo điều kiện giải ngân theo quy định (tương tự như đang thực hiện trong giai đoạn 2016-2020).

Trên đây là định hướng khung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố, UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét, thông qua./

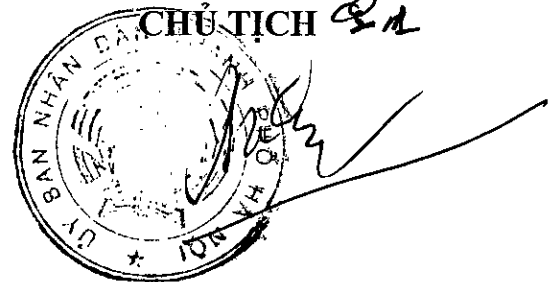
Nơi nhận: *K*

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Các Sở: KH&ĐT, TC;
- VPUB: CVP, PCVP, TKBT, KT;
- Lưu: VT, KTCông.

80

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH *Q*



Chu Ngọc Anh

PHỤ LỤC 1: DỰ KIẾN TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số **225** /TTr-UBND ngày **28** /11/2020 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Giai đoạn 2016-2020 (NQ26/NQ- HĐND)	Nhu cầu 2021-2025	Tổng nguồn và cân đối	Trong đó						Ghi chú
					Cân đối NSDP	ODA cấp phát	ODA vay lại	Nguồn theo NQ số 115/NQ- QH14	Huy động khác (trái phiếu,...)	Nguồn thu từ khai thác quỹ đất dự kiến đối ứng cho các dự án trước đây thực hiện theo hình thức PPP (loại hợp đồng BT)	
	Tổng số	107.303	350.296	206.750	89.850	21.602	30.670	23.000	16.628	25.000	
I	Nhiệm vụ chi ngân sách cấp Thành phố	77.765	311.850	185.150	68.250	21.602	30.670	23.000	16.628	25.000	
1.1	Nhiệm vụ chi đầu tư công	77.765	300.850	177.150	60.250	21.602	30.670	23.000	16.628	25.000	
1	<i>Nhiệm vụ quy hoạch theo Luật quy hoạch; chuẩn bị đầu tư; thanh quyết toán; bổ sung quỹ phát triển đất; hỗ trợ địa phương bạn; dự phòng (chưa bao gồm nguồn thu hồi ứng trước ngân sách TW)</i>	2.989	25.500	14.750	14.750						
1.1	<i>Nhiệm vụ quy hoạch theo Luật quy hoạch 100 tỷ đồng/năm</i>			500	500						
1.2	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>			250	250						
1.3	<i>Thanh quyết toán 250 tỷ đồng/năm</i>			1.250	1.250						
1.4	<i>Bổ sung quỹ phát triển đất</i>			1.250	1.250						
1.5	<i>Hỗ trợ các địa phương bạn</i>			500	500						
1.6	<i>Dự phòng</i>			11.000	11.000						
2	<i>Nguồn các dự án xây dựng cơ bản tập trung, trong đó</i>	74.776	275.350	137.400	45.500	21.602	30.670	23.000	16.628		
*	<i>Nguồn vốn trong nước</i>			85.128	45.500			23.000	16.628		
*	<i>Nguồn vốn nước ngoài (ODA cấp phát, ODA vay lại)</i>			52.272		21.602	30.670				
2.1	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>			76.610	32.338	21.602	17.670	5.000			
2.2	<i>Các dự án khởi công mới</i>			60.790	13.162	0	13.000	18.000	16.628		
3	<i>Các dự án khởi công mới trước đây thực hiện theo hình thức PPP (loại hợp đồng BT) nay chuyển sang đầu tư công</i>			25.000						25.000	
1.2	<i>Chi đầu tư phát triển khác (ghi thu ghi chi nguồn tiền sử dụng đất đối ứng các dự án BT: có 08 dự án đã triển khai 8.000 tỷ)</i>		11.000	8.000	8.000						

STT	Nội dung	Giai đoạn 2016-2020 (NQ26/NQ- HĐND)	Nhu cầu 2021-2025	Tổng nguồn và cân đối	Trong đó						Ghi chú
					Cân đối NSDP	ODA cấp phát	ODA vay lại	Nguồn theo NQ số 115/NQ- QH14	Huy động khác (trái phiếu,...)	Nguồn thu từ khai thác quỹ đất dự kiến đối ứng cho các dự án trước đây thực hiện theo hình thức PPP (loại hợp đồng BT)	
H	Chương trình mục tiêu Quốc gia và Chương trình mục tiêu, đề án, kế hoạch của Thành phố cho các huyện, thị xã (gồm: Chương trình mục tiêu Quốc gia: Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; Đề án xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển một số huyện thành quận; Đề án xây dựng xây dựng trụ sở công an xã; Chương trình xây dựng các huyện phía Nam Hà Nội; Chương trình xây dựng, cải tạo chợ dân sinh; Chương trình xây dựng nhà văn hóa thôn và trung tâm văn hóa huyện (đối với các huyện chưa có)); các chương trình, nhiệm vụ khác của Thành phố)	29.538	38.446	21.600	21.600						

Ghi chú:

Dự phòng (11.000 tỷ đồng) không bao gồm dự phòng cho các dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương (ODA cấp phát; ODA vay lại, huy động khác).

Nguồn vốn theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội, theo đó mức trần nợ vay của Thành phố được nâng từ 70% lên 90%, do đó mức huy động tối đa từ các nguồn vay khoảng 80.282 tỷ đồng (90% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp) để bổ sung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ chỉ dẫn tư phát triển của Thành phố. Dư nợ đã vay dự kiến đến cuối năm 2020 là 8.295 tỷ đồng. Đồng thời, mức vay hàng năm còn phụ thuộc vào hạn mức vay và bội chi của Trung ương giao cho Thành phố (giai đoạn 2017-2021, Quốc hội quyết định mức bội chi cho Thành phố là 9.219 tỷ đồng, bình quân là 1.840 tỷ đồng/năm). Dự kiến nguồn vốn theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội trong giai đoạn 2021-2025 là 23.000 tỷ đồng để thực hiện đường sắt đô thị số 05 với kinh phí khoảng 10.000 tỷ đồng, dự án chuyển tiếp 5.000 tỷ đồng và dự án khởi công mới cấp Thành phố 8.000 tỷ đồng.

PHỤ LỤC 2: DỰ KIẾN CƠ CẤU VỐN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC; NHIỆM VỤ CHI KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM 2021 - 2025

(Kèm theo Tờ trình số 225 /TTr-UBND ngày 23 /11/2020 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	GIAI ĐOẠN 2021-2025																Ghi chú	
		Kế hoạch	Tỷ lệ	Nhu cầu			Trong đó				Dự kiến phương án cân đối			Dự kiến phương án cân đối vốn cho các dự án cấp Thành phố					
				Số dự án	Nhu cầu	Tỷ lệ %	Dự án chuyển tiếp		Dự án mới	Số dự án	Kế hoạch vốn	Số dự án	Kế hoạch vốn	Tỷ lệ %	Dự án chuyển tiếp		Dự án mới		
							Số dự án	Kế hoạch vốn							Số dự án	Kế hoạch vốn	Số dự án		Kế hoạch vốn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
	Tổng cộng	107.303.707			350.296.386			77.826.500		261.719.886		206.750.000			77.826.500		128.923.500		
1	Nhiệm vụ chi ngân sách cấp Thành phố	77.765.077	72.47%		311.850.386	89.02%		76.610.000		224.490.386		185.150.000	89.55%		76.610.000		108.540.000		
1.1	Nhiệm vụ chi đầu tư công	77.765.077			300.850.386			76.610.000		213.490.386		177.150.000			76.610.000		100.540.000		
1	Nhiệm vụ quy hoạch theo Luật quy hoạch; chuẩn bị đầu tư; thanh quyết toán; bổ sung quỹ phát triển đất; dự phòng (chưa bao gồm nguồn thu hồi ứng trước ngân sách TW)	2.989.000			25.500.000					14.750.000		14.750.000					14.750.000		
2	Bổ trí các dự án XDCB tập trung của Thành phố	74.776.077		647	275.350.386	100.00%	168	76.610.000	479	198.740.386	418	137.400.000		168	76.610.000	250	60.790.000		
1	Lĩnh vực quốc phòng	1.431.500	1.91%	15	1.695.000	0.62%	2	470.000	13	1.225.000	3	920.000	0.67%	2	470.000	1	450.000		
2	Lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội	2.056.132	2.75%	33	3.020.700	1.10%	1	160.000	32	2.860.700	19	611.000	0.44%	1	160.000	18	451.000		
3	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	2.520.294	3.37%	52	3.995.410	1.45%	11	757.155	41	3.238.255	30	1.585.155	1.15%	11	757.155	19	828.000		
4	Lĩnh vực khoa học, công nghệ	51.100	0.07%	1	45.000	0.02%			1	45.000	1	45.000	0.03%			1	45.000		
5	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình	2.599.869	3.48%	19	8.000.000	2.91%	5	1.373.000	14	6.627.000	14	3.018.000	2.20%	5	1.373.000	9	1.645.000		
6	Lĩnh vực văn hóa thông tin	802.884	1.07%	17	3.015.500	1.10%	3	1.280.000	14	1.735.500	10	1.970.000	1.43%	3	1.280.000	7	690.000		
6.1	Lĩnh vực văn hóa	802.884	1.07%	17	3.015.500	1.10%	3	1.280.000	14	1.735.500	10	1.970.000	1.43%	3	1.280.000	7	690.000		
6.2	Lĩnh vực thông tin																		
7	Lĩnh vực phát thanh truyền hình thông tin	252.100	0.34%	4	800.000	0.29%	1	20.000	3	780.000	3	341.000	0.25%	1	20.000	2	321.000		
8	Lĩnh vực thể dục, thể thao			7	213.000	0.08%	7	213.000			7	213.000	0.16%	7	213.000				
9	Lĩnh vực bảo vệ môi trường	7.378.836	9.87%	9	12.470.584	4.53%	6	7.365.584	3	5.105.000	13	9.500.584	6.91%	6	7.365.584	7	2.135.000		
9.1	Lĩnh vực môi trường	7.378.836	9.87%	9	12.470.584	4.53%	6	7.365.584	3	5.105.000	13	9.500.584	6.91%	6	7.365.584	7	2.135.000		
9.2	Lĩnh vực Tài Nguyên																		
10	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	53.938.744	72.13%	457	238.650.692	86.67%	121	63.826.261	336	174.824.431	290	117.267.261	85.35%	121	63.826.261	169	53.441.000		

TT	NỘI DUNG	GIAI ĐOẠN 2021-2025																Ghi chú
		Kế hoạch	Tỷ lệ	Nhu cầu			Trong đó				Dự kiến phương án cân đối			Dự kiến phương án cân đối vốn cho các dự án cấp Thành phố				
				Số dự án	Nhu cầu	Tỷ lệ %	Dự án chuyển tiếp		Dự án mới		Dự kiến phương án cân đối			Dự án chuyển tiếp		Dự án mới		
							Số dự án	Kế hoạch vốn	Số dự án	Kế hoạch vốn	Số dự án	Kế hoạch vốn	Tỷ lệ %	Số dự án	Kế hoạch vốn	Số dự án	Kế hoạch vốn	
10.1	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	10.122.620	13.54%	144	28.422.500	10.32%	13	1.023.000	131	27.399.500	50	10.414.000	7.58%	13	1.023.000	37	9.391.000	
10.1.1	Lĩnh vực đê điều	2.193.312	2.93%	35	7.403.000	2.69%	1	20.000	34	7.383.000	12	1.285.000	0.94%	1	20.000	11	1.265.000	
10.1.2	Lĩnh vực thủy lợi	7.811.308	10.45%	109	20.019.500	7.27%	12	1.003.000	97	19.016.500	38	8.129.000	5.92%	12	1.003.000	26	7.126.000	
10.1.3	Lĩnh vực kinh tế nông thôn (xây dựng nông thôn mới; cung cấp nước sạch và bảo vệ môi trường nông thôn...)	118.000	0.16%		1.000.000	0.36%				1.000.000		1.000.000	0.73%				1.000.000	
10.2	Lĩnh vực công nghiệp	451.500	0.60%	1	240.000	0.09%			1	240.000	4	400.000	0.29%			4	400.000	
10.3	Lĩnh vực giao thông	42.150.892	56.37%	295	202.197.192	73.43%	105	61.483.261	190	140.713.931	233	104.833.261	76.30%	105	61.483.261	128	43.350.000	
	ODA cấp phát và ODA vay lại dành cho đầu tư xây dựng các công trình giao thông	63.440.438	84.84%	8	63.440.438	23.04%	6	39.349.438	2	24.000.000	6	63.349.438	46.11%	6	39.349.438	2	24.000.000	
10.4	Lĩnh vực khu công nghiệp và khu kinh tế																	
10.5	Lĩnh vực thương mại	57.200	0.08%	3	1.450.000	0.53%			3	1.450.000		300.000	0.22%				300.000	
10.6	Lĩnh vực cấp nước, thoát nước	1.156.532	1.53%	14	6.341.000	2.30%	3	1.320.000	11	5.021.000	3	1.320.000	0.96%	3	1.320.000			
10.7	Lĩnh vực kho tàng																	
10.8	Lĩnh vực du lịch																	
10.9	Lĩnh vực viễn thông																	
10.10	Lĩnh vực bưu chính																	
10.11	Lĩnh vực công nghệ thông tin																	
10.12	Lĩnh vực quy hoạch																	
10.13	Lĩnh vực công trình công cộng tại các đô thị																	
10.14	Lĩnh vực cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách																	
11	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	2.139.862	2.86%	3	452.500	0.16%	1	350.000	2	102.500	1	350.000	0.25%	1	350.000			
12	Lĩnh vực xã hội (hào động thương binh và xã hội)										2	59.000	0.04%			2	59.000	
13	Lĩnh vực nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật	1.604.756	2.15%	30	2.992.000	1.09%	10	795.000	20	2.197.000	25	1.520.000	1.11%	10	795.000	15	725.000	
13.1	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật tái định cư	439.200	0.59%	9	1.527.000	0.53%	3	180.000	6	1.347.000	6	575.000	0.42%	3	180.000	3	395.000	
13.2	Lĩnh vực khác	1.165.556	1.56%	21	1.465.000	0.53%	7	615.000	14	850.000	19	945.000	0.69%	7	615.000	12	330.000	
13.3	Bổ trợ vốn để lập, phê duyệt dự án																	
3	Các dự án khởi công mới trước đây thực hiện theo hình thức PPP (loại hợp đồng BT) nay chuyển sang đầu tư công			17	25.000.000						17	25.000.000				17	25.000.000	

TT	NỘI DUNG	GIAI ĐOẠN 2021-2025																Ghi chú
		Kế hoạch	Tỷ lệ	Nhu cầu			Trong đó				Dự kiến phương án cân đối			Dự kiến phương án cân đối vốn cho các dự án cấp Thành phố				
				Số dự án	Nhu cầu	Tỷ lệ %	Dự án chuyển tiếp		Dự án mới		Số dự án	Kế hoạch vốn	Tỷ lệ %	Dự án chuyển tiếp		Dự án mới		
							Số dự án	Kế hoạch vốn	Số dự án	Kế hoạch vốn				Số dự án	Kế hoạch vốn	Số dự án	Kế hoạch vốn	
1.2	Chi đầu tư phát triển khác (ghi thu ghi chi nguồn tiền sử dụng đất đối ứng các dự án BT: có 08 dự án đã triển khai 8.000 tỷ)			11.000.000					11.000.000		8.000.000				8.000.000			
II	Chương trình mục tiêu Quốc gia và Chương trình mục tiêu, đề án, kế hoạch của Thành phố cho các huyện, thị xã (gồm: Chương trình mục tiêu Quốc gia; Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; Đề án xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển một số huyện thành quận; Đề án xây dựng xây dựng trụ sở công an xã; Chương trình xây dựng các huyện phía Nam Hà Nội; Chương trình xây dựng, cải tạo chợ dân sinh; Chương trình xây dựng nhà văn hóa thôn và trung tâm văn hóa huyện (đối với các huyện chưa có)); các chương trình, nhiệm vụ khác của Thành phố)	29.537.445	27.53%	38.446.000	10.98%		1.216.500		37.229.500		21.600.000	10.45%		1.216.500		20.383.500		

Phụ lục 3
TỔNG NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM 2021-2025 CẤP THÀNH PHỐ NGUỒN XÂY DỰNG CỐ BẢN TẬP TRUNG
 (Kèm theo Tờ Trình số **225/TTr-UBND** ngày **23/11/2020** của UBND Thành phố)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
	TỔNG CỘNG	51	418	194		450.943.053	45.881.406	14.558.683	275.350.386	211.940.289	524		
*	Trong điểm:	15	11			238.493.136	26.111.311	8.545.243	120.283.136	68.232.200	18		
	Chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020	9	8			94.873.758	26.106.311	8.540.243	57.054.936	19.404.000	16		
	Khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025	6	3			143.619.378	5.000	5.000	63.228.200	48.828.200	2		
*	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020	24	113	24		132.684.845	42.103.928	14.408.883	76.013.553	36.636.456	133		
	Trong đó: Các dự án ODA	2	4	1		70.896.519	21.559.060	6.702.383	46.945.953	7.568.856	6		
-	ODA cấp phát					58.722.996	11.270.565	4.026.127	21.602.576				
-	ODA vay lại					173.055	7.227.422	1.936.100	17.774.521				
-	Vốn trong nước					12.000.468	3.061.073	740.156	7.568.856	7.568.856		3.278.110	
*	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025	27	305	170		318.258.208	3.777.478	149.800	199.336.833	175.303.833	391		
	Trong đó: Các dự án ODA	1				40.577.000			14.000.000	1.000.000			
-	ODA cấp phát												
-	ODA vay lại								13.000.000				
-	Vốn trong nước								1.000.000	1.000.000			
A	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020	24	113	24		132.684.845	42.103.928	14.408.883	76.013.553	36.636.456	133		
I	Lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề		9	1		1.123.472	375.942	372.621	839.410	326.856	10		
1	Xây dựng, mở rộng trường THPT Kim Anh, huyện Sóc Sơn		1			44.900	30.000	30.000	10.000	10.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
	Xây dựng, cải tạo trường THPT Trương Định, quận Hoàng Mai		1		3836/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	63.999	33.321	30.000	25.000	25.000	1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công	
2	Xây dựng cải tạo trường THPT Yên Lãng, huyện Mê Linh			1	6118/QĐ-UBND 31/10/2019	42.476	13.000	13.000	25.000	25.000	1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công	
3	Dự án thành phần 4 - Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội thuộc dự án Tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng vốn vay ODA của chính phủ Nhật Bản		1		1432/QĐ-TTg 21/9/2017 (CTĐT); 1542/QĐ-LĐTBXH 06/11/2018; 5545/QĐ-UBND ngày 7/10/2019	309.108	80.883	80.883	301.486	37.116	1	Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội	Vốn ODA 264.370 tr đ; vốn đối ứng 44.738 tr đ; TP chỉ hỗ trợ đối ứng thuế thiết bị

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
	Vốn ODA cấp phát					237.933	35.690	35.690	237.933				
	Vốn ODA vay lại					26.437	18.077	18.077	26.437				
	Vốn trong nước					44.738	27.116	27.116	37.116	37.116			
4	Dự án thành phần 5 -Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội thuộc dự án Tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng vốn vay ODA của chính phủ Nhật Bản		1		1432/QĐ-TTg 21/9/2017 (CTĐT); 1542/QĐ-LĐTBXH 06/11/2018; 5544/QĐ-UBND ngày 7/10/2019	289.782	74.738	74.738	282.924	34.740	1	Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội	Vốn ODA 248.184 tr đ; vốn đối ứng 41.598 tr đ; TP chỉ hỗ trợ đối ứng thuế thiết bị
	Vốn ODA cấp phát					223.366	33.505	33.505	223.366				
	Vốn ODA vay lại					24.818	16.493	16.493	24.818				
	Vốn trong nước					41.598	24.740	24.740	34.740	34.740			
5	Xây dựng trường THPT Thọ Xuân, huyện Đan Phượng		1		6053/QĐ-UBND 30/10/2019	111.970	20.000	20.000	85.000	85.000	1	UBND huyện Đan Phượng	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐTD Thành phố
6	Xây dựng, cải tạo trường THPT Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ		1		6130/QĐ-UBND 31/10/2019	62.860	20.000	20.000	35.000	35.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	Chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020; 6130/QĐ-UBND 31/10/2019
7	Cải tạo, nâng cấp trường trung học phổ thông Tiến Thịnh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội		1		6109/QĐ-UBND 31/10/2019	44.939	30.000	30.000	10.000	10.000	1	UBND huyện Mê Linh	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐTD Thành phố
8	Cải tạo, nâng cấp trường trung học phổ thông Mê Linh, huyện Mê Linh		1		6110/QĐ-UBND 31/10/2019	89.050	40.000	40.000	45.000	45.000	1	UBND huyện Mê Linh	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐTD Thành phố
9	Đầu tư nghề trọng điểm công nghệ ô tô cấp độ quốc tế tại trường cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội		1		1027/QĐ-UBND ngày 11/3/2020	64.388	34.000	34.000	20.000	20.000	1	Trường cao đẳng nghề công nghệ Hà Nội	NSTP đầu tư thiết bị; trường phần còn lại

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
II	Lĩnh vực khoa học công nghệ												
III	Lĩnh vực quốc phòng	14											
IV	Lĩnh vực an ninh		1	8		528.018	249.990	150.000	222.500	222.500	9		
1	Xây dựng trụ sở làm việc Công an thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	5205/QĐ-UBND 28/9/2018	7.819	1.000	1.000	6.000	6.000	1	BQLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
2	Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị PC&CC, cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố Hà Nội		1		5968/QĐ-UBND 31/10/2018	446.773	244.990	145.000	155.000	155.000	1	BQLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
3	Xây dựng trụ sở làm việc Công an thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	5203/QĐ-UBND 28/9/2018	7.684	1.000	1.000	6.000	6.000	1	BQLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
4	Xây dựng trụ sở làm việc Công an phường Sài Đồng, quận Long Biên thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	5204/QĐ-UBND 28/9/2018	8.038	1.000	1.000	6.500	6.500	1	BQLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
5	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Viên Sơn, thị xã Sơn Tây thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	5202/QĐ-UBND 28/9/2018	6.328	1.000	1.000	5.000	5.000	1	BQLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
6	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Trung Sơn Trầm, thị xã Sơn Tây thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	5201/QĐ-UBND 28/9/2018	6.328	1.000	1.000	5.000	5.000	1	BQLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
7	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Đại Kim, quận Hoàng Mai thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	6260/QĐ-UBND 15/11/2018	14.627			12.000	12.000	1	BQLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
8	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	6259/QĐ-UBND 15/11/2018	18.233			16.000	16.000	1	BQLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
9	Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Yên Sở, quận Hoàng Mai thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	6258/QĐ-UBND 15/11/2018	12.188			11.000	11.000	1	BQLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
V	Lĩnh vực y tế		4			1.711.101	575.167	260.000	960.000	960.000	4		

Q

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
1	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín		1		5060/QĐ-UBND 28/10/2011	149.936	53.453	50.000	200.000	200.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội		1		4908/QĐ-UBND 30/9/2015	784.433	68.139	50.000	500.000	500.000	1	BQLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
3	Cải tạo Bệnh viện đa khoa Hà Đông		1		607/HĐND-KTNS 13/11/2017	307.666	193.575	60.000	90.000	90.000	1	BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	
4	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Sơn Tây		1		6024/QĐ-UBND 31/10/2018	469.066	260.000	100.000	170.000	170.000	1	BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	
VI	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	1	5	3		1.397.103	583.913	276.000	345.500	345.500	9		
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Chỉnh trang mặt bằng do Bộ Quốc phòng và hai hộ gia đình lão thành cách mạng bàn giao (khu Hoàng Thành)	1			5079/QĐ-UBND 02/10/2014 ; 6069/QĐ-UBND 31/10/2019	226.599	44.749	21.000	60.000	60.000	1	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Bảo tàng Hà Nội (Nội dung trưng bày)		1		1424/QĐ-UBND 21/4/2008; 5099/QĐ-UBND 07/11/2012	789.004	374.164	90.000	100.000	100.000	1	Bảo tàng Hà Nội	
3	Cải tạo, nâng cấp công trình Sân Điện kinh và hạ tầng kỹ thuật khuôn viên trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội phục vụ Sea Games 31 và Para Games 11 năm 2021.		1			110.000	45.000	45.000	55.000	55.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình VH-XH	Sở KH&ĐT đã trình UBND Thành phố để BC Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.
4	Cải tạo, nâng cấp công trình Bể bơi, bể nhảy cầu phục vụ Sea Games 31 và Para Games 11 năm 2021		1			70.000	30.000	30.000	35.000	35.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình VH-XH	Sở KH&ĐT đã trình UBND Thành phố để BC Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
5	Cải tạo, nâng cấp công trình Nhà tập Kiếm, Judo, Đá cầu phục vụ Sea Games 31 năm 2021.			1		39.000	17.000	17.000	20.000	20.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình VH-XH	Sở KH&ĐT đã trình UBND Thành phố để BC Hội đồng nhân dân
6	Cải tạo, nâng cấp công trình Cung Điện kinh phục vụ Sea Games 31 và Para Games 11 năm 2021.		1			61.000	30.000	30.000	25.000	25.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình VH-XH	Sở KH&ĐT đã trình UBND Thành phố để BC Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua; Nghị quyết số
7	Cải tạo, nâng cấp công trình Khu nhà tập luyện và thi đấu Bì sắt phục vụ Sea Games 31 năm 2021			1		36.000	15.000	15.000	18.000	18.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình VH-XH	Sở KH&ĐT đã trình UBND Thành phố để BC Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua; Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố
8	Cải tạo, nâng cấp công trình Nhà văn hóa phục vụ SeaGames 31 Paragames 11 năm 2021			1	5931/QĐ-UBND 25/10/2019	29.000	13.000	13.000	14.000	14.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình VH-XH	Sở KH&ĐT đã trình UBND Thành phố để BC Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua; Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố
9	Cải tạo, nâng cấp công trình Sân vận động Hà Đông phục vụ Sea Games 31 năm 2021.		1			36.500	15.000	15.000	18.500	18.500	1	Ban QLDA ĐTXD công trình VH-XH	Sở KH&ĐT đã trình UBND Thành phố để BC Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua; Nghị quyết số
VII	Lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tấn		1			98.554	20.000	20.000	30.000	30.000			

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
1	Chuyển đổi công nghệ phát thanh Đài Phát thanh và truyền hình Hà Nội giai đoạn 2016-2020		1		2606/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	98.554	20.000	20.000	30.000	30.000		Đài PT - TH Hà Nội	
VIII	Lĩnh vực môi trường	1	2			18.116.491	3.972.531	1.613.292	7.300.584	2.840.000	3		
1	Công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020: Dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Yên Xá Thành phố Hà Nội	1			7051/QĐ-UBND 20/11/2013	16.293.444	2.993.590	1.518.292	6.460.584	2.000.000	1	BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	KHĐT trung hạn 201-2020: 4.801.634 (4.443.634 trđ ODA và 358 trđ NSTP); Sau khi Hiệp định vay lần 2 được thỏa thuận, Ban sẽ báo cáo đề xuất bổ sung hoàn thiện KH 2021-2025
	- <i>Vốn ODA</i>					13.709.042	2.519.675	1.468.292	4.460.584				
	- <i>Vốn ODA vay lại</i>												
	- <i>Vốn đối ứng</i>					2.584.402	473.915	50.000	2.000.000	2.000.000			
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Khu LHLCT Sóc Sơn giai đoạn II tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội		1		4910/QĐ-UBND 24/10/2011; 5633/QĐ-UBND 10/10/2016; 3472/QĐ-UBND 28/6/2019; 957/QĐ-UBND 04/3/2020	1.487.018	893.941	60.000	590.000	590.000	1	BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	Ngân sách huyện 40 tỷ đồng, ngân sách TW 60 tỷ đồng
3	Nạo vét bùn Hồ Tây		1		6022/QĐ-UBND 31/10/2018	336.029	85.000	35.000	250.000	250.000	1	BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	
IX	Các hoạt động kinh tế	8	91	12		109.710.106	36.326.385	11.716.970	66.315.559	31.911.600	98		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
IX.1	Lĩnh vực giao thông	5	68	9		93.368.268	32.910.952	9.554.470	61.901.559	27.497.600	72		
*	Các đường Vành đai		7	1		3.013.937	5.302.933	193.000	890.000	890.000			
1	Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi (Km185 - 189)		1		3553/QĐ-UBND 19/7/2010; 6010/QĐ-UBND 28/8/2017	887.735	523.902	50.000	210.000	210.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến phố Thanh Vị (tính lộ 414 đoạn qua nội thị, dài 3 Km), thị xã Sơn Tây		1		5253/QĐ-UBND 22/10/2010; 2996/QĐ-UBND 06/6/2019	330.559	288.611	30.000	20.000	20.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	UBND thị xã đề nghị điều chỉnh TMBĐT thành 394,023 và thời gian thực hiện đến hết năm 2022
3	Mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km189 đến Km194 qua địa bàn huyện Thường Tín		1		1503/QĐ-UBND 29/3/2019	247268.00	140000.00	70000.00	60000.00	60000.00	1	UBND huyện Thường Tín	
4	Đầu tư xây dựng công trình cầu Văn Từ			1	5638/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	35169.45	20092.00	10000.00	10000.00	10000.00	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	
5	Dự án xây dựng nâng cấp mở rộng đường nhánh nối QL1A với đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, đoạn qua KCN hỗ trợ Nam Hà Nội		1		số 3084/QĐ-UBND ngày 02/7/2015; số 972/VP-ĐT ngày 05/02/2018	89172.00	42263.00	1000.00	30000.00	30000.00	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	
6	Xây dựng đường gom cầu Giẽ - Phú Yên - Văn Từ (tuyến phía Tây đường sắt), huyện Phú Xuyên		1		5064/QĐ-UBND 31/10/2011 1985/QĐ-UBND 09/5/2018	261.820	7.000	2.000	142.000	142.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	PL2a - NQ số 26/NQ-HĐND ngày 4/12/2019
7	Cải tạo môi trường vệ sinh khu dân cư xung quanh mương thoát nước Thụy Khuê (đoạn từ dốc La Pho đến Cổng Đê)		1		574/QĐ-UBND 03/02/2009; 7079/QĐ-UBND 23/12/2015	421.764			352.000	352.000	1	UBND quận Tây Hồ	PL2a - NQ số 26/NQ-HĐND ngày 4/12/2019

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
8	Công hóa và xây dựng tuyến đường từ nút rẽ ra phố Núi Trúc đến phố Sơn Tây		1		2447/QĐ-UBND 26/6/2008; 6343/QĐ-UBND 18/11/2016	740.450	243.808	30.000	400.000	400.000		BQLDA ĐTXDCT giao thông	
9	Các dự án sử dụng vốn ODA	2	2	1		54.004.185	18.409.849	5.028.470	39.900.959	5.497.000	3		
10	Công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020: Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thi điểm TP Hà Nội, đoạn Nhón - Ga Hà Nội	1			1970/QĐ-UBND 27/4/2009; 5456/QĐ-UBND 02/11/2010; 4007/QĐ-UBND 28/6/2013;	32.910.010	15.799.522	3.488.044	16.574.352	3.384.000	1	BQLĐSDT Hà Nội	TTg có QĐ 1800/QĐ-TTg 23/12/2018 phê duyệt điều chỉnh TGTH dự án đến 2022 và cơ cấu vốn vay như CP Báo
	Vốn ODA cấp phát				469,524 tr. Euro = 10.986.677 tr.đồng.	26.808.000	6.562.275	1.043.233	6.907.607				Đang trình Bộ KHĐT bổ sung KH 2019, hiện đang báo
	Vốn ODA vay lại				487,732 tr. Euro = 15.821.323 tr.		7.113.424	1.864.811	6.282.745				
	Vốn trong nước					6.102.010	2.123.823	580.000	3.384.000	3.384.000		3278110	
11	Dự án Tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án Đường sắt đô thị số 3 Hà Nội		1		3921/QĐ-UBND 23/7/2014	1.296.900	125.668	81.850	1.240.107	100.000	1		
	Vốn ODA cấp phát				Tr.đó vay lại 16,153	1.169.300	81.469	60.000	773.086				
	Vốn ODA vay lại				tr.USD/53,15 tr.USD		25.559	14.850	367.021				
	Vốn trong nước					127.600	18.640	7.000	100.000	100.000			
12	Công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020: Dự án Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	1			2054/QĐ-UBND 13/11/2008	19.555.000	2.429.050	1.435.407	22.000.000	2.000.000		BQLĐSDT Hà Nội	
	Vốn ODA cấp phát				Tr. Đó vay lại 250 triệu/1,3 tỷ USD (Theo TMĐT cũ và cơ	16.485.000	2.037.951	1.385.407	9.000.000				Đã trình Bộ KH điều hòa 14554 triệu cho CTNSVS nông thôn
	Vốn ODA vay lại								11.000.000				
	Vốn trong nước					3.070.000	391.099	50.000	2.000.000	2.000.000			KH 2019 giao 340.000 triệu đồng,

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
13	Hỗ trợ chủ đầu tư quản lý dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhón - Ga Hà Nội		1		5941/QĐ-UBND 9/10/2015	136.920	54.309	21.869	73.500		1	BQLĐSET Hà Nội	
	Vốn ODA cấp phát												
	Vốn ODA vay lại					121.800	53.869	21.869	73.500				
	Vốn trong nước					15.120	440						
14	Dự án hỗ trợ kỹ thuật lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi để xây dựng Tuyến đường sắt đô thị số 8 thành phố Hà Nội			1	Thủ tướng phê chủ trương tại QĐ số 853/QĐ- TTg ngày	105.355	1.300	1.300	13.000	13.000		Ban QL đường sắt đô thị hà nội	Sơ có Tờ trình số 68/TTg-KH&ĐT ngày 21/10/2019 trình UB phê văn
	Vốn ODA cấp phát (KHL)					90.355							Nhà tài trợ giải
	Vốn ODA vay lại												
	Vốn trong nước					15.000	1.300	1.300	13.000	13.000			
15	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng cầu vượt tại nút An Dương - Đường Thanh Niên để hạn chế ùn tắc giao thông		1		3665/QĐ-UBND 19/6/2017; 3376/QĐ- UBND	815.864	418.194	150.000	200.000	200.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	Điều chỉnh CTĐT tại kỳ họp thứ 7 HĐND TP
16	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng đường vành đai 3,5: Đoạn từ Đại lộ Thăng Long đến QL32		1			1.436.782	792.001	50.000	300.000	300.000	1		Huyện Hoài Đức có trách nhiệm hoàn trả phần với NSTP đã ứng
	Các đoạn Km1+700 - Km2+050; Km2+550 - Km3+340				5795/QĐ-UBND 30/10/2015; 6611/QĐ-UBND 30/11/2016	379.572	187.631					UBND huyện Hoài Đức	Huyện Hoài Đức có trách nhiệm hoàn trả phần với NSTP đã ứng
	Xây dựng đường vành đai 3,5 (Các đoạn Km0+600- Km1+700; Km2+050-Km2+550; Km3+340-Km5+500).				7586/QĐ-UBND 31/10/2017	1.057.210	604.370	50.000	200.000	200.000		UBND huyện Hoài Đức	Huyện Hoài Đức có trách nhiệm hoàn trả phần với NSTP
17	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch		1		1172/QĐ- UBND 26/02/2014; 6125/QĐ- UBND	147.280	20.000	20.000	140.000	140.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
18	Xây dựng đường vành đai 2,5 đoạn từ đường 32 đến khu đô thị mới Kim Giang (Xây dựng đường nối từ đường Cầu Giấy đến cầu mới Dịch Vọng)	1			03/QĐ-UBND ngày 13/01/2016	1.456.000	240.780		300.000	300.000	1	UBND quận Cầu Giấy	Chương trình mục tiêu của TP
19	Xây dựng hoàn thiện nút giao Chùa Bộc - Thái Hà theo quy hoạch tại góc 1/4 nút giao từ Học viện Ngân hàng đến cổng trường Đại học Công đoàn		1		5572/QĐ-UBND 28/10/2014; 8006/QĐ-UBND 17/11/2017	535.712	22.411	20.000	300.000	300.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	Chương trình mục tiêu của TP
20	Xây dựng đoạn tuyến đường nối từ cầu Mỗ Lao, quận Hà Đông đến đường 70, quận Nam Từ Liêm		1		2307/QĐ-UBND 17/4/2017	436.735	86.250	20.000	200.000	200.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	
21	Cải tạo nâng cấp đường 35 đoạn giữa tuyến (Km 4+469,12 đến Km 12 +733,55)		1		5570/QĐ-UBND 28/10/2014	197.204	97.860	50.000	50.000	50.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	
22	Xây dựng tuyến đường vào KCN sạch Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn		1		3954/QĐ-UBND ngày 23/7/2019	334.099	40.000	40.000	250.000	250.000	1	BQLDA ĐTXD công trình giao thông	Hoàn thiện HTKT ngoài hàng rào KCN sạch Sóc Sơn.
23	Mở rộng đường Phan Kế Bính theo quy hoạch		1		5802/QĐ-UBND 26/10/2018	72.891	10.000	5.000	50.000	50.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	
24	Xây dựng đường nối Khu đô thị vệ tinh với đường Võ Nguyên Giáp, huyện Sóc Sơn		1		1383/QĐ-UBND ngày 26/3/2019	658.935	180.000	120.000	420.000	420.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	Điều chỉnh CTĐT tại kỳ họp thứ 7 HĐND TP
25	Xây dựng tuyến đường nối khu công nghiệp Bắc Thường Tín với đường tỉnh 427		1		2338/QĐ-UBND 16/6/2019	186.173	90.583	40.000	80.000	80.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	
26	Xây dựng đường Phương Mai - Sông Lừ		1		1966/QĐ-UBND 4/5/2010; 4080/QĐ-UBND 09/8/2018	225.792	11.943	10.000	200.000	200.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
27	Dự án cải tạo, chỉnh trang đoạn đường Quốc lộ 1A (đoạn Km207+250 - Km208) và hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện Phú Xuyên		1		DA: 5482/QĐ-UBND 12/10/2018	156.156	65.000	45.000	66.000	66.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	PL2a - NQ số 26/NQ-HĐND ngày 4/12/2019
28	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã tư Nguyễn Khệ nối với đường bệnh viện Đông Anh đi đền Sái tại ngã ba Kim, huyện Đông Anh		1		5359/QĐ-UBND 08/10/2018	382.047	150.000	60.000	200.000	200.000	1	UBND huyện Đông Anh	
29	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 417 đoạn từ Km8+100 đến Km 16+600, huyện Phúc Thọ		1		5250/QĐ-UBND 02/10/2018	159.661	90.000	50.000	58.000	58.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
30	Đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 3 đi thấp qua hồ Linh Đàm và nhánh kết nối với đường Vành đai 3		1		5594/QĐ-UBND 18/10/2018	341.671	203.619	100.000	115.000	115.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	
31	Dự án trọng điểm giai đoạn 2016-2020: Đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao giữa đường vành đai 2,5 với đường Giải Phóng (QL1A cũ), quận Hoàng Mai		1		5804/QĐ-UBND 26/10/2018	671.653	93.000	90.000	430.000	430.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	
32	Công trình trọng điểm 2016-2020: Đầu tư xây dựng đường Vành đai 1 đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục, thành phố Hà Nội - Giai đoạn 1	1			5757/QĐ-UBND 25/10/2018	7.210.958	313.662	200.000	6.500.000	6.500.000	1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	
33	Xây dựng đường Huỳnh Thúc Kháng kéo dài, phường Láng Thượng, quận Đống Đa		1		3213/QĐ-UBND 26/6/2018	342.624	140.000	70.000	145.000	145.000	1	UBND quận Đống Đa	
34	Xây dựng tuyến đường vào trường Đại học ngoại ngữ		1		193/QĐ-UBND 12/01/2011	69.689	3.000	2.000	60.000	60.000	1	UBND quận Nam Từ Liêm	
35	Dự án xây dựng đường trục chính Bắc - Nam Khu đô thị Quốc Oai kéo dài đoạn từ Km4+340,24 đến Km7+315		1		5622/QĐ-UBND 19/10/2018	487.687	360.000	60.000	80.000	80.000	1	UBND huyện Quốc Oai	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
36	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh Tân Lĩnh - Yên Bái đoạn từ Km2+400 đến Km10+500 (nối từ Đại lộ Thăng Long kéo dài đến tỉnh lộ 414)		1		58/HĐND-KTNS 26/01/2018 (CTĐT); 5672/QĐ-UBND	206.103	100.000	40.000	90.000	90.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	
37	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 trên địa bàn huyện Chương Mỹ		1		489/HĐND-KTNS 06/9/2018 (CTĐT); 6001/QĐ-	343.160	130.000	80.000	170.000	170.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
38	Xây dựng đoạn tuyến đường từ nút Bộ Tư lệnh Thông tin trên đường Cát Linh - La Thành đến đường Tôn Đức Thắng (thuộc tuyến đường ga Hà Nội - Tôn Đức Thắng - Hào Nam - phố Núi Trúc)		1		4888/QĐ-UBND, 21/10/2011	189.840	11.000	10.000	155.000	155.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	
39	Xây dựng tuyến đường nối từ đường 35 đến đường Bắc Thăng Long - Nội Bài (đường Võ Văn Kiệt), giai đoạn 1		1		414/QĐ-UBND 21/01/2019	334.000	80.000	20.000	200.000	200.000	1	UBND huyện Mê Linh	
40	Đầu tư xây dựng công trình cầu Ngọc Hà vượt sông Cà Lồ, huyện Sóc Sơn		1		DA: 2936/QĐ-UBND 04/6/2019	68.575	16.000	15.000	39.500	39.500	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	PL2a - NQ số 26/NQ-HĐND ngày 4/12/2019
41	Đầu tư xây dựng công trình cầu Bến Cốc, huyện Chương Mỹ			1	DA: 5641/QĐ-UBND 22/10/2018	61.960	40.000	20.000	17.100	17.100	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL2a - NQ số 26/NQ-HĐND ngày 4/12/2019
42	Dự án xây dựng cầu Nông Lâm, huyện Quốc Oai			1	DA: 6077/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	20.446	8.000	8.000	10.300	10.300	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL2a - NQ số 26/NQ-HĐND ngày 4/12/2019
43	Xây dựng hoàn chỉnh khớp nối hạ tầng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp vừa và nhỏ Phú Thị, khu công nghiệp Dương Xá A, huyện Gia Lâm		1		5849/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	252.973	90.000	90.000	140.000	140.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
44	Xây dựng đường nối Quốc lộ 32 - Nghĩa trang Yên Kỳ - Hồ Suối Hai, huyện Ba Vì (Giai đoạn 1)		1		8546/QĐ-UBND 8/12/2017	165.604	127.000	57.000	26.000	26.000	1	UBND huyện Ba Vì	PL2a - NQ số 26/NQ-HĐND ngày 4/12/2019

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
45	Cải tạo, nâng cấp tuyến tỉnh lộ 429 đoạn từ cầu Ba Thá đến đường Hồ Chí Minh, huyện Mỹ Đức		1		271/HĐND-KTNS 29/5/2018 (CTĐT); 5902/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	186.601	130.000	80.000	40.000	40.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
46	Xây dựng tuyến đường từ Trung tâm hành chính huyện Mê Linh đến Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Mê Linh (giai đoạn I)		1		6971/QĐ-UBND 06/12/2019	337.840	120.000	70.000	175.000	175.000	1	UBND huyện Mê Linh	
47	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu cộng bắc qua sông Tích, thị xã Sơn Tây			1	DA: 5954/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	71.002	20.000	20.000	43.000	43.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	PL2a - NQ số 26/NQ-HĐND ngày 4/12/2019
48	Cải tạo, mở rộng ngõ 381 Nguyễn Khang (từ phố Thành Thái đến phố Nguyễn Khang), quận Cầu Giấy		1		1657/QĐ-UBND 08/4/2019	314.968	80.000	70.000	210.000	210.000	1	UBND quận Cầu Giấy	
49	Xây dựng một phần tuyến đường 70 (đoạn từ cầu Ngà đến hết ranh giới dự án Lăng giáo dục Quốc tế) và đường bao quanh Lăng giáo dục Quốc tế.		1		3102/QĐ-UBND 29/6/2011; 3282/QĐ-UBND	270.557	87.000	40.000	150.000	150.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	
50	Dự án đầu tư xây dựng hoàn chỉnh theo quy hoạch nút giao đường Vành đai 3 với đường ô tô cao tốc Hà Nội – Hải Phòng		1		3213/QĐ-UBND 14/6/2019	402.160	212.000	120.000	170.000	170.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	
51	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng hầm chui Lê Văn Lương - Vành đai 3		1		3297/QĐ-UBND 20/6/2019	698.158	152.000	150.000	350.000	350.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	
52	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 420 đoạn từ Km0+00 đến Km7+428 (ngã ba Hòa Lạc - ngã ba thị trấn Liên Quan, huyện Thạch Thất)		1		6058/QĐ-UBND 31/10/2019 05/12/2018	385.041	70.000	70.000	290.000	290.000	1	UBND huyện Thạch Thất	Trình phê duyệt CTĐT tại kỳ họp thứ 7 HĐND Thành phố
53	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng tuyến đường Tây Thăng Long (đoạn Phạm Văn đồng đến đường Văn Tiến Dũng) thuộc quận Bắc Từ Liêm	1			5995/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 5901/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	1.494.473	361.000	191.000	950.000	950.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	Chuyển nguồn vốn ngân sách theo NQ HDND

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
54	Xây dựng cầu Cương Kiên, quận Nam Từ Liêm		1		DA: 6076/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	175.800	15.000	15.000	130.000	130.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	PL2a - NQ số 26/NQ-HĐND ngày 4/12/2019
55	Dự án xây dựng cầu Trí Thủy, huyện Chương Mỹ			1	DA: 6082/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	27.536	7.000	7.000	16.400	16.400	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	PL2a - NQ số 26/NQ-HĐND ngày 4/12/2019
56	Dự án xây dựng cầu Cao Thiên, huyện Thạch Thất			1	DA: 6075/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	58.741	10.000	10.000	39.000	39.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	PL2a - NQ số 26/NQ-HĐND ngày 4/12/2019
57	Dự án xây dựng cầu Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Đống Đa			1	DA: 6081/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	37.759	10.000	10.000	24.200	24.200	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	PL2a - NQ số 26/NQ-HĐND ngày 4/12/2019
58	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Nội Côi		1		DA: 3204/QĐ-UBND ngày 13/6/2019	56.684	38.000	22.000	12.100	12.100	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	PL2a - NQ số 26/NQ-HĐND ngày 4/12/2019
59	Cải tạo, nâng cấp đường Chi Đông -Kim Hoa, huyện Mê Linh		1		2500/QĐ-UBND 19/8/2019	154.367	97.217	20.000	30.000	30.000	1	UBND huyện Mê Linh	Đã hoàn thành GD I, bổ tri vốn GD II
60	Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ đầu đường tỉnh lộ 427 tới thị trấn Kim Bài		1		6021/QĐ-UBND 30/10/2019	345.492	105.000	105.000	220.000	220.000	1	UBND huyện Thanh Oai	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố
61	Đường vành đai Khu công nghiệp Bắc Phú cát (nay là đường vành đai khu công nghiệp Hòa Lạc), huyện Quốc Oai		1		6062/QĐ-UBND 31/10/2019	482.536	90.000	90.000	350.000	350.000	1	UBND huyện Quốc Oai	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố
62	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 412 từ thị trấn Tây Đằng vào Khu du lịch hồ Suối Hai		1		6067/QĐ-UBND 31/10/2019	279.659	50.000	50.000	215.000	215.000	1	UBND huyện Ba Vì	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
63	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 429C đoạn từ cầu Bầu đến cầu Hậu Xá, huyện Ứng Hòa		1		6066/QĐ-UBND 31/10/2019	304.541	145.000	145.000	150.000	150.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	Chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020
64	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km6+585 - Km14+780 (TL 75 cũ) từ cầu Quảng Tái (xã Trung Tú) đến cầu Cổng Thần (xã Minh Đức), huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội		1		6057/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	179.034	73.000	73.000	100.000	100.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	Chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020
65	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 (từ Quốc lộ 1A đi Minh Tân, Quang Lăng)		1		Nghị quyết 04/NQ-HĐND ngày 9/4/2019	316.430	60.000	60.000	140.000	140.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐTD Thành phố
66	Đường tránh tỉnh lộ 419 đi khu du lịch Chùa Hương (đoạn từ cầu Đồng Bình đến bến xe Hội Xá), Hà Nội		1		Ctrl: 18/NQ-HĐND ngày 25/10/2019	128.201	60.000	60.000	60.000	60.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	Đang trình phê duyệt dự án, dự kiến bố trí vốn tháng 4 năm 2020
67	Đường giao thông kết hợp hệ thống thoát nước khu du lịch Chùa Hương, huyện Mỹ Đức			1	Ctrl: 5829/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	48.640	35.000	35.000	10.000	10.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	Đang trình phê duyệt dự án, dự kiến bố trí vốn tháng 4 năm 2021
68	Hoàn thiện và khớp nối HTKT khu 7,2 ha Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình		1		6588/QĐ-UBND ngày 13/11/2019	135.545	5.000	5.000	120.000	120.000	1	UBND quận Ba Đình	Hoàn thiện theo quy hoạch đã được phê duyệt
69	Đường giao thông trục phát triển phía đông huyện Phú Xuyên (nối tỉnh lộ 428 đến tỉnh lộ 429)		1		3539/QĐ-UBND ngày 03/7/2019	283.795	130.000	130.000	145.000	145.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
70	Đường liên khu vực 8 (từ Đại lộ Thăng Long đến đường tỉnh 423), huyện Hoài Đức.		1			486.040	54.000	54.000	189.000	189.000	1	UBND huyện Hoài Đức	NSTP 50% TMBT; 50% NSH
71	Đường Lại Yên – Vân Canh (từ Đường Liên khu vực 2 đến đường Vành đai 3.5), huyện Hoài Đức		1			567.237	59.000	59.000	220.000	220.000	1	UBND huyện Hoài Đức	NSTP 50% TMBT; 50% NSH

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
72	Xây dựng đường đê tả Đuống theo quy hoạch đoạn từ cầu Đuống đến cầu Phù Đồng		1		9008/QĐ-UBND 31/10/2018	511.247	260.000	140.000	240.000	240.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
73	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 24,5m từ đê sông Đuống đến đường Dốc Lã - Ninh Hiệp		1		9012/QĐ-UBND 31/10/2018	348.927	150.000	100.000	190.000	190.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
74	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phù Đồng đến hết địa bàn huyện Gia Lâm		1		676/HĐND-KTNS 19/12/2017	380.108	225.000	100.000	145.000	145.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
75	Xây dựng tuyến đường Yên Viên - Đình Xuyên - Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm		1		675/HĐND-KTNS 12/9/2017	128.298	50.000	50.000	70.000	70.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
76	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Phan Đăng Lưu đến Yên Thường, huyện Gia Lâm		1		680/HĐND-KTNS 19/12/2017	287.824	50.000	50.000	220.000	220.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
77	Xây dựng tuyến đường Dốc Lã - Ninh Hiệp - Phù Đồng, huyện Gia Lâm		1		679/HĐND-KTNS 19/12/2017	384.612	50.000	50.000	300.000	300.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
78	Xây dựng đường Nguyễn Tam Trinh		1		5504/QĐ-UBND 28/11/2012	2.066.796	506.000	153.000	1.400.000	1.400.000	1	UBND quận Hoàng Mai	Bao gồm hoàn trả NS Quận đã ứng; cơ chế tài quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 04/5/2012 của UBND TP.
79	Nâng cấp, mở rộng đường Lĩnh Nam theo quy hoạch		1		716/QĐ-UBND 01/02/2013; 4769/QĐ-UBND	2.493.213	200.000	100.000	1.400.000	1.400.000	1	UBND quận Hoàng Mai	Cơ chế tài văn bản số 160/HĐND-KTNS ngày 26/01/2011
80	Xây dựng tuyến đường 40m nối từ đường Nguyễn Văn Cừ đến hết khu tái định cư phường Ngọc Thụy, quận Long Biên		1		7588/QĐ-UBND 31/10/2017	1.221.933	455.000	200.000	700.000	700.000	1	UBND quận Long Biên	Cơ chế tài văn bản số 160/HĐND-KTNS ngày 26/01/2011
81	Xây dựng tuyến đường 40m và 48m nối từ khu đô thị mới Việt Hưng ra đường Ngô Gia Tự, quận Long Biên		1		6121/QĐ-UBND 31/10/2019	696.982	21.000	21.000	620.000	620.000	1	UBND quận Long Biên	Cơ chế tài văn bản số 160/HĐND-KTNS ngày 26/01/2011
82	Xây dựng tuyến đường nối từ Trường Đại học Mỏ - Địa chất vào khu công nghiệp Nam Thăng Long		1		460/QĐ-UBND 26/01/2011; 5719/QĐ-UBND	196.313	133.649	16.000	45.000	45.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	
83	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường vào và hệ thống chiếu sáng tuyến đường vào và hệ thống chiếu sáng tuyến đường vào khu xử lý chất thải Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây		1						40.000	40.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
IX.2	Lĩnh vực đê điều		2			224.410	82.500	80.000	70.000	70.000	2		
1	Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Hồng (đoạn từ xã Ninh Sở đến xã Vạn Điểm), huyện Thường Tín		1		CTr: 08/NQ-HĐND ngày 08/7/2019	106.090			45.000	45.000	1	UBND huyện Thường Tín	Chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020
2	Nâng cấp toàn bộ mặt đê sông Nhuệ trên địa bàn huyện Phú Xuyên (gồm các đoạn: Bờ tả đoạn từ cầu Đồng Quan đến cầu Tân Dân, bờ hữu từ cầu Tân Dân đến cầu Công Thần và hai bờ sông Nhuệ từ cầu Công Thần đến cầu Thống Nhất và chống sạt lở bờ sông Vân Đình, xã Hồng Minh)		1		3294/QĐ-UBND 19/6/2019	118.320	82.500	80.000	25.000	25.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
IX.3	Lĩnh vực thủy lợi	2	7	1		10.141.370	1.957.219	1.287.500	965.000	965.000	10		
1	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Diêm, kiên cố hóa bờ kênh trục chính Thanh Diêm kết hợp làm đường giao thông		1		6527/QĐ-UBND 30/10/2013	195.556	130.000	30.000	50.000	50.000	1	BQLDA ĐTXDCT nông nghiệp & phát triển nông thôn	
2	Kiên cố kênh tiêu chính Thập Cửu trạm bơm Hạ Dục, huyện Chương Mỹ		1		3315/QĐ-UBND 13/7/2011; 6618/QĐ-	130.145	92.196		10.000	10.000	1	BQLDA ĐTXDCT nông nghiệp & phát triển nông thôn	
3	Nâng cấp hệ thống tiêu Bình Phú, huyện Thạch Thất		1		109/QĐ-UBND 11/01/2010; 4397/QĐ-UBND 08/9/2010; 3293/QĐ-UBND	161.715	130.732	40.000	20.000	20.000	1	BQLDA ĐTXDCT nông nghiệp & phát triển nông thôn	
4	Nạo vét, cứng hoá bờ kênh Tân Phương kết hợp giao thông huyện Ứng Hoà		1		5370/QĐ-UBND 29/10/2010; 599/QĐ-UBND 01/02/2018	166.126	108.000	39.000	10.000	10.000	1	BQLDA ĐTXDCT nông nghiệp & phát triển nông thôn	
5	Nâng cấp, cải tạo trạm bơm tiêu Đại Áng, huyện Thanh Trì			1	6050/QĐ-UBND 30/10/2019	45.000	14.000	14.000	25.000	25.000	1	BQLDA ĐTXDCT nông nghiệp & phát triển nông thôn	
6	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới tiêu An Mỹ I, Mỹ Đức		1		3313/QĐ-UBND 20/6/2019	74.260	46.500	45.000	20.000	20.000	1	BQLDA ĐTXDCT nông nghiệp & phát triển nông thôn	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
7	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Đông Sơn, huyện Chương Mỹ		1		6055/QĐ-UBND 31/10/2019	145.000	43.000	43.000	55.000	55.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của UBND Thành phố
8	Xây dựng trạm bơm tiêu Yên Sơn, huyện Quốc Oai		1		6129/QĐ-UBND 31/10/2019	246.951	60.000	60.000	75.000	75.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố
9	Công trình trọng điểm 2016-2020: Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì	1			4927/QĐ-UBND 06/10/2010; 1054/QĐ-UBND 04/3/2016; 1834/QĐ-UBND 23/02/2013; 743/QĐ-UBND 13/02/2019	4.253.765	705.791	439.500	200.000	200.000	1	Sở NN&PTNT	
10	Công trình trọng điểm 2016-2020: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa)	1				4.722.852	627.000	577.000	500.000	500.000	1	Sở NN&PTNT	
IX.4 Lĩnh vực công nghiệp													
IX.5 Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước													
1	Hệ thống thoát nước, hồ điều hòa, trạm bơm Vĩnh Thanh, huyện Đông Anh		1		6120/QĐ-UBND 31/10/2019	829.904	50.000	50.000	750.000	750.000	1	BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật xung quanh hồ Linh Quang		1						30.000	30.000		BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	
3	Cải tạo, cống hóa mương Vĩnh Tuy (đoạn phía Bắc đường Minh Khai từ đường Minh Khai đến phố Vĩnh Tuy)		1						5.000	5.000		BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
4	Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trạch, huyện Đông Anh		1		6000/QĐ-UBND 31/10/2018	959.185	105.000	100.000	780.000	780.000	1	BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	
IX.6	Lĩnh vực HTKT tái định cư		4	1		655.592	278.000	248.000	322.000	322.000	5		
1	Xây dựng HTKT khu tái định cư xã Bắc Sơn phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHLCT Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHLCT Sóc Sơn)		1		12/NQ-HĐND 5/12/2018	228.586	120.000	90.000	100.000	100.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
2	Xây dựng HTKT - xã hội trường bán đồng doi			1		15.523					1	Trường Sỹ Quan lục quân 1 Bộ QP	Vốn của BQP
3	Dự án xây dựng khu di dân phục vụ GPMB khu tương niệm danh nhân Chu Văn An và các dự án khác thuộc huyện Thanh Trì		1		DA: 4112/QĐ-UBND ngày 31/7/2019	234.833	100.000	100.000	120.000	120.000	1	UBND huyện Thanh Trì	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố
4	Xây dựng HTKT khu TĐC phục vụ thu hồi đất một số dự án trên địa bàn thị xã Sơn Tây		1		2105/QĐ-UBND 5/4/2017	56.740	8.000	8.000	42.000	42.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố
5	Xây dựng khu tái định cư trên địa bàn khu Đồng Giải, thôn Sơn Đồng, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ		1		3529/QĐ-UBND ngày 2/7/2019	119.910	50.000	50.000	60.000	60.000	1	UBND huyện Chương mỹ	
IX.7	Lĩnh vực thương mại												
IX.8	Lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn												

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
IX.9	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		1			659.358	180.000	100.000	400.000	400.000	1		
1	Xây dựng Khu liên cơ quan Văn Hồ (tại vị trí Sở Xây dựng và số 1 cơ quan)		1		1547/QĐ-UBND ngày 01/4/2019	659.358	180.000	100.000	400.000	400.000	1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	
X	CÁC LĨNH VỰC KHÁC	1	5	1		2.872.019	762.714	297.000	1.092.000	1.092.000	6		
X.1	Lĩnh vực tòa án		3			807.865	165.000	165.000	503.000	503.000	3		
1	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội		1		6111/QĐ-UBND 31/10/2019	711.099	135.000	135.000	450.000	450.000	1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	
2	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông		1		6113/QĐ-UBND 31/10/2019	49.219	16.000	16.000	25.000	25.000	1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	
3	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì		1		6115/QĐ-UBND	47.547	14.000	14.000	28.000	28.000	1	BQLDA ĐTXDCT dân	
X.2	Lĩnh vực kiểm sát		1	1		325.458	150.000	80.000	71.000	71.000	2		
1	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội		1		696/HĐND-KTNS 25/12/2017 (CTĐT); 6019/QĐ-UBND 31/10/2018	301.091	140.000	70.000	60.000	60.000	1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	
2	Đầu tư xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội			1	763/QĐ-UBND 17/3/2020	24.367	10.000	10.000	11.000	11.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công	
X.3	Lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội	1				1.402.434	345.714	30.000	500.000	500.000			
1	Xây dựng tổng thể hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai của thành phố Hà Nội	1			6264/QĐ-UBND 27/11/2014	1.402.434	345.714	30.000	500.000	500.000		Sở Tài nguyên và Môi trường	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
X.4	Lĩnh vực khác		1			336.262	102.000	22.000	18.000	18.000	1		
1	Cải tạo, nâng cấp để chuyển đổi nghĩa trang Văn Điển		1		6436/QĐ-UBND 25/10/2013; 5463/QĐ-UBND	336.262	102.000	22.000	18.000	18.000	1	Ban phục vụ Lễ tang Thành phố	NSTP hỗ trợ 100 tỷ XD hạ tầng; kinh phí còn lại CĐT vay từ Quỹ ĐTPT TP và huyện Thanh Trì
B	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025	27	305	170		318.258.208	3.777.478	149.800	199.336.833	175.303.833	391		
I	Lĩnh vực giáo dục đào tạo		39	9		3.723.049			3.328.000	3.328.000	43		
1	Xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận Bắc Từ Liêm			1	25/NQ-HĐND ngày 04/12/2019	42.745			38.000	38.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	
2	Cải tạo, nâng cấp trường Mầm non B			1	2545/QĐ-UBND 23/5/2018	27.404			24.000	24.000	1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố
3	Trường THPT Xuân Giang			1		40.000			35.000	35.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
4	Trường THPT Lý Thường Kiệt			1	6640/QĐ-UBND ngày 12/12/2014	35.000			35.000	35.000	1	Ban DDCN	
5	Trường THPT Thượng Cát		1			45.000			45.000	45.000	1	Ban DDCN	
6	Cải tạo nâng cấp Cải tạo nâng cấp trường THPT Trung Văn			1	5726/QĐ-UBND ngày 10/12/2012	40.000			40.000	40.000	1	Ban DDCN	
7	Cải tạo nâng cấp Trường THPT Tự Lập		1			46.000			42.000	42.000	1	Huyện Mê Linh	
8	Cải tạo nâng cấp Trường THPT Tiên Phong			1		40.000			40.000	40.000	1	Huyện Mê Linh	
9	Trường THPT Quang Trung - Hà Đông		1			50.000			50.000	50.000	1	Quận Hà Đông	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
10	Xây dựng, mở rộng Trường THPT Minh Quang			1		25.000			25.000	25.000	1	UBND huyện Ba Vì	
11	Trường THPT Hai Bà Trưng - Thạch Thất		1			52.000			52.000	52.000	1	Huyện Thạch Thất	
12	Trường THPT Chúc Động		1		5015/QĐ-UBND 31/10/2012	62.000			62.000	62.000	1	Ban DDCN	
13	Trường THPT Nguyễn Trãi, Ba Đình		1			50.000			45.000	45.000	1	UBND quận Ba Đình	
14	Trường THPT Mỹ Đức A		1			140.000			140.000	140.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
15	Trường THPT Mỹ Đức C		1			60.000			60.000	60.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
16	Trường THPT Ứng Hòa A		1		9442/UBND-KH&ĐT 02/11/2011	66.000			66.000	66.000	1	Huyện Ứng Hòa	
17	Trường THPT Lưu Hoàng			1		30.000			30.000	30.000	1	Huyện Ứng Hòa	
18	Trường THPT Đồng Quan		1			55.000			55.000	55.000	1	Ban DDCN	
19	Xây dựng, mở rộng Trường THPT Ba Vì		1			50.000			45.000	45.000	1	UBND huyện Ba Vì	
20	Trường phổ thông chuyên biệt cho trẻ khuyết tật Thành phố		1			300.000			280.000	280.000	1	Ban DDCN	
21	Trường THPT Tân Lập Đan Phượng		1			66.000			50.000	50.000	1	UBND huyện Đan Phượng	
22	Trường THPT Lê Quý Đôn - Đống Đa		1		6505/QĐ-UBND ngày 5/12/2014	53.000			53.000	53.000	1	Ban DDCN	
23	Trường THPT Hoàng Cầu		1		6504/QĐ-UBND ngày 5/12/2014	73.000			73.000	73.000	1	Ban DDCN	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
24	Trường THPT Vân Nội		1			83.000			83.000	83.000	1	Ban DDCN	
25	Trường THPT Chu Văn An		1			48.000			48.000	48.000	1	Ban DDCN	
26	Trường THPT Cầu Giấy		1			55.000			55.000	55.000	1	UBND quận Cầu Giấy	
27	Cải tạo nâng cấp Trường THPT Ngọc Hồi		1			135.000			120.000	120.000	1	Ban DDCN	
28	Trường THPT Lê Lợi		1			147.000			147.000	147.000	1	Ban DDCN	
29	Xây dựng Trường THPT Đan Phượng vị trí mới		1			75.000			75.000	75.000	1	UBND huyện Đan Phượng	
30	Xây mới trường THPT tại ô đất A11, khu quy hoạch K7-1 Cầu Giấy		1			130.000			115.000	115.000	1	UBND quận Cầu Giấy	
31	Xây mới trường THPT Tây Tựu tại ô đất chức năng trường THPT trong khu CNBT Tây Tựu		1			180.000			180.000	180.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	
32	Xây mới trường THPT tại ô đất B2.5-THPT01 Khu đô thị Thanh Hà, Xã Cự Khê		1			120.000			120.000	120.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
33	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Thanh Oai B		1			80.000			70.000	70.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
34	Xây dựng trường THPT Cổ Loa		1			52.000			45.000	45.000	1	UBND huyện Đông Anh	
35	Xây dựng trường THPT Quang Minh		1			60.000			54.000	54.000	1	UBND huyện Mê Linh	
36	Xây dựng trường THPT Phúc Lợi - giai đoạn II		1			60.000			54.000	54.000	1	UBND quận Long Biên	
37	Xây dựng trường THPT Xuân Đình		1			30.000			27.000	27.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
38	Trường THPT Tân Dân		1			55.000			30.000	30.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công	
39	Trường THPT Đa Phúc		1			60.000			20.000	20.000		UBND huyện Sóc Sơn	
40	Trường THPT Sóc Sơn		1			50.000			20.000	20.000		UBND huyện Sóc Sơn	
41	Trường THPT Trung Giã		1			100.000			30.000	30.000		UBND huyện Sóc Sơn	
42	Trường THPT Tô Đông Mỹ (giai đoạn 2)		1			55.000			30.000	30.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công	
43	Xây dựng trường THPT tại 199 Minh Khai		1			150.000			135.000	135.000	1	UBND quận Hai Bà Trưng	
44	Xây dựng trường THPT tại ô D4/TH6 QHPK H2-3		1			150.000			135.000	135.000	1	UBND quận Hoàng Mai	
45	Xây dựng trường THPT tại ô C1/TH3 QHPK H2-4		1			150.000			135.000	135.000	1	UBND quận Hoàng Mai	
46	Cải tạo sửa chữa Trung tâm điều dưỡng người có công số 1			1	DA: 6544/QĐ-UBND 30/11/2015	14.900			13.000	13.000	1	BQLDA ĐTXDCT Văn hóa Xã hội	2424/UBND-KHĐT ngày 12/6/2019
46	Xây dựng trường THPT Vân cốc		1			55.000			42.000	42.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
47	Xây dựng trường THPT Việt Hưng		1			180.000			160.000	160.000	1	UBND quận Long Biên	
II	Lĩnh vực khoa học công nghệ												
III	Lĩnh vực quốc phòng	3	10	1		612076	3.435.000		1.688.000	1.688.000	13		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
1	Doanh trại Trung đoàn 692/fBB301 (tại vị trí mới)		1				780.000		500.000	500.000		Bộ Tư lệnhThủ đô Hà Nội	Phần vốn còn lại do NS Bộ Quốc Phòng bố trí
2	Doanh trại Ban CHQS huyện Gia Lâm		1				65.000		40.000	40.000	1	Bộ Tư lệnhThủ đô Hà Nội	
3	Thao trường huấn luyện Trung đoàn 692/fBB301		1				300.000		230.000	230.000	1	Bộ Tư lệnhThủ đô Hà Nội	
4	Xây dựng Phân kho 2/K813/Cục Hậu cần		1				60.000		40.000	40.000	1	Bộ Tư lệnhThủ đô Hà Nội	
5	Doanh trại Ban CHQS huyện Chương Mỹ		1				70.000		40.000	40.000	1	Bộ Tư lệnhThủ đô Hà Nội	Phần vốn còn lại do NS Bộ Quốc Phòng
6	Doanh trại Ban CHQS huyện Phú Xuyên		1				70.000		45.000	45.000	1	Bộ Tư lệnhThủ đô Hà Nội	
7	Doanh trại Ban CHQS huyện Ứng Hòa		1				70.000		40.000	40.000	1	Bộ Tư lệnhThủ đô Hà Nội	Phần vốn còn lại do NS Bộ Quốc Phòng
8	Doanh trại Ban CHQS huyện Thường Tín			1			25.000		23.000	23.000	1	Bộ Tư lệnhThủ đô Hà Nội	
9	Đường hầm bảo đảm cho các cơ quan UBND thành phố Hà Nội (mật danh STN.01.3)	1					80.000		70.000	70.000	1	Bộ Tư lệnhThủ đô Hà Nội	
10	Đường hầm bảo đảm cho lãnh đạo Thành ủy, các Ban Đảng, đoàn thể, UB MTTQVN thành phố Hà Nội (mật danh STN.01.2)	1					80.000		70.000	70.000	1	Bộ Tư lệnhThủ đô Hà Nội	
11	Thao trường huấn luyện lực lượng đặc công, đặc nhiệm phòng chống khủng bố thành phố Hà Nội	1					1.790.000		10.000	10.000	1	Bộ Tư lệnhThủ đô Hà Nội	
12	Mua sắm phương tiện trang bị, công cụ hỗ trợ phòng, chống khủng bố và làm nhiệm vụ A2		1			162.076			115.000	115.000	1	Bộ Tư lệnhThủ đô Hà Nội	
13	Hầm Sờ chỉ huy A2 của Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (mật danh STĐ.02)		1		3338/QĐ-BQP, 07/8/2019	450.000			430.000	430.000	1	Bộ Tư lệnhThủ đô Hà Nội	
14	Cải tạo, Nâng cấp doanh trại Trung đoàn 854/fBB301		1				45.000		35.000	35.000	1	Bộ Tư lệnhThủ đô Hà Nội	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
IV	Lĩnh vực an ninh		8	16		3.500.885		123.800	2.798.200	2.798.200	22		1
1	Mua sắm phương tiện, trang thiết bị chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ		1			896.930			850.000	850.000	1	CA TPHN	1
2	Xây dựng trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH và một số đơn vị CSCĐ, CSGT thuộc CA Thành phố Hà Nội		1			690.000			640.000	640.000	1	CA TPHN	
3	Xây lắp đặt trạm cân trọng tải xử lý xe quá khổ, quá tải trên QL2, huyện Sóc Sơn		1			35.500			32.000	32.000	1	CA TPHN	
4	Triển khai, mở rộng hạ tầng camera giám sát tại các môi trường trọng điểm về an ninh trên địa bàn Thành phố		1			71.639			65.000	65.000	1	CA TPHN	
5	Xây dựng Trung tâm điều khiển giao thông thông minh thuộc CA Thành phố Hà Nội		1			1.112.915			500.000	500.000	1	CA TPHN	
6	Mua sắm phương tiện phục vụ công tác công an Phường thuộc công an Thành phố		1			105.492			95.000	95.000	1	CA TPHN	
7	Xây dựng Trung tâm dữ liệu dùng chung của Công an Thành phố			1		25.500			24.500	24.500		CA TPHN	
8	Xây dựng cơ sở làm việc Công an quận Ba Đình		1			70.000		67.000	67.000	67.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình văn hóa xã hội TP	
9	Xây dựng mở rộng trụ sở làm việc của Công an huyện Phúc Thọ			1		30.000		28.000	28.000	28.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình văn hóa xã hội TP	
10	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công an phường Thịnh Liệt			1		11.806		11.500	11.500	11.500	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình văn hóa xã hội TP	

02

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
11	Xây dựng cơ sở làm việc Công an phường Mai Động			1		11.874		11.500	11.500	11.500	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình văn hóa xã hội TP	
12	Cải tạo trụ sở làm việc Công an phường Phương Canh			1		6.000		5.800	5.800	5.800	1	CA TPHN	
13	Xây dựng trụ sở CAP Lê Đại Hành			1	5142/QĐ-UBND ngày 18/11/2019	6.853			6.700	6.700	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình văn hóa xã hội TP	
14	Xây dựng trụ sở làm việc đồn công an Đồng Mô			1	5592/QĐ-UBND ngày 18/11/2019	7.508			7.200	7.200	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình văn hóa xã hội TP	
15	Xây dựng trụ sở làm việc công an thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	6257/QĐ-UBND 15/11/2018	13.564			12.000	12.000	1	BQLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
16	Cơ sở làm việc CAP Yên Nghĩa			1	CTR: 3162/QĐ-UBND, 11/06/2019	10.361			9.000	9.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố
17	Đồn Công an Viên An			1	CTR: 5890/QĐ-UBND, 23/10/2019	7.598			7.000	7.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	
18	Đồn CA Quang trung			1	CTR: 6594/QĐ-UBND 5/12/2018	7.531			7.000	7.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	
19	Đồn CA Thủy Xuân Tiên			1	CTR: 6596/QĐ-UBND 5/12/2018	7.618			7.000	7.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	
20	Xây dựng trụ sở làm việc Đồn Công an Đường Lâm, thị xã Sơn Tây			1	CTR: 6593/QĐ-UBND 5/12/2018	7.473			65.000	65.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
21	Đầu tư xây dựng mới các trụ nước chữa cháy hồ thu nước trên địa bàn Thành phố		1		04/NQ-HDND 9/4/2019	323.186			310.000	310.000	1	BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	
22	Đồn CA khu Công nghiệp Phú Nghĩa			1	CTr: 6595/QĐ-UBND 5/12/2018	9.528			8.000	8.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	
23	Đồn CA Dân Hòa			1	CTr: 6591/QĐ-UBND 5/12/2018	8.437			7.000	7.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	
24	Hệ thống máy chủ lưu trữ cơ sở dữ liệu Hafis			1		23.572			22.000	22.000		Ban quản lý dự án ĐTXD công trình văn hóa xã hội TP	
V	Lĩnh vực y tế		18			8.214.588			7.740.000	7.740.000	18		
1	Nâng cấp Bệnh viện Tâm Thần Hà Nội		1			214.588			190.000	190.000	1	BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	
2	Nâng cấp Bệnh viện Thận Hà Nội		1			300.000			250.000	250.000	1	BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	
3	Nâng cấp Trung tâm Pháp y Hà Nội		1			400.000			400.000	400.000	1	BQLDA ĐTXD công trình văn hóa	
4	Xây dựng Bệnh viện Tim cơ sở 2		1			500.000			500.000	500.000	1	BQLDA ĐTXD công trình văn hóa	
5	Nâng cấp Bệnh viện U Bướu		1			800.000			800.000	800.000	1	BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	
6	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Hòe Nhai		1			200.000			200.000	200.000	1	BQLDA ĐTXD công trình văn hóa	
7	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Quốc Oai		1			200.000			200.000	200.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
8	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Văn Đình		1			300.000			300.000	300.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
9	Xây dựng Bệnh viện Phục hồi chức năng		1			500.000			500.000	500.000	1	BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	
10	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Trì		1			400.000			400.000	400.000	1	UBND huyện Thanh Trì	
11	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Hoài Đức		1			300.000			300.000	300.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
12	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Mỹ Đức		1			300.000			300.000	300.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
13	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thất		1			1.000.000			700.000	700.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
14	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ		1			300.000			300.000	300.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
15	Các dự án Xử lý chất thải y tế của các Bệnh viện và cơ sở y tế thuộc danh mục ưu tiên tại Đề án "Xử lý chất thải y tế nguy hại thành phố HN đến năm 2020 và những năm tiếp theo"		1			200.000			200.000	200.000	1	BQLDA ĐTXD công trình VHXH	
16	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn đạt tiêu chuẩn Châu Âu		1			1.000.000			950.000	950.000	1	BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	
17	Nâng cấp Bệnh viện Bắc Thăng Long		1			300.000			300.000	300.000	1	UBND huyện Đông Anh	
18	Các dự án hỗ trợ cấp huyện thực hiện Kế hoạch nâng cấp các trạm y tế theo nguyên lý y học gia đình và duy trì chuẩn quốc gia		1			1.000.000			950.000	950.000	1	UBND các huyện	
VI	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	3	5			10.701.896	20.508	10.000	2.670.000	2.670.000	5		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
1	Cải tạo, sửa chữa công trình Nhà hát nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ		1			130.000			120.000	120.000		Ban QLDA ĐTXD công trình VH-XH	
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Cung Thiếu nhi Hà Nội	1			4493/QĐ-UBND 29/8/2016	1.376.465	20.508	10.000	1.200.000	1.200.000	1	BQLDA ĐTXD công trình văn hóa - xã hội	Chuyển đổi hình thức đầu tư từ PPP (Hợp đồng BT) sang Ngân sách
3	Giải phóng mặt bằng, cải tạo hạ tầng kỹ thuật khu vực xung quanh di tích Bà Kiệu, quận Hoàn Kiếm		1			50.000			45.000	45.000	1	UBND quận Hoàn Kiếm	
4	Đường từ bến xe Tuyết Sơn đi tỉnh lộ 74 (đường Tam Chúc - Khả Phong), huyện Mỹ Đức		1			138.000			120.000	120.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	Đường phục vụ phát triển du lịch khu di tích Chùa Hương
5	Nâng cấp, mở rộng bến đò và suối Tuyết Sơn, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội		1			59.000			55.000	55.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	Sở KHĐT có báo cáo TP số 182/KH&ĐT-NS giao UBND huyện
6	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu vực Thành Cổ Loa thuộc quy hoạch tổng thể bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị Khu Di tích thành Cổ Loa	1				7.400.000			500.000	500.000		Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	CĐT đang phối hợp với các đơn vị dự thảo Báo cáo của BCS Đảng UBNDTP báo cáo Thường trực Thành ủy xin ý kiến về việc triển khai Dự án Bảo tồn, tôn tạo
7	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy khu di tích Hoàng Thành Thăng Long	1				1.400.000			500.000	500.000		Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	CĐT đã trình BCNCTKT, Sở KHĐT đang lấy ý kiến các Bộ ngành liên quan
8	Khu bảo tồn thuộc khu vực IV khu du lịch - văn hóa Sóc Sơn		1		559/QĐ-UBND ngày 28/01/2011	148.431			130.000	130.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
VII	Lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tấn		2	1		1.323.125			770.000	770.000	3		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
1	Đầu tư Xây dựng Trụ sở mới Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội.		1			590.000			350.000	350.000	1		Phê duyệt danh mục dự án tại Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của UBND TP phê duyệt Dự án Đài
2	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất tại Trung tâm Truyền dẫn phát sóng Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội phục vụ bàn giao Trụ sở 32 Tô Hiệu, Hà Đông cho Báo Nhân dân			1	1730/QĐ-UBND; 27/4/2020	41.125			20.000	20.000	1	Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội	NSTP: 20,562 tỷ đồng, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Đài còn lại
3	Đầu tư hệ thống hạ tầng an ninh, an toàn thông tin từ giai đoạn sản xuất chương trình đến khi phát sóng chương trình. Đầu tư hệ thống trang thiết bị công nghệ sản xuất chương trình hiện đại theo tiêu chuẩn 4K hướng tới 8K.		1			692.000			400.000	400.000	1		Phê duyệt danh mục dự án tại Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của UBND TP phê duyệt Dự án Đài
VIII	Lĩnh vực môi trường	1	4	3		6.343.907	6.000	6.000	5.190.000	3.790.000	6		22222222
1	Đầu tư hệ thống mạng quan trắc môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội		1		12/NQ-HĐND 05/12/2018	709.529	1.000	1.000	700.000	700.000	1	Sở Tài nguyên và Môi trường	Trình phê duyệt CTĐT tại kỳ họp thứ 7 HĐND Thành phố
2	Nạo vét bùn hồ Trúc Bạch			1		32.000			30.000	30.000	1	BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	VB giao nhiệm vụ 6397/UBND-ĐT 15/12/2017
3	Xây dựng nhà máy xử lý nước thải xã Văn Canh, huyện Hoài Đức		1			140.000			10.000	10.000		BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	11111111

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
4	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải làng nghề cơ khí, kim khí xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai			1		28.000			10.000	10.000		BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	11111111
5	Nạo vét bùn, bổ cập nước hồ Quảng Bá			1		42.000			40.000	40.000	1	BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	VB giao nhiệm vụ 5507/VP-ĐT 15/6/2017
6	Di dân vùng ảnh hưởng môi trường (bán kính 500m từ Khu XLCT Sóc Sơn) kết hợp trồng cây xanh tạo hành lang cách ly	1			5639/QĐ-UBND 09/10/2019	3.653.000			2.800.000	2.800.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
7	Công trình trọng điểm 2016-2020: Mở rộng khu XLCT Sóc Sơn theo Quy hoạch 609/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ		1		39/HĐND-KTNS 23/01/2018 (CTĐT)	1.489.378	5.000	5.000	1.400.000		1	BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	Đề nghị ngân sách TW hỗ trợ
8	Dự án cấp nước sạch cho các vùng nông thôn khó khăn		1			250.000			200.000	200.000	1	BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	
IX	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	20	219	140		283.838.682	315.970	10.000	175.152.633	152.519.633	281		
IX.1	Lĩnh vực giao thông	12	129	67		235.441.436			142.113.633	127.480.633	182		
1	Dự án tuyến đường sắt đô thị số 3, đoạn ga Hà Nội - Hoàng Mai	1				40.577.000			14.000.000	1.000.000		Ban QL đường sắt đô thị hà nội	
	Vốn ODA cấp phát												
	Vốn ODA vay lại								13.000.000				
	Vốn trong nước								1.000.000	1.000.000			

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
2	Cải tạo, nâng cấp đường 70: đoạn Hà Đông - Văn Điển - Quy mô: 7,5km	1				2.823.842			2.500.000	2.500.000		BQLDA ĐTXD Công trình giao thông	
3	Tuyến đường sắt đô thị số 5 (Văn Cao - Ngọc Khánh - Láng - Hòa Lạc)	1				65.000.000			15.000.000	15.000.000		Ban đường sắt	
4	Cầu Tứ Liên và đường từ cầu Tứ Liên đến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên	1				15.731.000			14.000.000	14.000.000		BQLDA ĐTXD Công trình giao thông	
	Đường vành đai 2,5												
	Đoạn từ Khu đô thị mới Dịch Vọng - Dương Đình Nghệ					700.000			600.000	600.000		BQLDA ĐTXD Công trình giao thông	PPP chuyển sang
5	Đoạn từ Trung Kính đến đường Trần Duy Hưng	1				2.100.000			1.890.000	1.890.000		BQLDA ĐTXD Công trình giao thông	PPP chuyển sang
6	Đoạn từ Ngụy Như Kon Tum đến Đầm Hồng	1				5.760.000			5.184.000	5.184.000		BQLDA ĐTXD Công trình giao thông	PPP chuyển sang
	Đường vành đai 3,5												

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
7	Vành đai 3,5: Đoạn từ cầu Thượng Cát đến Quốc lộ 32 - đường 100 huyện Mê Linh		1			1.600.000			1.440.000	1.440.000		BQLDA ĐTXD Công trình giao thông	PPP chuyển sang
8	Đường vành đai 3,5: đoạn từ Phúc La - Văn Phú đến cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ	1				4.200.000			3.780.000	3.780.000		BQLDA ĐTXD Công trình giao thông	PPP chuyển sang
9	Vành đai 3,5: Xây dựng nút giao khác mức giữa đường vành đai 3,5 với Đại lộ Thăng Long, huyện Hoài Đức		1			2.624.000			2.400.000	2.400.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	PPP chuyển sang
10	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6: Ba la - Xuân Mai	1				8.713.000			8.500.000	8.500.000		BQLDA ĐTXD Công trình giao thông	PPP chuyển sang
11	Cầu Thượng Cát (bao gồm đường hai đầu cầu)	1				9.898.000			8.908.200	8.908.200		BQLDA ĐTXD Công trình giao thông	PPP chuyển sang
12	Cầu đường 2 và đường nối đến địa phận Hà Nội	1				6.000.000			5.500.000	5.500.000		BQLDA ĐTXD Công trình giao thông	
13	Hạ tầng khung, kết nối và phân luồng giao thông khu vực trung tâm thành phố												PPP chuyển sang
14	Xây dựng cầu Vĩnh Tuy, Giai đoạn 2	1				2.500.000			2.300.000	2.300.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
15	Xây dựng tuyến đường kết nối đường Pháp Vân - Cầu Giẽ với đường Vành đai 3	1			141/QĐ-TTg ngày 21/01/2020	2.535.141			1.700.000	1.700.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
16	Mở rộng phố Nguyễn Phong Sắc (đoạn từ phố Nghĩa Tân đến đường Hoàng Quốc Việt (tuyến đường số 65))		1		Nghị quyết 08/HĐND ngày 8/7/2019 của HĐND Thành phố	477.512			420.000	420.000	1	UBND quận Cầu Giấy	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
17	Cầu Đập tràn Quan Sơn, huyện Mỹ Đức		1		Ctr: 18/NQ-HĐND ngày 25/10/2019	288.645			200.000	200.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	Đang trình phê duyệt dự án, dự kiến bố trí vốn tháng 4 năm 2021
18	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 422, huyện Đan Phượng		1		Nghị quyết 04/HĐND ngày 9/4/2019 của HĐND Thành phố	111.694			100.000	100.000	1	UBND huyện Đan Phượng	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố
19	Xây dựng đường trục phát triển kinh tế huyện Thanh Oai đoạn nối cầu Hoàng Thanh (đi Chương Mỹ) đến đường 427 ra Quốc lộ 1 (Thường Tín)		1			650.000			450.000	450.000	1	UBND huyện Thanh Oai	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐTD Thành phố
20	Dự án tuyến đường gom phía Đông đường cao tốc Pháp Vân- Cầu Giẽ		1			963.131			850.000	850.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	Sở KHĐT đã Báo cáo UBND Thành phố tại Báo cáo số 668/BC-KH&ĐT ngày 4/10/2019 để
21	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn từ Km194 đến Km206+100 (giáp huyện Phú Xuyên)		1			628.000			500.000	500.000	1	UBND huyện Thường Tín	
22	Nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 429 và Quốc lộ 1A thuộc phố Tía xã Tô Hiệu đến Km5+200 giáp xã Phụng Dục huyện Phú Xuyên), huyện Thường Tín		1			186.504			150.000	150.000	1	UBND huyện Thường Tín	
23	Cầu vượt nút giao đường tỉnh 427 với đường sắt Bắc - Nam và quốc lộ 1A (cầu vượt Dương Trục Nguyên), huyện Thường Tín		1			235.000			200.000	200.000	1	UBND huyện Thường Tín	
24	Xây dựng tuyến đường số 8 và một số tuyến đường kết nối khu vực Bắc Cổ Nhuế - Chèm, quận Bắc Từ Liêm		1			300.000			290.000	290.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
25	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Ngũ Hiệp đi Đông Mỹ, huyện Thanh Trì		1			205.890			200.000	200.000	1	UBND huyện Thanh Trì	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố
26	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ nút giao thông đường Tam Trinh đến điểm giao cắt với tuyến đường Minh Khai - Vĩnh Tuy - Yên Duyên, quận Hoàng Mai		1		08/NQ-HĐND 15/7/2019	462.499			450.000	450.000	1	UBND quận Hoàng Mai	
27	Tuyến đường Ngô Thi Nhậm - Trần Khát Chân		1		396/HĐND-KTNS 17/8/2017 (CTĐT)	449.000			420.000	420.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	
28	Xây dựng tuyến đường vào cảng Khuyến Lương		1		12/NQ-HĐND 05/12/2018	918.621			850.000	850.000	1	BQLDA ĐTXDCT giao thông	
29	Xây dựng, khớp nối đường giao thông khu chức năng đô thị Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm		1		25/NQ-HĐND 04/12/2019	92.789			85.000	85.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	
30	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 32 trên địa bàn huyện Ba Vì - giai đoạn 1 (đoạn qua thị trấn Tây Đằng), huyện Ba Vì		1		25/NQ-HĐND 04/12/2019	365.355			325.000	325.000	1	UBND huyện Ba Vì	
31	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 414C đi xã Thuần Mỹ (nối khu du lịch Suối Hai với khu du lịch nước khoáng nóng Thuần Mỹ), huyện Ba Vì		1		25/NQ-HĐND 04/12/2019	405.161			380.000	380.000	1	UBND huyện Ba Vì	
32	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Kim Bài tới nút giao ngã tư Vác, huyện Thanh Oai		1		25/NQ-HĐND 04/12/2019	386.636			360.000	360.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
33	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 414 (đoạn từ ngã ba Vĩ Thủy đi Xuân Khanh), thị xã Sơn Tây		1		25/NQ-HĐND 04/12/2019	491.203			450.000	450.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
34	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 413 đoạn từ Km0+00 đến Km5+900, thị xã Sơn Tây		1		25/NQ-HĐND 04/12/2019	394.682			360.000	360.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
35	Cải tạo, nâng cấp đường từ TL414 đi vườn quốc gia Ba Vì		1			346.285			320.000	320.000	1	UBND huyện Ba Vì	trình HĐND TP phê duyệt tại kỳ họp HĐND tháng 2 năm 2020
36	Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 32 trên địa bàn huyện Ba Vì - giai đoạn 2 (đoạn Sơn Tây - thị trấn Tây Đằng), huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội		1			707.345			650.000	650.000	1	UBND huyện Ba Vì	trình HĐND TP phê duyệt tại kỳ họp HĐND tháng 2 năm 2020
37	Cải tạo, nâng cấp tuyến TL414 (đoạn từ ngã tư đường Tân Lĩnh - Yên Bái đến ngã ba đường 414C), huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội		1			531.633			500.000	500.000	1	UBND huyện Ba Vì	trình HĐND TP phê duyệt tại kỳ họp HĐND tháng 2 năm 2020
38	Xây dựng tuyến đường từ khu liên cơ quan quận Bắc Từ Liêm đến đường Tây Thăng Long, Phúc Lý, Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội		1			65.152			58.000	58.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	trình HĐND TP phê duyệt tại kỳ họp HĐND tháng 2 năm 2020
39	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Văn Đình tới đường tỉnh 424 (76 cũ), địa phận huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội		1			651.987			600.000	600.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	trình HĐND TP phê duyệt tại kỳ họp HĐND tháng 2 năm 2020
40	Đường nối Quốc lộ 32 với Quốc lộ 21A thuộc địa bàn huyện Phúc Thọ và thị xã Sơn Tây (tỉnh lộ 416)		1			363.319			320.000	320.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	Sở KHĐT có báo cáo số 378/BC-KH&ĐT ngày 07/6/2019, báo cáo TP chủ trương đầu tư dự án, TP có Tờ trình số 86/TTR-UBND ngày
41	Đường từ Quốc lộ 21A đi tỉnh lộ 416 thị xã Sơn Tây		1			304.000			250.000	250.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
42	Xây dựng tuyến đường kết nối cầu vượt sông Cầu (cầu Xuân Cẩm) đến nút giao Bắc Phú của tuyến Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên		1			162.559			150.000	150.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	Sở KHĐT có báo cáo số 323/BC-KH&ĐT ngày 23/3/2018 trình TP phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, tuy nhiên UBND TP chưa phê

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
43	Mở rộng tuyến đường quốc lộ 2 - Minh Trí - Xuân Hòa theo quy hoạch		1			509.000			450.000	450.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
44	Mở rộng đường Núi Đồi - Bắc Phú theo quy hoạch		1			663.000			550.000	550.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
45	Xây dựng đoạn 2 đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu đô thị vệ tinh Sóc Sơn (từ tỉnh lộ 131 đến đường Quốc lộ 3 đi Đền Sóc)		1			735.901			650.000	650.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
46	Xây dựng đường nối Quốc lộ 3 đến đường vành đai phía đông Khu đô thị vệ tinh Sóc Sơn		1			1.116.782			1.000.000	1.000.000		UBND huyện Sóc Sơn	
47	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường tỉnh 417 (TL 83 cũ) đoạn Km3+700 đến Km6+200, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội		1			117.540			110.000	110.000	1	UBND huyện Đan Phượng	trình HĐND TP phê duyệt tại kỳ họp HĐND tháng 2 năm 2020
48	Xây dựng nâng cấp đường từ đường 32 đi đường Phú Minh (qua trường mầm non Phú Minh), Nguyễn Xá, Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội		1			100.048			90.000	90.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	trình HĐND TP phê duyệt tại kỳ họp HĐND tháng 2 năm 2020
49	Xây dựng tuyến đường từ đường 70 quy hoạch đi đường Phú Minh (qua trường mầm non Minh Khai),		1			106.889			100.000	100.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	trình HĐND TP phê duyệt tại kỳ họp HĐND tháng 2 năm 2020
50	Xây dựng đường vào KCN Nam Thăng Long (qua viện Chăn Nuôi đến Sông Nhuệ, Thụy Phương), quận Bắc Từ Liêm		1			94.311			80.000	80.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	trình HĐND TP phê duyệt tại kỳ họp HĐND tháng 2 năm 2021
51	Nâng cấp, mở rộng đường QL21B từ cầu Xá Kiêu xã Quảng Phú Cầu đến đường cụm công nghiệp Bắc Vân Đình xã Liên Bát, huyện Ứng Hòa		1			850.000			500.000	30.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
52	Cải tạo, nâng cấp đường đê hữu hồng, đoạn từ cầu Long Biên-nút giao cầu Chương Dương-Bắc Cổ-hầm chui Văn Đồn (đến cây xăng Lương Yên)		1		Thông báo số 1269/TB-UBND ngày 28/10/2019	721.564			700.000	700.000	1	UBND quận Hoàn Kiếm	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
53	Nâng cấp, mở rộng QL21B từ Km31+550 đến Km36+150, huyện Ứng Hòa, Hà Nội		1			800.000			700.000	20.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	Chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành
54	Nâng cấp, mở rộng QL21B từ Km36+150 đến Km41+550, huyện Ứng Hòa, Hà Nội		1			900.000			800.000	30.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	Chỉ đạo của Chủ tịch UBND thành phố ngày 18/01/2020
55	Đường trục phát triển kinh tế Bắc - Nam (đoạn từ QL21B đến tỉnh lộ 429A), huyện Ứng Hòa		1			750.000			650.000	650.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
56	Nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 429B (đoạn từ QL21B đến đường trục phát triển kinh tế phía Nam), huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội		1			362.177			300.000	300.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	Quyết định số 690/QĐ-UBND giao UBND huyện Ứng Hòa lập đề xuất chủ trương đầu tư dự án
57	Cải tạo, nâng cấp tuyến tỉnh lộ 424 đoạn từ Đổ Xá Quan Sơn đến đập tràn Cầu Dặm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội		1			209.000			180.000	180.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
58	Xây dựng hệ, rãnh thoát nước Quốc lộ 21B, đoạn qua huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội		1			70.000			55.000	55.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
59	Cải tạo đường giao thông kết hợp cứng hóa mặt đề hữu sông Đáy từ xã Phúc Lâm đến xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức		1			223.789			200.000	200.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	UBND Thành phố cho phép UBND huyện Mỹ Đức cho phép CBĐT tại QĐ số 539/QĐ-UBND
60	Xây dựng cầu Lê Thanh vượt qua sông Đáy, huyện Mỹ Đức		1			446.713			420.000	420.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	Chủ tịch chỉ đạo làm cầu và 2 đường giao thông đầu cầu Lê Thanh ngày
61	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 429 đoạn Km15+800 đến Km10+300 (tỉnh lộ 75 cũ) từ QL21B huyện Ứng Hòa đến đường trục phát triển kinh tế phía Nam huyện Phú Xuyên		1			245.000			220.000	220.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	Thành phố chấp thuận giao UBND huyện Ứng Hòa lập đề xuất CTĐT tại

✓

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
62	Nâng cấp tuyến đường tỉnh 428 (từ ngã ba Hoàng Nguyên lên đê Sông Hồng), huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội		1			133.000			125.000	125.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	UBND Thành phố cho phép CBĐT tại QĐ số 7401/QĐ-UBND ngày 03/01/2020
63	Nâng cấp tuyến đường tỉnh 428B (từ ngã ba Hoàng Nguyên đến cầu Lương xã Minh Tân), xã Tri Thủy, huyện Phú Xuyên		1			430.291			380.000	380.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
64	Đường 428A từ cầu Giẽ đến cầu Cống Thần, huyện Phú Xuyên		1			290.000			260.000	260.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
65	Nâng cấp đường tỉnh 428A đoạn từ cầu Cống Thần đến cầu Giẽ		1			269.533			240.000	240.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
66	Đường tỉnh 429 từ Nghiêm Xuyên - QL1A		1			320.000			270.000	270.000	1	UBND huyện Thường Tín	
67	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 426 Quán Xá đến Thái Bằng, huyện Ứng Hòa		1			700.000			500.000	500.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
68	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 413 đoạn Sơn Tây - hồ suối Hai (từ Km4+450 đến Km11+500) thuộc địa bàn huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội		1			538.000			450.000	450.000	1	UBND huyện Ba Vì	sở KHĐT báo cáo UBND Thành phố giao UBND huyện Ba Vì lập đề xuất chủ trương đầu tư
69	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 413 đoạn từ Km14 đến Km23 thuộc địa bàn huyện Ba Vì		1			650.000			550.000	550.000	1	UBND huyện Ba Vì	Sở KHĐT đang báo cáo thành phố cho phép CBĐT công trình

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
70	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 32 trên địa bàn huyện Ba Vì, đoạn thị trấn Tây Đằng - cầu Trung Hà, huyện Ba Vì		1			985.000			800.000	20.000	1	UBND huyện Ba Vì	UBND Thành phố cho phép UBND huyện Ba Vì lập đề xuất CBĐT tại QĐ số 6731/QĐ-UBND
71	Nâng cấp, mở rộng đường TL429A từ Ba Thá, xã Viên An đi huyện Thanh Oai		1			225.000			210.000	210.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	Sở KHĐT đang báo cáo thành phố cho phép CBĐT công trình
72	Xây dựng đường trục 42m kết nối từ đường Vành đai du lịch Tuần Châu, huyện Quốc Oai đến đường tỉnh 419 (tỉnh lộ 80 cũ), huyện Thạch Thất		1			372.830			330.000	330.000	1	UBND huyện Thạch Thất	UBND Thành phố cho phép UBND huyện Thạch thất
73	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường TL419 đi TL429, huyện Mỹ Đức		1			79.000			75.000	75.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
74	Đường trục Bắc - Nam thành phố Hà Nội đi qua địa bàn huyện Chương Mỹ		1			950.000			800.000	800.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
75	Cải tạo, nâng cấp đường 419 - giai đoạn 2 - trên địa bàn huyện Chương Mỹ (đoạn tiếp giáp xã Tân Hòa, huyện Quốc Oai đến thị trấn Chúc Sơn và từ đường vào cầu Hạ Dục đến cầu Hòa Viên)		1			357.457			320.000	320.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
76	Đường tránh tỉnh lộ 419 qua thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ		1			236.000			220.000	220.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
77	Cải tạo đường tỉnh 420 từ Km7+428 đến Km15 + 800 (ngã ba xã Phú Kim đến xã Tam Hiệp, huyện Phúc Thọ), huyện Thạch Thất, Hà Nội		1			350.000			300.000	300.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
78	Cải tạo, mở rộng, nâng cấp đường tỉnh 419 đoạn từ ngã ba thị trấn Liên Quan đi Bình Phú (lý trình Km6+00 đến Km11+770), huyện Thạch Thất		1			460.000			400.000	400.000	1	UBND huyện Thạch Thất	Chủ tịch chỉ đạo ngày 25/11/2019
79	Nâng cấp tuyến đường tỉnh 429 (đoạn qua các xã Phương Dục, Hồng Minh, Phú Túc), huyện Phú Xuyên, Hà Nội		1			350.995			315.000	315.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	UBND Thành phố có QĐ cho phép CBĐT tại QĐ số

0

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
80	Đường trục nối từ đường tỉnh 424 đến đường trục phát triển thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, Hà Nội		1			106.316			90.000	90.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	Chủ tịch TP chỉ đạo ngày 30/10/2019
81	Đường từ bến xe Tuyết Sơn đi tỉnh lộ 74 (đường Tam Chúc - Khả Phong)		1			138.000			120.000	120.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
82	Cải tạo, nâng cấp tuyến tỉnh lộ 429 đoạn ngã tư Vác đến nhà lưu niệm Bác Hồ, huyện Thanh Oai, Hà Nội		1			154.742			140.000	140.000	1	UBND huyện Thanh Oai	Chủ tịch UBND Thành phố chỉ đạo ngày 18/12/2019
83	Đường vành đai phía đông thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai		1			186.000			160.000	160.000	1	UBND huyện Thanh Oai	Chủ tịch UBND Thành phố chỉ đạo ngày 28/01/2020
84	Nâng cấp tỉnh lộ 446 huyện Quốc Oai		1			428.000			350.000	350.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
85	Đường giao thông kết hợp cứng hóa kênh mương trạm bơm Đại Cường đi trục kinh tế phía Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội		1			117.000			120.000	120.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	UBND Thành phố cho phép CBĐT tại QĐ số 144/QĐ-
86	Đường trục kinh tế phía Bắc huyện Ứng Hòa		1			267.380			250.000	250.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	UBND Thành phố cho phép CBĐT tại QĐ số 143/QĐ-
87	Đường Đỗ Xá - Quan Sơn (từ QL21B đến đường trục kinh tế phía Nam) thuộc địa phận huyện Ứng Hòa		1			400.058			350.000	350.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	Chỉ đạo của Chủ tịch ngày 06/02/2020
88	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ ngã tư Vác đi huyện Ứng Hòa		1			281.000			260.000	260.000	1	UBND huyện Thanh Oai	Chỉ đạo của Chủ tịch ngày 06/02/2020
89	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ cầu Thạch Bích đến nút giao đường tỉnh lộ 427 (ngã ba Bình Đà), huyện Thanh Oai		1			268.000			250.000	250.000	1	UBND huyện Thanh Oai	Chỉ đạo của Chủ tịch ngày 28/12/2019
90	Đường tránh Quốc lộ 21B đoạn qua thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai		1			750.000			600.000	600.000	1	UBND huyện Thanh Oai	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Trong đó:				
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)	Ngân sách Thành phố				
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
91	Đường tỉnh lộ 429B kéo dài về phía tây (đoạn từ Quốc lộ 21B đến đê Tà Đây), huyện Ứng Hòa		1			362.177			320.000	320.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	Sở KHĐT có báo cáo TP giao UBND huyện lập báo cáo đề xuất CBĐT văn
92	Xây dựng tuyến đường từ QL21 (tuyến đường tránh QL32) đi xã Cam Thượng, huyện Ba Vì		1			495.000			450.000	450.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	Chủ tịch chỉ đạo ngày 17/10/2019
93	Xây dựng tuyến đường dọc sông Thiên Đức đoạn từ Đình Xuyên đến đường 50m quy hoạch, huyện Gia Lâm		1			410.390			360.000	360.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
94	Xây dựng tuyến đường 40m theo quy hoạch từ Đình Xuyên đến đường gom quốc lộ 1B, huyện Gia Lâm		1			397.830			350.000	350.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
95	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Quốc lộ 1B qua đường Cổ Bi đến khu đô thị Đặng Xá, huyện Gia Lâm		1			252.532			220.000	220.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
96	Xây dựng đường đê tả Đuống đoạn từ đê Phù Đồng đến hết địa phận xã Trung Mầu, huyện Gia Lâm)		1			414.794			370.000	370.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
97	Xây dựng tuyến đường liên xã Ninh Hiệp - Phù Đồng - Trung Mầu theo quy hoạch đoạn từ hầm chui Quốc Lộ 1B đến đường 179, huyện Gia Lâm		1			61.364			55.000	55.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
98	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch chạy dọc kênh dài từ sông Thiên Đức đến hết địa phận xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm		1			405.537			360.000	360.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
99	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đê hữu Đuống qua đường 181 tại vị trí chùa Linh Quy đến Kênh dài, huyện Gia Lâm		1			325.862			290.000	290.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
100	Xây dựng tuyến đường Tiên Phong - Tự lập, huyện Mê Linh (giai đoạn 1)		1			791.385			700.000	700.000	1	UBND huyện Mê Linh	
101	Xây dựng tuyến đường nối từ đường 23B đi cảng Chu Phan, huyện Mê Linh		1			771.865			680.000	680.000	1	UBND huyện Mê Linh	
102	Xây dựng tuyến đường 48m đoạn từ Yên Vĩnh đến đường 36 khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh		1			660.784			580.000	580.000	1	UBND huyện Mê Linh	
103	Đường giao thông kết hợp tiêu thoát nước liên xã từ Minh Khai đến Yên Sở		1			204.940			185.000	185.000	1	UBND huyện Hoài Đức	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
I	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
104	Nâng cấp đường tỉnh 423 (từ đê Tà Đáy đi cầu 72)		1			66.740			60.000	60.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
105	Đường nối từ đường Lai Yên - Văn Canh đến khu đô thị Bắc An Khánh		1			84.000			75.000	75.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
106	Cầu vượt Đại Lộ Thăng Long (tại nút giao Đại Lộ Thăng Long với đường LK1 -LK8)		1			163.010			145.000	145.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
107	Đường khu vực An Thượng - An Khánh (đoạn qua xã An Thượng)		1			119.937			100.000	100.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
108	Đường bao khu trung tâm hành chính huyện Hoài Đức		1			85.549			75.000	75.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
109	Đường ĐH06 (giai đoạn 2) đoạn từ thôn Cao Hạ, xã Đức Giang nối với đường liên xã Đức Thượng - Dương Liễu, huyện Hoài Đức		1			145.227			130.000	130.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
110	Đường từ đường tỉnh 422 vào khu đô thị Kim Chung - Di Trạch		1			110.882			95.000	95.000	1	UBND huyện Hoài Đức	
111	Xây dựng tuyến Tây Thăng Long (đoạn từ đường vành đai 3.5 đến đường vành đai 4)		1			1.488.723			1.400.000	1.400.000		UBND huyện Đan Phượng	
112	Xây dựng tuyến đường Tây Thăng Long (đoạn từ đường vành đai 4 đến tỉnh lộ 417)		1			671.132			600.000	600.000	1	UBND huyện Đan Phượng	
113	Xây dựng tuyến đường nối từ đường vành đai 3.5 đến đường kênh Đan Hoài		1			1.079.364			950.000	950.000		UBND huyện Đan Phượng	
114	Xây dựng tuyến đường nối từ tuyến số 3 đến đường 32 (nối từ điểm cuối dự án đường vành đai 3.5 đến đường kênh Đan Hoài)		1			623.986			550.000	550.000	1	UBND huyện Đan Phượng	
115	Xây dựng tuyến đường nối từ tuyến số 3 đến đường 32 (tuyến N09 theo quy hoạch)		1			1.139.710			1.000.000	1.000.000		UBND huyện Đan Phượng	
116	Xây dựng tuyến đường nối từ tuyến số 3 đến đường 32 (tuyến N08 theo quy hoạch)		1			1.143.587			1.000.000	1.000.000		UBND huyện Đan Phượng	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
I	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
117	Xây dựng các tuyến đường xung quanh bãi đỗ xe và trung tâm thương mại Aeonmall Hoàng Mai, quận Hoàng Mai		1			726.806			650.000	650.000	1	UBND quận Hoàng Mai	
118	Xây dựng tuyến đường từ khu đô thị thành phố giao lưu qua ga Phú Diễn đến đường cầu Diễn		1			1.255.000			1.000.000	1.000.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	Chủ tịch chỉ đạo ngày 06/02/2020
119	Mở rộng, xây dựng đường, rãnh thoát nước đường Xuân Đình (đoạn từ đường Đỗ Nhuận qua Nhà máy dệt đến Phố Lộc), phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm		1			517.848			485.000	485.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	Thông báo số 986/TB-UBND ngày 21/8/2017 giao
120	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Hoàng Tăng Bí đi khu công nghiệp Nam Thăng Long (cổng liên Mạc 2)		1			258.370			232.533	232.533	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	Thông báo số 986/TB-UBND ngày 21/8/2017 giao
121	Xây dựng tuyến đường từ đường cầu Diễn vào tổ dân phố Phú Diễn (đọc hành lang đường sắt)		1			227.409			210.000	210.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	Thông báo số 986/TB-UBND ngày 21/8/2017 giao
122	Xây dựng đường từ khu công nghiệp Nam Thăng Long đi đề Hữu Hồng, phường Liên Mạc (đoạn 1)		1			134.424			110.000	110.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	Thông báo số 986/TB-UBND ngày 21/8/2017 giao quận BTL lập đề xuất CBĐT
123	Xây dựng đường từ khu công nghiệp Nam Thăng Long đi đề Hữu Hồng, phường Liên Mạc (đoạn 2)		1			176.780			150.000	150.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	Thông báo số 986/TB-UBND ngày 21/8/2017 giao quận BTL lập đề xuất CBĐT
124	Xây dựng tuyến đường vào khu công nghiệp Nam Thăng Long đến đường vành đai 3,5		1			730.627			650.000	650.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	
125	Xây dựng tuyến đường từ đường vành đai 3,5 đến đường nối từ đường Hoàng Quốc Việt kéo dài đến khu công nghiệp Nam Thăng Long		1			1.000.649			900.000	900.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	UBND Thành phố cho phép Quận làm chủ đầu tư dự án tại QĐ số 6995/QĐ-UBND ngày 06/12/2019
126	Xây dựng tuyến đường từ đường Tây Thăng Long đến đường từ Đại học Mỏ địa chất đi đường Phạm Văn Đồng		1			217.429			200.000	200.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
127	Xây dựng tuyến đường Bulevar (đoạn từ đường 32 đến hết địa phận quận Bắc Từ Liêm)		1			450.509			420.000	420.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	
128	Xây dựng tuyến đường Nguyễn Hoàng Tôn thuộc địa bàn quận Tây Hồ và quận Bắc Từ Liêm	1				4.491.675			3.500.000	3.500.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	Chủ đầu tư trình cho phép CBĐT tại văn bản số 96/BC-UBND ngày 02/3/2020
129	Đầu tư xây dựng Đường dọc kênh Đan Hoài (từ Đại lộ Thăng Long đến đường tỉnh 423)		1		NQ số 12/NQ-HĐND ngày 05/12/2018	247.297			220.000	220.000		UBND huyện Hoài Đức	
130	Đường liên khu vực 6 (đoạn từ đường liên khu vực 1 đến đường vành đai 3,5)		1		NQ số 12/NQ-HĐND ngày 05/12/2018	758.888			680.000	680.000		UBND huyện Hoài Đức	
131	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường phát triển phía Tây Nam huyện Quốc Oai từ đường tỉnh 421B đi đường tỉnh 419 nối với đường tỉnh 423 hiện trạng		1		NQ số 08/NQ-HĐND ngày 8/7/2019	378.105			296.000	296.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL3 hoàn thiện công tác CBĐT- NQ số 26/NQ-HĐND ngày 4/12/2019
132	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối tiếp đường tỉnh 421B đoạn cầu vượt Sài Sơn qua khu hành chính huyện Quốc Oai kết nối với đường tỉnh 421B (đoạn Thạch Thán - Xuân Mai)		1		NQ số 08/NQ-HĐND ngày 8/7/2019	527.688			414.000	414.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL3 hoàn thiện công tác CBĐT- NQ số 26/NQ-HĐND ngày 4/12/2019
133	Cải tạo, nâng cấp đường Xuân Diệu, phường Quảng An, quận Tây Hồ		1		2136/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	388.479			162.000	162.000	1	UBND quận Tây Hồ	Đề nghị bổ sung vào trung hạn cấp Thành phố giai đoạn 2021-2025 vào PL theo cơ chế đặc thù từ nguồn thu sử dụng đất (bổ trí lại phần nguồn

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
134	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đặng Thai Mai - giai đoạn 1, phường Quảng An, quận Tây Hồ		1		4/NQ-HĐND ngày 9/4/2019	561.988			222.000	222.000	1	UBND quận Tây Hồ	Đề nghị bổ sung vào trung hạn cấp Thành phố giai đoạn 2021-2025 vào PL theo cơ chế đặc thù từ nguồn thu sử dụng đất (bổ trí lại phần nguồn
135	Cầu vượt đi bộ												
136	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Văn Cừ 1, quận Long Biên			1	CCĐT: 5892/QĐ-UBND ngày 23/10/2019	5.613			4.500	4.500	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL3 hoàn thiện công tác CBĐT-NQ số 26/NQ-HĐND ngày 4/12/2019
137	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Văn Cừ 2, quận Long Biên			1	CCĐT: 5891/QĐ-UBND ngày 23/10/2019	5.613			4.500	4.500	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL3 hoàn thiện công tác CBĐT-NQ số 26/NQ-HĐND ngày 4/12/2019
138	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Quốc lộ 32 (thôn Lai Xá), huyện Hoài Đức			1	CCĐT: 7067/QĐ-UBND ngày 12/12/2019	8.377			6.800	6.800	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL15 tiếp tục rà soát xem xét ĐT giai đoạn tiếp theo - NQ số 26/NQ-HĐND ngày
139	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Văn Cừ 3, quận Long Biên			1	CCĐT: 5906/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	5.613			4.500	4.500	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL3 hoàn thiện công tác CBĐT-NQ số 26/NQ-HĐND ngày 4/12/2019
140	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Trãi (đoạn giao cắt ngã ba đường Triều Khúc, quận Thanh Xuân			1	CCĐT: 5909/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	7.519			6.200	6.200	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL3 hoàn thiện công tác CBĐT-NQ số 26/NQ-HĐND ngày 4/12/2019
141	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Liễu Giai, quận Ba Đình			1	42/TTr-UBND ngày 26/3/2020	8.009			6.600	6.600	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL15 tiếp tục rà soát xem xét ĐT giai đoạn tiếp theo - NQ số 26/NQ-HĐND ngày

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
142	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Đào Tấn, quận Ba Đình			1	41/TTr-UBND ngày 26/3/2020	5.952			4.900	4.900	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL15 tiếp tục rà soát xem xét ĐT giai đoạn tiếp theo - NQ số 26/NQ-HĐND ngày
143	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Ngọc Hồi tại khu vực bên xe Nước Ngầm, quận Hoàng Mai			1	37/TTr-UBND ngày 26/3/2020	6.001			5.100	5.100	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL15 tiếp tục rà soát xem xét ĐT giai đoạn tiếp theo - NQ số 26/NQ-HĐND ngày
144	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ tại trước tòa nhà HH1A, HUD3, CT5-X2 trong khu đô thị Bắc Linh Đàm, quận Hoàng Mai			1	36/TTr-UBND ngày 26/3/2020	3.944			3.400	3.400	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL15 tiếp tục rà soát xem xét ĐT giai đoạn tiếp theo - NQ số 26/NQ-HĐND ngày
145	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường 2,5 tại khu vực chợ đầu mối phía Nam, quận Hoàng Mai.			1	39/TTr-UBND ngày 26/3/2020	5.200			4.500	4.500	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL15 tiếp tục rà soát xem xét ĐT giai đoạn tiếp theo - NQ số 26/NQ-HĐND ngày
146	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Hoàng, quận Nam Từ Liêm			1	38/TTr-UBND ngày 26/3/2020	5.533			4.800	4.800	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL15 tiếp tục rà soát xem xét ĐT giai đoạn tiếp theo - NQ số 26/NQ-HĐND ngày
147	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Lê Đức Thọ (ngõ 63), quận Nam Từ Liêm			1	Giao nhiệm vụ: 1751/QĐ-UBND ngày 28/4/2020	5.195			4.500	4.500	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL15 tiếp tục rà soát xem xét ĐT giai đoạn tiếp theo - NQ số 26/NQ-HĐND ngày
148	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Trần Hữu Dực, quận Nam Từ Liêm			1	Giao nhiệm vụ: 1751/QĐ-UBND ngày 28/4/2020	5.260			4.500	4.500	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL15 tiếp tục rà soát xem xét ĐT giai đoạn tiếp theo - NQ số 26/NQ-HĐND ngày
149	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Hoàng Quốc Việt, quận cầu Giấy			1	Giao nhiệm vụ: 1751/QĐ-UBND ngày 28/4/2020	7.427			6.400	6.400	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL15 tiếp tục rà soát xem xét ĐT giai đoạn tiếp theo - NQ số 26/NQ-HĐND ngày
150	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Văn Huyền, quận cầu Giấy			1	Giao nhiệm vụ: 1751/QĐ-UBND ngày 28/4/2020	6.659			5.700	5.700	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL15 tiếp tục rà soát xem xét ĐT giai đoạn tiếp theo - NQ số 26/NQ-HĐND ngày

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
151	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Khánh Toàn 2, quận cầu Giấy			1	Giao nhiệm vụ: 1751/QĐ-UBND ngày 28/4/2020	5.375			4.600	4.600	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL15 tiếp tục rà soát xem xét ĐT giai đoạn tiếp theo - NQ số 26/NQ-HĐND ngày
152	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt cho người đi bộ qua đường Văn Khê (khu vực chung cư Victoria Văn Phú)			1		5.948			5.100	5.100	1	Sở Giao thông Vận tải	
153	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt cho người đi bộ qua đường Đỗ Nhuận (khu vực công viên Hòa Bình), quận Bắc Từ Liêm			1		5.948			5.100	5.100	1	Sở Giao thông Vận tải	
154	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ kết hợp cho người đi xe đạp qua sông Tô Lịch tại vị trí giữa cầu Cốt và cầu 361			1		12.200			10.100	10.100	1	Sở Giao thông Vận tải	
155	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ kết hợp cho người đi xe đạp qua sông Tô Lịch tại vị trí giữa cầu 361 và cầu Trung Hòa			1		12.200			10.100	10.100	1	Sở Giao thông Vận tải	
156	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ kết hợp cho người đi xe đạp qua sông Tô Lịch tại vị trí giữa cầu Trung Hòa và cầu Hòa Mục			1		12.200			10.100	10.100	1	Sở Giao thông Vận tải	
157	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Láng tại khu vực số nhà 1174			1		7.200			5.900	5.900	1	Sở Giao thông Vận tải	
158	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Láng tại khu vực số nhà 778			1		7.200			5.900	5.900	1	Sở Giao thông Vận tải	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
159	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Láng tại khu vực chợ Láng Hạ			1		7.200			5.900	5.900	1	Sở Giao thông Vận tải	
160	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt cho người đi bộ qua đường QL32 tại Km53+750, huyện Ba Vì			1		5.861			5.000	5.000	1	Sở Giao thông Vận tải	
161	Các cầu yếu												
162	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Tân Phú bắc qua sông Đáy huyện Quốc Oai			1	CCĐT: 1824/QĐ-UBND ngày 17/4/2019	32.465			27.300	27.300	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL3 hoàn thiện công tác CBĐT- NQ số 26/NQ- HĐND ngày 4/12/2019
163	Xây dựng cầu bắc qua sông Nhuệ trên tuyến đường Dịch Vọng - Phú Mỹ - Cầu Diễn và đường nối ra Quốc lộ 32, quận Nam Từ Liêm, quận Bắc Từ Liêm		1		NQ số 08/NQ- HĐND ngày 8/7/2019	380.446			293.000	293.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL3 hoàn thiện công tác CBĐT- NQ số 26/NQ- HĐND ngày 4/12/2019
164	Dự án xây dựng cầu Văn Quán			1	DA: 1759/QĐ-UBND ngày 29/4/2020	14.090			12.100	12.100	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL3 hoàn thiện công tác CBĐT- NQ số 26/NQ- HĐND ngày 4/12/2019
165	Dự án xây dựng cầu Mự			1	CCĐT: QĐ số 3783/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	44.559			35.300	35.300	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL3 hoàn thiện công tác CBĐT- NQ số 26/NQ- HĐND ngày 4/12/2019
166	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu 72-II trên đường tỉnh 423		1		CCĐT: 18/NQ- HĐND ngày 25/10/2019	118.443			96.200	96.200	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	PL3 hoàn thiện công tác CBĐT- NQ số 26/NQ- HĐND ngày 4/12/2019

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
167	Dự án xây dựng cầu Hợp đồng, huyện Chương Mỹ			1	Giao nhiệm vụ: 1751/QĐ-UBND ngày 28/4/2020	16.591			13.600	13.600	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
168	Dự án xây dựng cầu Bài, huyện Ba Vì			1	Giao nhiệm vụ: 1751/QĐ-UBND ngày 28/4/2020	14.963			12.200	12.200	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
169	Dự án xây dựng cầu Lộc Hà tại Km3+350, huyện Đông Anh			1	Giao nhiệm vụ: 1751/QĐ-UBND ngày 28/4/2020	45.610			37.700	37.700	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
170	Dự án xây dựng cầu Kim tại Km11+720 đường tỉnh 414 (87A cũ)			1	Giao nhiệm vụ: 1751/QĐ-UBND ngày 28/4/2020	41.119			33.700	33.700	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
171	Dự án xây dựng cầu Và tại Km10+356 đường tỉnh 414 (87A cũ)			1	Giao nhiệm vụ: 1751/QĐ-UBND ngày 28/4/2020	40.146			33.000	33.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
172	Dự án xây dựng cầu Bài Văn tại Km18+480 đường tỉnh 414 (87A cũ)			1	Giao nhiệm vụ: 1751/QĐ-UBND ngày 28/4/2020	41.119			33.600	33.600	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
173	Dự án xây dựng cầu Chăm Mè tại Km14+243 đường tỉnh 414 (87A cũ)			1	Giao nhiệm vụ: 1751/QĐ-UBND ngày 28/4/2020	34.382			28.100	28.100	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố	
174	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Hiệp Thuận - Dương Liễu			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	33.649			27.500	27.500	1	UBND huyện Phúc Thọ	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
175	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Ngọc Tảo			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	5.951			4.900	4.900	1	UBND huyện Phúc Thọ	
176	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Tam Hiệp 1			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	14.951			12.200	12.200	1	UBND huyện Phúc Thọ	
177	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Phụng Thượng 2			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	5.989			4.900	4.900	1	UBND huyện Phúc Thọ	
178	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Phụng Thượng 3			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	5.954			4.900	4.900	1	UBND huyện Phúc Thọ	
179	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Phúc Đức			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	5.791			4.800	4.800	1	UBND huyện Quốc Oai	
180	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Ngã Tư			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	8.477			6.900	6.900	1	UBND huyện Quốc Oai	
181	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Phú Long			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	8.541			7.000	7.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
182	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Đá Liềm			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	7.701			6.500	6.500	1	UBND huyện Quốc Oai	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
183	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Trọ Trê			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	10.774			9.200	9.200	1	UBND huyện Quốc Oai	
184	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Trắng			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	7.337			6.100	6.100	1	UBND huyện Quốc Oai	
185	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Đồng Bô			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	12.630			10.300	10.300	1	UBND huyện Quốc Oai	
186	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Ngọc Liệp			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	29.016			24.000	24.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
187	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Văn Lăng			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	13.326			11.000	11.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
188	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Văn Minh			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	36.237			29.600	29.600	1	UBND huyện Phú Xuyên	
189	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Gầm			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	22.780			18.600	18.600	1	UBND huyện Phú Xuyên	
190	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Anh Trỗi			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	19.560			16.000	16.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
191	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Thủy Trú			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	10.937			8.900	8.900	1	UBND huyện Phú Xuyên	
192	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Kiều Đông			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	2.619			2.100	2.100	1	UBND huyện Phú Xuyên	
193	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Phương Nhị			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	30.272			25.000	25.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
194	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Phụng Châu 1 (cầu số 01)			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	6.920			5.700	5.700	1	UBND huyện Chương Mỹ	
195	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Phụng Châu 2 (cầu số 02)			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	6.920			5.700	5.700	1	UBND huyện Chương Mỹ	
196	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Phụng Châu 3 (cầu số 03)			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	6.920			5.700	5.700	1	UBND huyện Chương Mỹ	
197	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Đầm Sê			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	7.435			6.100	6.100	1	UBND huyện Chương Mỹ	
198	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Quảng Bị			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	11.486			9.400	9.400	1	UBND huyện Chương Mỹ	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
199	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Gấu			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	32.000			26.100	26.100	1	UBND huyện Thạch Thất	
200	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Phú Kim			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	30.000			24.500	24.500	1	UBND huyện Thạch Thất	
201	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Phú Hạ			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	5.617			4.600	4.600	1	UBND huyện Sóc Sơn	
202	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Gò Gạo			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	4.515			3.700	3.700	1	UBND huyện Sóc Sơn	
203	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Xuân Bách			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	20.000			16.300	16.300	1	UBND huyện Sóc Sơn	
204	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Thái Lai			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	4.614			3.800	3.800	1	UBND huyện Sóc Sơn	
205	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu An Trung			1	Giao nhiệm vụ: 956/QĐ-UBND ngày 04/3/2020	60.000			48.400	48.400	1	UBND huyện Sóc Sơn	
206	Tuyến đường Võ Thị Sáu kéo dài, quận Hai Bà Trưng (đường Thanh Nhân - Minh Khai)		1			1.120.000			1.008.000	1.008.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	PPP chuyển sang

Q

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
207	Quốc lộ 21 đoạn Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai		1			1.200.000			1.080.000	1.080.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	PPP chuyển sang
208	Xây dựng Tuyến đường Lê Quang Đạo kéo dài (đoạn từ Đại lộ Thăng Long, quận Nam Từ Liêm đến đường Ngô Thị Nhậm kéo dài, quận Hà Đông)		1			1.200.000			1.080.000	1.080.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	PPP chuyển sang
209	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối tuyến đường E của Khu Công nghệ cao Hòa Lạc với đường tỉnh 420, huyện Thạch Thất		1			362.000			330.000	330.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	UBND Thành phố chỉ đạo tại văn bản số 2264/UBND-
210	Xây dựng tuyến đường từ Sông Gạo đến đê Sông Hồng		1			1.169.000			1.050.000	1.050.000	1	UBND quận Hoàng Mai	
	Xây dựng cầu Vân Phúc qua sông hồng và tuyến nối ra QL32		1			4.200.000			2.433.000	3.500.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
	Xây dựng các tuyến đường giao thông khu vực tiếp cận dự án Bệnh viện Phụ sản Trung ương cơ sở 2, Bệnh viện nhi Trung ương cơ sở 2, huyện Quốc Oai		1			280.000			250.000	250.000	1	UBND huyện Quốc Oai	UBND có quyết định cho phép đầu tư, TTr126/TTr-UBND ngày 18/6/2020 của UBND huyện Quốc Oai
IX.2	Lĩnh vực đề điều		23	10		8.168.816	1.000		7.333.000	5.533.000	33		
1	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đà, sông Hồng trên địa bàn huyện Ba Vì (sông Đà đoạn từ K2+250 đến K4+100; sông Hồng đoạn từ K25+00 đến K26+00; kè Minh Châu đoạn từ K15+00 đến K16+00;)		1			180.000			160.000	160.000	1	UBND huyện Ba Vì	2969/UBND-KT ngày 02/7/2018; 5334/UBND-KT ngày 31/10/2018; 1882/UBND-KT ngày 08/5/2019
2	Cải tạo, nâng cấp phần còn lại tuyến đê bao vùng Hương Sơn đoạn tuyến từ ĐT 74 đến cầu Văng xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức			1	CTr: 1820/QĐ-UBND ngày 16/4/2019	25.989			22.000	22.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của UBND Thành phố

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
207	Quốc lộ 21 đoạn Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai		1			1.200.000			1.080.000	1.080.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	PPP chuyển sang
208	Xây dựng Tuyến đường Lê Quang Đạo kéo dài (đoạn từ Đại lộ Thăng Long, quận Nam Từ Liêm đến đường Ngô Thị Nhậm kéo dài, quận Hà Đông)		1			1.200.000			1.080.000	1.080.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	PPP chuyển sang
209	Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối tuyến đường E của Khu Công nghệ cao Hòa Lạc với đường tỉnh 420, huyện Thạch Thất		1			362.000			330.000	330.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	UBND Thành phố chỉ đạo tại văn bản số 2264/UBND-
210	Xây dựng tuyến đường từ Sông Gạo đến đê Sông Hồng		1			1.169.000			1.050.000	1.050.000	1	UBND quận Hoàng Mai	
	Xây dựng cầu Vân Phúc qua sông hồng và tuyến nối ra QL32		1			4.200.000			2.433.000	3.500.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông	
	Xây dựng các tuyến đường giao thông khu vực tiếp cận dự án Bệnh viện Phụ sản Trung ương cơ sở 2, Bệnh viện nhi Trung ương cơ sở 2, huyện Quốc Oai		1			280.000			250.000	250.000	1	UBND huyện Quốc Oai	UBTP có quyết định cho phép đầu tư; TTr126/TTr-UBND ngày 18/6/2020 của UBND huyện Quốc Oai
IX.2	Lĩnh vực đề điều		23	10		8.168.816	1.000		7.333.000	5.533.000	33		
1	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đà, sông Hồng trên địa bàn huyện Ba Vì (sông Đà đoạn từ K2+250 đến K4+100; sông Hồng đoạn từ K25+00 đến K26+00; kè Minh Châu đoạn từ K15+00 đến K16+00;)		1			180.000			160.000	160.000	1	UBND huyện Ba Vì	2969/UBND-KT ngày 02/7/2018; 5334/UBND-KT ngày 31/10/2018; 1882/UBND-KT ngày 08/5/2019
2	Cải tạo, nâng cấp phần còn lại tuyến đê bao vùng Hương Sơn đoạn tuyến từ ĐT 74 đến cầu Văng xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức			1	CTr: 1820/QĐ-UBND ngày 16/4/2019	25.989			22.000	22.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của UBND Thành phố

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
3	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Đáy đoạn thôn Kim Bôi, xã Vạn Kim, huyện Mỹ Đức			1	5892/QĐ-UBND 30/10/2015	15.000			13.000	13.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
4	Cải tạo, nâng cấp và làm mái kè bờ hữu Hồng trên địa bàn Sơn Tây đoạn từ K26+700 đến K31+500, thị xã Sơn Tây		1			150.000			135.000	135.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
5	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Hồng huyện Phúc Thọ (đoạn từ K4+300 đến K8+500 và đoạn từ K3+100 đến K4+300)		1			200.000			180.000	180.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
6	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Hồng đoạn từ K84+600 đến K86+389 trên địa bàn xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì		1			119.270			110.000	110.000	1	UBND huyện Thanh Trì	
7	Gia cố mái chống sạt lở bờ tả sông Hồng đoạn từ K64+126 (Món Xoi) đến K66+812 trên địa bàn quận Long Biên		1			400.000			360.000	360.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
8	Lát mái kè bờ hữu sông Đuống, phường Ngọc Thụy và bờ tả sông Hồng, tổ 27, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên		1		5475/QĐ-UBND ngày 26/11/2012	80.000			70.000	70.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
9	Kè chống sạt lở bờ tả sông Đuống đoạn từ K10+135 đến K11+000 trên địa bàn huyện Gia Lâm		1			66.670			60.000	60.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
10	Kè chống sạt lở đề tả Đuống đoạn từ Km2+750 đến Km3+414 thuộc địa bàn huyện Đông Anh			1		34.000			30.000	30.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
11	Xây dựng mới mái kè Vân Phúc đoạn từ K0+100 đến K4+300 và từ K4+300 đến K8+500 đề Vân Cốc		1			200.000			180.000	180.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
12	Kè chống sạt lở bờ tả sông Đáy khu vực xã Viên An, xã Hòa Nam, xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa		1			200.000			180.000	180.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
13	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Cầu đoạn từ K25+350 đến K26+00, huyện Sóc Sơn			1		80.000			70.000	70.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
14	Xây dựng đường hành lang hạ lưu đề hữu Hồng và nâng cấp mặt đề đoạn từ K34+100 đến K36+200, huyện Phúc Thọ		1			120.000			110.000	110.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
15	Xây dựng đường hành lang cơ đề bao phía hạ lưu đề Liên Trì			1		40.000			36.000	36.000	1	UBND huyện Đan Phượng	
16	Xây dựng cơ đề hạ lưu đề hữu Hồng đoạn từ K28+300 đến K30+800 và Nâng cấp mặt đề hữu Hồng kết hợp làm đường giao thông đoạn từ K26+600 đến K30+800, thị xã Sơn Tây		1			250.000			230.000	230.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
17	Xử lý đảm bảo ổn định khu vực của sông Đuống thành phố Hà Nội - Giai đoạn I		1			366.000	1.000		350.000	350.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
18	Cải tạo, nâng cấp mặt đê hữu Hồng đoạn từ K78+910 đến K85+689 trên địa bàn huyện Thanh Trì		1			237.160			210.000	210.000	1	UBND huyện Thanh Trì	
19	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng mặt đê Tả Hồng kết hợp làm đường hành lang chân đê, huyện Mê Linh		1			347.727			310.000	310.000	1	UBND huyện Mê Linh	
20	Cải tạo, nâng cấp mặt đê hữu Hồng (Đoạn từ thị trấn Phú Minh đến xã Quang Lăng), huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội		1		7308/QĐ-UBND ngày 25/12/2019	460.000			415.000	415.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
21	Cải tạo, nâng cấp mặt đê La Thạch từ K0-K6+00, huyện Đan Phượng			1		150.000			135.000	135.000	1	UBND huyện Đan Phượng	
22	Cải tạo, nâng cấp, hoàn chỉnh mặt cắt đê Tiên Tân, huyện Đan Phượng			1		200.000			180.000	180.000	1	UBND huyện Đan Phượng	
23	Cải tạo, nâng cấp đê Ngọc Tảo kết hợp giao thông, huyện Phúc Thọ		1			350.000			320.000	320.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
24	Cải tạo, nâng cấp đê tả Đáy kết hợp giao thông đoạn từ K51+250 đến K59+300 và làm đường hành lang đê tả Đáy, huyện Ứng Hòa (đoạn từ K43+700 đến K51+250, từ K65+350 đến K80+022)		1			452.000			410.000	410.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
25	Cải tạo, nâng cấp đê tả Đáy kết hợp giao thông đoạn từ K26+650 đến K43+700, huyện Thanh Oai		1			400.000			360.000	360.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
26	Cải tạo, nâng cấp đê tả Đáy từ K0+900 đến K2+800, huyện Đan Phượng			1		50.000			45.000	45.000	1	UBND huyện Đan Phượng	
27	Cải tạo nâng cấp đê tả Bùi, hữu Đáy, huyện Chương Mỹ		1		2601/UBND-KH&ĐT ngày 25/6/2019	500.000			450.000	450.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
28	Cải tạo, nâng cấp đê tả Cà Lồ đoạn K0+00 đến K20+252, huyện Sóc Sơn		1			250.000			230.000	230.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
29	Cải tạo, nâng cấp đê hữu Cầu đoạn từ K17+000 đến K29+828, huyện Sóc Sơn		1			180.000			160.000	160.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
30	Củng cố cơ đê kết hợp làm đường giao thông đoạn từ Km14+150 đến Km16+000 đê hữu Đáy, huyện Quốc Oai			1		13.000			12.000	12.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
31	Cải tạo lòng dẫn sông Đáy thành phố Hà Nội (B=22 từ Yên Nghĩa đến Ba Thá)		1			1.000.000			900.000		1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Vốn NSTW
32	Nâng cấp đê hữu Đáy từ Mai Lĩnh đến hết địa phận thành phố Hà Nội (K69+670)		1			1.000.000			900.000		1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Vốn NSTW
33	Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đê các tuyến sông Đà, sông Hồng, sông Đuống, sông Cà Lồ.			1	6907/QĐ-UBND ngày 02/12/2019	52.000					1	Sở Nông nghiệp và PTNT	

2

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
IX.3	Lĩnh vực thủy lợi	6	47	49		29.165.368	18.470	10000	17.584.500	11.384.500	35		
1	Dự án Xây dựng Cụm công trình đầu mối Liên Mạc	1			6570/QĐ-UBND ngày 21/9/2017	3.635.082			3.300.000			Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Đề nghị vốn NSTW
2	Dự án Cải tạo nâng cấp trạm bơm tiêu Đông Mỹ	1			2047/QĐ-UBND ngày 08/3/2013	1.575.986			1.400.000		1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Đề nghị vốn NSTW
3	Chuyển nước từ sông Tích sang sông Đáy (qua hệ thống kênh tiêu Sân - Thủy Đức)	1			465/BC-BCS ngày 08/10/2018	700.000			650.000	650.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	Đề nghị vốn NSTW
4	Nạo vét, cải tạo lòng dẫn sông Nhuệ từ Liên Mạc đến đường vành đai 4		1			1.000.000					1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Đề nghị vốn NSTW
5	Tiếp nước, cải tạo khôi phục sông Tích (Đoạn 2 từ cầu Tráng, Thị xã Sơn Tây đến cầu Ó, huyện Phúc Thọ thuộc giai đoạn I)	1				1.671.335			1.500.000		1	UBND thị xã Sơn Tây	Đề nghị vốn NSTW
6	Xây dựng trạm bơm Văn Khê và hệ thống kênh tiêu ra sông Hồng, huyện Mê Linh		1		DA: 6489/QĐ-UBND ngày 28/10/2013	454.778	10.800	5.000	350.000	350.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	UBND TP chỉ đạo tại vb số 1695/UBND-KHĐT ngày 02/5/2019; Chưa có trong kế
7	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cụm công trình đầu mối trạm bơm Bộ Đầu, huyện Thường Tín		1		DA: 5520/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	254.033	7.370	5.000	225.000	225.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	UBND TP chỉ đạo tại vb số 3009/UBND-KHĐT ngày 16/7/2019; Chưa có trong kế

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
8	Cải tạo sông cầu Bấy, huyện Gia Lâm		1		Ctrl: 08/NQ-HĐND ngày 08/7/2019	218.630			200.000	200.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố
9	Xây dựng trạm bơm thẳng từ xã Cẩm Đình lấy nước từ sông Hồng phục vụ sản xuất nông nghiệp xã Cẩm Đình; trạm bơm Phương Độ, xã Phương Độ; trạm bơm Thuận Trung, xã Tam Thuận; trạm bơm Đồng Tụ, xã Tích Giang			1	Ctrl: 1452/QĐ-UBND ngày 28/3/2019	29.035			25.000	25.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố
10	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T1B và hệ thống kênh tiêu Hát Môn, huyện Phúc Thọ (gồm: kênh tiêu Hát môn, B1, B2, B3)		1		Ctrl: 04/NQ-HĐND ngày 09/4/2019	116.371			100.000	100.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố
11	Cải tạo, nâng cấp các trạm bơm Gò Rẽ, xã Hạ Bằng; trạm bơm Đầu Bạch xã Cần Kiệm, trạm bơm Đồi Quây xã Tân Xã để đảm bảo tưới cho diện tích các xã: Hạ Bằng, Tân Xã, Đồng Trúc, Cần Kiệm, Bình Yên, huyện Thạch Thất khi thay thế chức năng tưới của hồ Tân Xã		1		Ctrl: 3726/QĐ-UBND ngày 11/7/2019	40.845			35.000	35.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố
12	Cải tạo, sửa chữa hồ chứa nước Văn Sơn, huyện Chương Mỹ			1	Ctrl: 4893/QĐ-UBND ngày 30/9/2015	78.483			70.000	70.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	UBND TP chỉ đạo tại vb số 2042/UBND-KT ngày 16/5/2019; Chưa có trong kế
13	Cải tạo, sửa chữa hồ chứa nước Mèo Gù, huyện Ba Vì			1	Ctrl: 4894/QĐ-UBND ngày 30/9/2015	46.752			40.000	40.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	Đảm bảo an toàn hồ chứa
14	Cải tạo, sửa chữa hồ chứa nước Suối Hai, huyện Ba Vì			1	Ctrl: 5501/QĐ-UBND	73.985			65.000	65.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông	Đảm bảo an toàn hồ chứa
15	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới Đức Môn, huyện Mỹ Đức			1	1417/UBND-KT ngày 09/4/2019	71.974			65.000	65.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
16	Cải tạo, nâng cấp, Trạm bơm tưới, tiêu An Sơn, huyện Chương Mỹ		1			320.000			280.000	280.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
17	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Phù Lưu Tế I, huyện Mỹ Đức			1		65.000			60.000	60.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
18	Cải tạo, nâng cấp, kiên cố hệ thống kênh I2-VĐ7, kênh I2-10-10 kết hợp làm đường giao thông huyện Ứng Hòa		1			250.000			220.000	220.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
19	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Nhân Lý, huyện Chương Mỹ			1	1417/UBND-KT ngày 09/4/2019	58.700			60.000	60.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
20	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Đầm Buộm, huyện Chương Mỹ			1	1417/UBND-KT ngày 09/4/2019	57.700			52.000	52.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
21	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Mỹ Thượng, huyện Chương Mỹ			1	1417/UBND-KT ngày 09/4/2019	26.300			22.000	22.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
22	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Mỹ Hạ, huyện Chương Mỹ			1	1417/UBND-KT ngày 09/4/2019	33.900			30.000	30.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
23	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu La Làng, huyện Mỹ Đức			1	1417/UBND-KT ngày 09/4/2019	49.401			45.000	45.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
24	Xây dựng hệ thống thoát nước mưa lưu vực tả sông Nhuệ (giai đoạn I)		1			950.000			900.000	900.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	
25	Xây dựng hệ thống thoát nước quận Hà Đông theo lưu vực sông Nhuệ	1				1.200.000			30.000	30.000		Ban QLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	
26	Cải tạo kênh tiêu Lim và trạm bơm Lim, huyện Thạch Thất		1		4742/UBND-KH&ĐT ngày 04/10/2018	147.405			125.000	125.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
27	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới, tiêu Nội Cói, huyện Phú Xuyên			1	3211/VP-KT ngày 12/4/2019	80.000			70.000	70.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
28	Cải tạo, nâng cấp, gia cố bờ kênh kết hợp giao thông kênh Yên Cốc		1			150.000			135.000	135.000	1	UBND huyện Thanh Oai	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
29	Nạo vét gia cố bờ sông Thiếp, huyện Đông Anh			1		60.000			54.000	54.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
30	Cải tạo, nâng cấp trục kênh chính (tươi, tiêu) Thạch Phú, huyện Mê Linh			1		350.000			250.000	250.000		UBND huyện Mê Linh	
31	Kiên cố hóa hệ thống kênh tưới hồ Mèo Gù kết hợp làm đường giao thông, huyện Ba Vì		1			200.000			180.000	180.000	1	UBND huyện Ba Vì	
32	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu vực Giang - Sông Tích để đảm bảo việc tiêu thoát nước cho Khu công nghệ cao Hòa Lạc và khu vực, huyện Thạch Thất			1		60.825			55.000	55.000	1	UBND huyện Thạch Thất	
33	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới, tiêu trạm bơm Đầm Mới, huyện Chương Mỹ			1	4902/UBND-KHĐT ngày 17/6/2011	60.000	300		55.000	55.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
34	Nạo vét, gia cố bờ kênh Cổ Đô - Vạn Thắng		1			120.000			110.000	110.000	1	UBND huyện Ba Vì	
35	Nạo vét, gia cố bờ kênh kết hợp làm đường giao thông nông thôn kênh tiêu N22, huyện Chương Mỹ			1	4890/UBND-KHĐT ngày 16/6/2011	80.000			72.000	72.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
36	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Sơn Đà, huyện Ba Vì		1			100.000			90.000	90.000	1	UBND huyện Ba Vì	
37	Kiên cố hóa tuyến thoát lũ hạ du xả tràn hồ chứa nước Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây			1		100.000			90.000	90.000	1	UBND Thị xã Sơn Tây	
38	Cải tạo nâng cấp trạm bơm Yên Duyệt 1, huyện Chương Mỹ			1		72.000			65.000	65.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
39	Kiên cố hóa kênh chính Đồng Mô kết hợp làm đường giao thông trên địa bàn huyện Thạch Thất		1			150.000			135.000	135.000		UBND huyện Thạch Thất	
40	Nâng cấp củng cố hóa hệ thống kênh tiêu Mai Đình - Tiên Dược - Đức Hòa, huyện Sóc Sơn		1			120.000			110.000	110.000		UBND huyện Sóc Sơn	
41	Nâng cấp củng cố hóa hệ thống kênh tiêu thị trấn Phù Linh (nghĩa trang thị trấn đi kênh Bền Tre)			1		70.000			63.000	63.000		UBND huyện Sóc Sơn	
42	Nâng cấp hệ thống trạm bơm tiêu Dương Hà, huyện Gia Lâm		1			180.000			165.000	165.000		UBND huyện Gia Lâm	
43	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm dã chiến Ấp Bắc, huyện Đông Anh		1			180.000			165.000	165.000		UBND huyện Đông Anh	
44	Cải tạo, nâng cấp hệ thống trạm bơm tưới, tiêu, Tân Hưng, huyện Sóc Sơn		1			200.000			180.000	180.000		UBND huyện Sóc Sơn	
45	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Thường Lê II, huyện Mê Linh		1			400.000			360.000	360.000		UBND huyện Mê Linh	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
46	Xây dựng mới trạm bơm Long Tầu, huyện Đông Anh		1			750.000			680.000	680.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
47	Cải tạo, nâng cấp trục kênh chính Thanh Phú, huyện Mê Linh		1			144.000			130.000	130.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
48	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu Tây Ninh-Ngôi Núc, huyện Thạch Thất		1		4742/UBND-KH&ĐT ngày 04/10/2018	159.650			145.000	145.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
49	Cải tạo, nạo vét kênh tiêu Phùng Xá - Dị Nậu, huyện Thạch Thất		1		4742/UBND-KH&ĐT ngày 04/10/2018	106.997			100.000	100.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
50	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Đồng Thông - Tây Ninh, huyện Thạch Thất			1	4742/UBND-KH&ĐT ngày 04/10/2018	41.997			40.000	40.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
51	Cải tạo, nâng cấp Trạm bơm Tân Xã, huyện Thạch Thất			1	4742/UBND-KH&ĐT ngày 04/10/2018	14.900			13.000	13.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
52	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Tăng Long, xã Việt Long, huyện Sóc Sơn		1			495.000			450.000	450.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
53	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Tam Bảo, huyện Mê Linh		1			400.000			360.000	360.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
54	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Cộng Hòa 1 và hệ thống kênh tiêu (kênh tiêu S8, kênh tiêu Đầm Bung 2), huyện Quốc Oai		1			180.000			160.000	160.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
55	Cải tạo nâng cấp trạm bơm sông Đào, huyện Chương Mỹ			1		31.000			28.000	28.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
56	Xây dựng Trạm bơm Bạch Trữ, xã Tiến Thắng, huyện Mê Linh			1		25.000			23.000	23.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
57	Xây dựng trạm bơm tưới Thụy Lôi, huyện Đông Anh		1			150.000			135.000	135.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
58	Cải tạo, nâng cấp hệ thống trạm bơm tiêu Thịnh Liên, huyện Gia Lâm		1			150.000			135.000	135.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
59	Xây dựng trạm bơm tiêu Kim Lũ và hệ thống kênh dẫn		1			150.000			135.000	135.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
60	Xây dựng trạm bơm tiêu Cầu Khoai xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây		1			72.000			65.000	65.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
61	Cải tạo nâng cấp hồ Láng Hầu xã Cổ Đông và hồ Sênh phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây			1		45.000			41.000	41.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
62	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu suối Cầu Trắng, huyện Sóc Sơn		1			80.000			72.000	72.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
63	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới chính trạm bơm Cẩm Hà 1, huyện Sóc Sơn		1			35.000			32.000	32.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
64	Nâng cấp hệ thống tiêu Đông Nam, huyện Sóc Sơn		1			110.000			99.000	99.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
65	Kiến cổ hoá kênh chính Thập Cửu (giai đoạn II), trạm bơm Hạ Dục, huyện Chương Mỹ		1			120.000			110.000	110.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
66	Cải tạo, nâng cấp tuyến tiêu thoát nước liên xã Hồng Hà, Thượng Mỗ, Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng			1		67.903			60.000	60.000		UBND huyện Đan Phượng	
67	Cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu hạ lưu đê bao Liên Trì, huyện Đan Phượng		1			138.201			125.000	125.000		UBND huyện Đan Phượng	
68	Kè bờ phải kênh tiêu nước T1-3 (dải đầm phía hạ lưu đê bao Liên Trì), huyện Đan Phượng		1			80.000			72.000	72.000		UBND huyện Đan Phượng	481/BC-UBND ngày 29/10/2019
69	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu An Phú, huyện Mỹ Đức			1		25.000			23.000	23.000		UBND huyện Mỹ Đức	
70	Kiến cổ hóa kênh tiêu T0 đoạn từ Quán Quá thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng			1		20.000			18.000	18.000		UBND huyện Đan Phượng	481/BC-UBND ngày 29/10/2019
71	Xây dựng mới trạm bơm tiêu Thượng Mỗ, huyện Đan Phượng			1		18.000			16.000	16.000		UBND huyện Đan Phượng	481/BC-UBND ngày 29/10/2019
72	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới trạm bơm Xuân Phú, huyện Phúc Thọ			1		30.000			27.000	27.000		UBND huyện Phúc Thọ	
73	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới N6, N7, huyện Phúc Thọ			1		20.000			18.000	18.000		UBND huyện Phúc Thọ	
74	Xây dựng mới trạm bơm tiêu Tân Hòa và cải tạo hệ thống kênh tiêu (kênh tiêu S6; kênh tưới N24A; kênh đồng gao đến S6), huyện Quốc Oai			1		30.000			27.000	27.000		UBND huyện Quốc Oai	
75	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu Mạnh Tân, huyện Đông Anh			1		150.000			135.000	135.000		UBND huyện Đông Anh	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
76	Cải tạo, nâng cấp kênh Tây thuộc hệ thống thủy nông Ấp Bắc - Nam Hồng, huyện Đông Anh			1		35.000			32.000	32.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
77	Cải tạo, nâng cấp trục kênh chính Tam Bảo, huyện Mê Linh			1		60.000			54.000	54.000		UBND huyện Mê Linh	
78	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu dẫn vào các trạm bơm: tiêu Trại Ro; tiêu Thông Đạt; tiêu Cán Hạ, huyện Quốc Oai			1		65.000			60.000	60.000		UBND huyện Quốc Oai	
79	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới Đồng Mô; kênh tưới N7C, huyện Quốc Oai		1			80.000			72.000	72.000		UBND huyện Quốc Oai	
80	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới T5 giai đoạn 2 (từ xã cát Quế đến sông Đáy), huyện Hoài Đức			1		42.000			38.000	38.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
81	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới T6 kết hợp làm đường giao thông toàn tuyến (Từ trạm bơm Đào Nguyên đến sông Đáy), huyện Hoài Đức		1			84.000			75.000	75.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
82	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T3a, T3b từ phía nam đường tỉnh lộ 423 đến hết xã La Phù, huyện Hoài Đức			1		55.000			50.000	50.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
83	Cải tạo, nâng cấp hệ thống cống và trạm bơm tiêu Phú Cường, huyện Mỹ Đức			1		15.000			140.000	140.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
84	Cải tạo, nâng cấp cống Quán Sếu và trạm bơm tiêu Hà III, huyện Mỹ Đức			1		12.000			11.000	11.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
85	Cải tạo, nâng cấp cống và kè kênh tiêu trạm bơm Cửa Khẩu, huyện Mỹ Đức			1		15.000			13.500	13.500		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
86	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Phú Hiền, huyện Mỹ Đức			1		15.000			13.500	13.500		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
87	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới Kim Bôi, huyện Mỹ Đức			1		15.000			13.500	13.500		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
88	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Hoàng Đông, huyện Phú Xuyên			1		80.000			72.000	72.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
89	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh và trạm bơm Nội Bài, xã Mai Đình, Sóc Sơn			1		80.000			72.000	72.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
90	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh và trạm bơm các trạm bơm Thá, Thanh Huệ, Thạch Lỗi 1, Thạch Lỗi 2, huyện Sóc Sơn			1		80.000			72.000	72.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
91	Nạo vét gia cố bờ kênh tiêu Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ			1		50.000			45.000	45.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
92	Nạo vét, gia cố bờ kênh tiêu Vĩnh Mộ, huyện Thường Tín			1		70.000			63.000	63.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
93	Nạo vét, gia cố bờ sông Tô Lịch, huyện Thường Tín		1			80.000			72.000	72.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
94	Cải tạo, nâng cấp cống lấy nước trạm bơm Trung Hà, huyện Ba Vì			1		30.000			27.000	27.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
95	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Hoàng Đông, huyện Phú Xuyên		1			80.000			72.000	72.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
96	Xây dựng trạm bơm tưới Ngọc Bài, huyện Quốc Oai		1			135.000			122.000	122.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
97	Cải tạo, nâng cấp đê sông Nhuệ trên địa bàn các xã: Khánh Hà, Hòa Bình, Hiền Giang, Tân Minh và Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín		1			92.500			83.000	83.000		UBND huyện Thường Tín	
98	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu T1-3 huyện Đan Phượng (đoạn từ thị trấn Phùng đến xã Tân Hội)		1			116.700			105.000	105.000		UBND huyện Đan Phượng	
99	Kiến cổ hóa hệ thống kênh tưới N12 kết hợp giao thông huyện Ba Vì		1			220.000			200.000	200.000		UBND huyện Ba Vì	
100	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới Tân Độ và hệ thống kênh tưới chính xã Xuy Xá, huyện Mỹ Đức		1			100.000			90.000	90.000		UBND huyện Mỹ Đức	
101	Dự án cải thiện thoát nước và quản lý nước thải tại quận Long Biên và huyện Gia Lâm, Hà Nội	1				7.660.000			100.000	100.000		Ban QLDA ĐTXD cấp thoát nước và môi trường TP	
102	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới Áng Thượng, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức		1			100.000			90.000	90.000		UBND huyện Mỹ Đức	
IX.4	Lĩnh vực công nghiệp		1			268.000			240.000	240.000	1		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
1	Đường trục phát triển kinh tế làng nghề khám trai (đường Phú Túc đi Hoàng Long), huyện Phú Xuyên		1			268.000			240.000	240.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
IX.5	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước	2	9	2		7.661.713			4.841.000	4.841.000	11		
1	Xây dựng trạm bơm Gia Thượng, hồ điều hòa và tuyến mương Thượng Thanh, quận Long Biên		1		4113/QĐ-UBND 31/7/2019	782.982			750.000	750.000	1	BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	
2	Dự án xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải Kiến Hưng, quận Hà Đông		1			740.000			720.000	720.000	1	BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	TB số 359/TB-UBND 22/4/2020 đồng ý sử dụng vốn đầu tư công
3	Hệ thống thu gom nước thải về nhà máy Yên Sở	1				2.600.000			30.000	30.000		BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	
4	Dự án xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy XLNT Sơn Tây, thị xã Sơn Tây		1			501.000			500.000	500.000	1	BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	TB số 359/TB-UBND 22/4/2020 đồng ý sử dụng vốn đầu tư công
5	Cải tạo, thoát nước khu vực ngã năm Đường Thành – Bát Đàn – Nhà Hỏa			1		33.000			30.000	30.000	1	BQLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	VB giao nhiệm vụ 4178/UBND-ĐT 10/5/2018
6	Xây dựng HTKT khu tái định cư trên địa bàn huyện Phú Xuyên để phục vụ GPMB dự án Đường gom Cầu Giẽ - Phú Yên - Vân Từ, huyện Phú Xuyên			1		13.084			11.000	11.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
7	Xây dựng Khu nhà ở cao tầng phục vụ nhu cầu tái định cư của các tuyến đường hạ tầng khung tại khu vực Bắc Đuống, huyện Gia Lâm		1			600.000			570.000	570.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
8	Di chuyển các hộ dân, tổ chức đang thuê nhà hoặc đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước ra khỏi khu vực phía Nam sân cỏ quảng trường Ba Đình thuộc Khu Trung tâm chính trị Ba Đình.		1		2717/QĐ-UBND 22/5/2019; 1540/QĐ-UBND 5/9/2019	187.000			180.000	180.000	1	UBND quận Ba Đình	
9	Bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư các khu đất để di chuyển Trung đoàn 165 thực hiện dự án Mở rộng Khu LHXLC tập trung Sóc Sơn tại huyện Sóc Sơn	1			230/TB-UBND ngày 02/8/2018	670.000			660.000	660.000	1	Bộ tư lệnh Quân đoàn 1 Bộ Quốc phòng	
10	Đầu tư hạ tầng đồng bộ làng nghề gốm sứ Bát Tràng huyện Gia Lâm		1		382/HĐND-KTNS ngày 11/7/2018	393.473			380.000	380.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
11	Giải phóng mặt bằng và xây dựng hàng rào bảo vệ khu đất 3A1, 3A2 phường Mỹ Đình 1, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, để bàn giao cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		1		25/NQ-HĐND ngày 04/12/2019	967.484			850.000	850.000	1	UBND quận Nam Từ Liêm	
12	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính quận Hà Đông		1		641/QĐ-UBND ngày 02/02/2017	75.000			65.000	65.000		UBND quận Hà Đông	
13	Đầu tư hạ tầng đồng bộ cho làng nghề dệt lụa Vạn Phúc		1			98.690			95.000	95.000	1	UBND quận Hà Đông	
XI.6	Lĩnh vực HTKT tái định cư		4			1.311.115			1.205.000	1.205.000	4		
1	Dự án đầu tư xây dựng khu TĐC trên địa bàn Khu Đồng Châm, Đồng Vai, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ (Phục vụ GPMB tuyến đường Quốc lộ 6, đoạn Ba La - Xuân Mai)		1		04/NQ-HĐND 9/4/2019	717.400			650.000	650.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Tây Nam Kim Giang I phục vụ xây dựng quỹ nhà tái định cư		1			309.121			285.000	285.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT DD và CN Thành phố	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố
3	Di chuyển các hộ dân, tổ chức đang thuê nhà hoặc đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước ra khỏi khu vực phía Nam sân cỏ quảng trường Ba Đình thuộc Khu Trung tâm		1		2717/QĐ-UBND 22/5/2019; 1540/QĐ-UBND 5/9/2019	187.000			180.000	180.000	1	UBND quận Ba Đình	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó: Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)	Tổng số	Trong đó: Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất phục vụ giao đất ở cho 98 hộ dân xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội		1		6324/QĐ-UBND 17/11/2016	97.594			90.000	90.000	1	Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố
IX.7	Lĩnh vực thương mại		3			1.700.000			1.450.000	1.450.000	3		
1	Chợ đầu mối NSTH cấp vùng		1			500.000			450.000	450.000	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Chợ đầu mối NSTH cấp vùng		1			500.000			450.000	450.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
3	Chợ đầu mối NSTH cấp vùng		1			700.000			550.000	550.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
IX.8	Lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn												
IX.9	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			1		13.909			12.500	12.500	1		
1	Xây dựng trạm thú y huyện Quốc Oai			1	3731/QĐ-UBND 32/5/2017	13.909			12.500	12.500	1	UBND huyện Quốc Oai	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố
XI	CÁC LĨNH VỰC KHÁC		3	11		108.325	296.500		373.000	373.000	14		
XI.1	Lĩnh vực tòa án		3	1		85.361	108.000		178.000	178.000	4		
1	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm			1	694/HĐND-KTNS 25/12/2017 (CTĐT)	35.269			30.000	30.000	1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	
2	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm		1		693/HĐND-KTNS	50.092			45.000	45.000	1	BQLDA ĐTXDCT dân dụng và công nghiệp	
3	Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai		1		DT sản 3000m2		48.000		46.000	46.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
4	Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ		1		DT sàn 4000m2		60.000		57.000	57.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công	
XI.2	Lĩnh vực kiểm sát			10		22964	188.500		195.000	195.000	10		
1	Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm			1	DT sàn 2000m2		22.000		21.000	21.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	
2	Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên			1			20.000		19.000	19.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	
3	Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ			1			20.000		19.000	19.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	
4	Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên			1			15.000		14.000	14.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	
5	Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình			1			13.500		11.000	11.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	
6	Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm			1			28.000		27.000	27.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	
7	Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa			1			15.000		13.000	13.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	
8	Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì			1			27.000		26.000	26.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	
9	Đầu tư xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội			1	943/QĐ-UBND 28/3/2018	22.964			18.000	18.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	

0

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
10	Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa			1			28.000		27.000	27.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công	
XI.3	Lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội												
XI.4	Lĩnh vực khác												

16	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 424 (tỉnh lộ 76 cũ) từ chợ bến - Hòa Bình đến khu du lịch Quan Sơn, huyện Mỹ Đức và cầu đập tràn tại Km4+00 tỉnh lộ 424.		1		6065/QĐ-UBND 31/10/2019	87.227	19.000	19.000	60.000	60.000		UBND huyện Mỹ Đức	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐTD Thành phố
93	Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây đoạn từ nút giao viện 105 đến nút giao quốc lộ 32 (Km0+00 đến Km4+98) thị xã Sơn Tây		1			1.000.000			900.000	900.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
139	Công trình trọng điểm 2016-2020: Mở rộng đường Vành đai 3: đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long	1			103/QĐ-BGTVT 14/01/2010; 3099/QĐ-UBND	3.113.000	2.658.526	10.000	2.809.000	2.809.000			
	Phần XI. + chi khác do Ban Giao thông làm CĐT						65.749	10.000	749.730	749.730		BQLDA ĐTXDCT giao thông	
	Phần GPMB do UBND quận Cầu Giấy làm CĐT						3.104		193.216	193.216		UBND quận Cầu Giấy	
	Phần GPMB do UBND quận Bắc Từ Liêm làm CĐT						82.860		1.866.860	1.866.860		UBND quận Bắc Từ Liêm	
83	Xây dựng tuyến đường vào Khu công nghiệp Nam Thăng Long (nối từ đường Hoàng Quốc Việt kéo dài)		1		589/QĐ-UBND 04/02/2015	206.092	65.000		120.000	120.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	Hoàn trả NS quận đã ứng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
5	Cầu Giang Biên và đường nối hai đầu cầu (nối cầu Vĩnh Tuy. Vành đai 2 đến tiếp giáp Ninh Hiệp, Bắc Ninh)	1				8.000.000			6.000.000	6.000.000		BQLDA ĐTXD Công trình giao thông	
	Cầu Đường 2 và đường nối đến địa phận tỉnh Bắc Ninh	1				6.000.000			5.000.000	5.000.000		BQLDA ĐTXD Công trình giao thông	
2	Mở rộng và Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì đạt tiêu chuẩn Bệnh viện hạng II		1		5084/QĐ-UBND 31/10/2011; 5988/QĐ-UBND 25/8/2017; 5733/QĐ-UBND 15/10/2017	640.468	380.668	50.000	175.000	175.000		BQLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
55	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu T0-5-2, huyện Đan Phượng			1	1292/UBND-KHĐT ngày 29/3/2019	11.753			10.000			UBND huyện Đan Phượng	Vốn NS huyện
48	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu T1-3-1A (đoạn từ cuối thôn Phan Long, xã Tân Hội đến kênh T1-3)			1	1292/UBND-KHĐT ngày 29/3/2019	14.802			13.000			Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Vốn NS huyện
49	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu T1-3-2 (đoạn từ khu đô thị Tân Tây Đô đến trạm bơm Chùa Đậu)			1	1292/UBND-KHĐT ngày 29/3/2019	21.603			20.000			Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Vốn NS huyện
551	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN Trường An, huyện Hoài Đức			1	7424/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	11.896			10.700	10.700		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
552	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN La Phù, huyện Hòa Đức			1	7431/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	14.982			13.500	13.500		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
553	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN Lai Xá (xã Kim Chung), huyện Hoài Đức			1	7428/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	10.152			9.100	9.100		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
554	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN Lại Yên, huyện Hoài Đức			1	7423/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	6.884			6.200	6.200		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
555	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN Biên Giang, quận Hà Đông			1	7422/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	6.503			5.900	5.900		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
556	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN Tân Hội, huyện Đan Phượng			1	7421/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	5.894			5.300	5.300		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lấy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bằng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
557	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN Canh Nậu, huyện Thạch Thất			1	7430/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	13.714			12.300	12.300		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
558	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN Kim Quan, huyện Thạch Thất			1	7429/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	6.440			5.800	5.800		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
559	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN Bình Phú 1, huyện Thạch Thất			1	7427/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	6.137			5.500	5.500		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
560	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN Bích Hòa, huyện Thanh Oai			1	7426/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	5.929			5.300	5.300		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
561	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN Vạn Điểm, huyện Thường Tín			1	7425/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	11.159			10.000	10.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
13	Kè bờ hữu sông Đáy xã Vạn Kim, huyện Mỹ Đức			1		35.000			30.000	30.000		UBND huyện Mỹ Đức	
27	Cải tạo, nâng cấp đê Mỹ Hà, huyện Mỹ Đức		1			300.000			270.000	270.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
28	Cải tạo, nâng cấp đê tả Tịch kết hợp giao thông huyện Thạch Thất (đoạn từ K6+00 đến K8+00, đoạn từ K9+00 đến K16+00, đoạn từ K19+00 đến K21+420)		1			300.000			270.000	270.000		UBND huyện Thạch Thất	
29	Nâng cấp đê tả Tịch đoạn từ K22+400 đến K32+020 trên địa bàn huyện Quốc Oai		1			200.000			180.000	180.000		UBND huyện Quốc Oai	
31	Nâng cấp tuyến đê hữu Tịch, huyện Quốc Oai		1			135.000			120.000	120.000		Huyện Quốc Oai	
32	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đê bồi sông Tịch thuộc các xã Tịch Giang và Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ			1		60.000			55.000	55.000		UBND huyện Phúc Thọ	
32	Xây dựng mới tuyến đê tả Đáy từ Yên Nghĩa đến cầu Mai Lĩnh		1			500.000			450.000	450.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
5	Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức		1		DT sàn 3000m2		48.000		46.000	46.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công	
6	Tòa án nhân dân huyện Ba Vì			1	DT sàn 3000m2		30.000		29.000	29.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Chủ trương đầu tư/dự án đầu tư được duyệt		Lũy kế giải ngân đến hết kế hoạch 2020		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Công trình HT2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	số, ngày tháng	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Trong đó:			
								Ước thực hiện 2020 (bảng KH 2020 dự kiến)		Ngân sách Thành phố			
1	2	3	4	5	9	10	11	13	14	15	21	22	23
9	Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Sơn Tây			1	DT sàn 1800m2		28.000		27.000	27.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	
10	Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng			1	DT sàn 1500m2		25.000		24.000	24.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	
11	Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất			1	DT sàn 1500m2		25.000		24.000	24.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	
12	Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai			1	DT sàn 1500m2		25.000		24.000	24.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	
13	Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức			1	DT sàn 1500m2		25.000		24.000	24.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	
14	Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai			1	DT sàn 1500m2		25.000		24.000	24.000	1	Ban quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP	
15	Xây dựng hệ thống chiếu sáng đường tỉnh 428,429 và trên đê sông Hồng, huyện Phú Xuyên			1	6017/QĐ-UBND 31/10/2019	38.361	30.000	30.000	5.000	5.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	Chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020

PHỤ LỤC 1.4
TỔNG NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM 2021-2025 CẤP THÀNH PHỐ NGUỒN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG CHO CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP
TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Tờ trình số /Tr-UBND ngày /11/2020 của UBND Thành phố)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Quyết định đầu tư		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2020			Kế hoạch vốn năm 2020 và tình hình giải ngân			Nhu cầu vốn đầu tư cần tiếp tục bố trí để hoàn thành dự án giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021	CTHT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Đến hết 2015	Năm 2016-2019	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân đến 30/10/2020	Ước giải ngân KH 2020					
1	2	3	4	5	9	10	14 =15+16	15	16	19	22	20	24= (10-1)*95% - (14+18+20)	21	22	23	24
	TỔNG SỐ	15	131	22		144.696.777	32.877.548	7.646.409	25.268.755	13.620.989	9.235.404	11.931.920	76.610.100	17.744.382	75		
I	Lĩnh vực quốc phòng		2			612.076				119.000		119.000	460.000	120.000			
1	Hầm Sở chỉ huy A2 của Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (mặt danh STD 02)		1		3338/QĐ-BQP 7/8/2019 (ĐT)	450.000				118.000		118.000	370.000	50.000		Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	
2	Mua sắm phương tiện trang bị, công cụ hỗ trợ phòng, chống khủng bố và làm nhiệm vụ A2		1		2759/QĐ-BQP ngày 05/9/2020	162.076				1.000		1.000	90.000	70.000		Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội	
II	Lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội		2			619.930	175.000		175.000	190.000	132.140	190.000	186.000	126.000	1		
1	Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị PC&CC, cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố Hà Nội		1		5968/QĐ-UBND 31/10/2018	446.773	100.000		100.000	145.000	114.550	145.000	160.000	100.000		Ban QLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
2	Xây dựng lại nhà B công an thành phố Hà Nội		1		5209/QĐ-UBND 28/9/2018	173.157	75.000		75.000	45.000	17.590	45.000	26.000	26.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	Đang điều chỉnh thời gian thực hiện
III	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề		12	1		1.414.837	127.489	56.053	71.436	417.765	269.669	413.115	784.155	304.050	9		
1	Xây dựng, mở rộng trường THPT Kim Anh, huyện Sóc Sơn		1		6117/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	44.900	300		300	23.000	18.343	23.000	15.000	15.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	Đang điều chỉnh thời gian thực hiện
2	Xây dựng, cải tạo trường THPT Trương Định, quận Hoàng Mai		1		3836/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	63.999	3.702		3.702	30.000	29.124	30.000	7.000	7.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố	
3	Xây dựng cải tạo trường THPT Yên Lãng, huyện Mê Linh			1	6118/QĐ-UBND 31/10/2019	42.475	239		239	13.000	1.373	13.000	23.000	23.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố	
4	Dự án thành phần 4 - Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội thuộc dự án Tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng vốn vay ODA của chính phủ Nhật Bản		1		1432/QĐ-TTg 21/9/2017 (CTĐT); 1542/QĐ-LĐTBXH 06/11/2018; 5545/QĐ-UBND ngày 7/10/2019	309.108				53.767	53.767	53.767	275.049	62.806		Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Quyết định đầu tư	Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2020				Kế hoạch vốn năm 2020 và tình hình giải ngân			Nhu cầu vốn đầu tư cần tiếp tục bố trí để hoàn thành dự án giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021	CTHT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C		Tổng mức đầu tư	Tổng số	Đến hết 2015	Năm 2016-2019	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân đến 30/10/2020	Ước giải ngân KH 2020	Tổng số				
1	2	3	4	5	9	10	14 = 15 + 16	15	16	19	22	20	24 = (10-11)*95% - (14+18+20)	21	22	23	24
	Vốn ODA cấp phát					237.933				35.690	35.690	35.690	237.933	35.690			
	Vốn ODA vay lại					26.437				18.077	18.077	18.077		0			
	Vốn trong nước					44.738							37.116	27.116			
5	Dự án thành phần 5 - Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội thuộc dự án Tăng cường lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng vốn vay ODA của chính phủ Nhật Bản		1		1432/QĐ-TTg 21/9/2017 (CTĐT); 1542/QĐ-LĐTBXH 06/11/2018; 5544/QĐ-UBND ngày 7/10/2019	289.752				49.998	49.998	49.998	258.106	58.244		Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội	
	Vốn ODA cấp phát					223.336				33.505	33.505	33.505	223.366	33.504			
	Vốn ODA vay lại					24.818				16.493	16.493	16.493		0			
	Vốn trong nước					41.598							34.740	24.740			
6	Xây dựng trường THPT Thọ Xuân, huyện Đan Phượng		1		6053/QĐ-UBND 30/10/2019	111.970				20.000	15.493	20.000	78.000	30.000		UBND huyện Đan Phượng	
7	Xây dựng, cải tạo trường Trung học phổ thông Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ		1		6130/QĐ-UBND 31/10/2019	62.860				20.000	1.375	20.000	35.000	15.000		UBND huyện Phúc Thọ	
8	Cải tạo, nâng cấp trường trung học phổ thông Tiến Thịnh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội		1		6109/QĐ-UBND 31/10/2019	44.939				30.000	18.492	30.000	8.000	8.000	1	UBND huyện Mê Linh	
9	Cải tạo, nâng cấp trường trung học phổ thông Mê Linh, huyện Mê Linh		1		6110/QĐ-UBND 31/10/2019	89.050	817		817	40.000	38.771	40.000	34.000	34.000	1	UBND huyện Mê Linh	
10	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Đông Anh, huyện Đông Anh		1		6013/QĐ-UBND 29/10/2019	51.597	1.179	500	679	26.000	15.929	26.000	17.000	17.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố	
11	Đầu tư nghề trọng điểm công nghệ ở tổ cấp độ quốc tế tại trường cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội		1		1027/QĐ-UBND ngày 11/3/2020	64.388				34.000	26.933	34.000	20.000	20.000	1	Trường cao đẳng nghề công nghệ Hà Nội	Ngân sách TP: 54,6 tỷ đồng, phần còn lại ngân sách đơn vị
12	Xây dựng Trường THPT Thường Tín, huyện Thường Tín ở vị trí mới		1		5976/QĐ-UBND 31/10/2018	106.900	58.716		58.716	23.000		18.350	10.000	10.000	1	UBND huyện Thường Tín	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2020			Kế hoạch vốn năm 2020 và tình hình giải ngân			Nhu cầu vốn đầu tư cần tiếp tục bố trí để hoàn thành dự án giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021	CTHT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Đến hết 2015	Năm 2016-2019	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân đến 30/10/2020	Ước giải ngân KH 2020	Tổng số				
1	2	3	4	5	9	10	14 = 15+16	15	16	19	22	20	24 = (10-11)*95% - (14+18+20)	21	22	23	24
13	Xây dựng, cải tạo Trường cán bộ Đội Lê Duẩn giai đoạn 2		1		7307/QĐ-UBND ngày 30/12/2015; 1997/QĐ-UBND ngày 13/5/2020	132.899	62.536	55.553	6.983	55.000	71	55.000	4.000	4.000	1	Trường Đội Lê Duẩn	Chủ đầu tư đang thực hiện thủ tục điều chỉnh Dự án
IV	Lĩnh vực khoa học, công nghệ																
V	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình		5			2.881.544	572.605	97.434	475.171	350.000	142.550	350.000	1.181.000	296.000	1		
1	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín		1		5060/QĐ-UBND 28/10/2011; 6745/QĐ-UBND ngày 22/11/2019	684.486	5.866	3.576	2.290	109.000	8.357	109.000	445.000	50.000		Ban QLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội		1		4908/QĐ-UBND 30/9/2015	784.433	17.137	10.041	7.096	1.000	987	1.000	290.000	50.000		Ban QLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	Chủ đầu tư đang thực hiện thủ tục điều chỉnh Dự án
3	Cải tạo Bệnh viện đa khoa Hà Đông		1		6023/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	303.165	5.438	3.575	1.863	60.000	31.581	60.000	200.000	80.000		Ban QLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
4	Mở rộng và Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì đạt tiêu chuẩn Bệnh viện hạng II		1		5084/QĐ-UBND 31/10/2011; 5988/QĐ-UBND 25/8/2017	640.468	384.164	80.242	303.922	90.000	35.568	90.000	66.000	66.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
5	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Sơn Tây		1		6024/QĐ-UBND 31/10/2018	468.992	160.000		160.000	90.000	66.057	90.000	180.000	50.000		Ban QLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
VI	Lĩnh vực văn hóa thông tin (du lịch)	2	1			2.375.048	309.438	286.545	22.893	33.000	6.119	33.000	1.280.000	220.000			
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Chính trang mặt bằng do Bộ Quốc phòng và hai hộ gia đình lấn thành cách mạng bàn giao (khu Hoàng Thành)	1			5079/QĐ-UBND 02/10/2014; 6069/QĐ-UBND 31/10/2019	226.599	13.747	3.252	10.495	21.000	715	21.000	50.000	20.000		Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Quyết định đầu tư	Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2020				Kế hoạch vốn năm 2020 và tình hình giải ngân			Nhu cầu vốn đầu tư cần tiếp tục bố trí để hoàn thành dự án giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021	CTHT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C		Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Đến hết 2015	Năm 2016-2019	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân đến 30/10/2020	Ước giải ngân KH 2020	Tổng số			
1	2	3	4	5	9	10	14 = 15 + 16	15	16	19	22	20	24 = (10-11)*95% - (14+18+20)	21	22	23	24
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Bảo tàng Hà Nội (Nội dung trưng bày)		1		5099/QĐ-UBND 07/11/2012; 1207/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	771.984	285.184	278.709	6.475	2.000	535	2.000	300.000	100.000		Bảo tàng Hà Nội	
3	Công trình trọng điểm 2016 - 2020: Cung Thiếu nhi Hà Nội	1			4493/QĐ-UBND ngày 29/8/2014; 4608/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	1.376.465	10.507	4.584	5.923	10.000	4.869	10.000	930.000	100.000		Ban QLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
VII	Lĩnh vực phát thanh, truyền hình, thông tin		1			98.554				44.000	44.000	44.000	20.000	20.000	1		
1	Chuyển đổi công nghệ phát thanh Đài Phát thanh và truyền hình Hà Nội giai đoạn 2016-2020		1		2606/QĐ-UBND ngày 17/5/2019	98.554				44.000		44.000	20.000	20.000	1	Đài PT - TH Hà Nội	Đang điều chỉnh Dự án, phần vốn còn lại của Đài truyền hình
VIII	Lĩnh vực thể dục, thể thao		4	3		372.709				127.000		127.000	213.000	213.000	7		
1	Cải tạo, nâng cấp công trình Sân Diên kinh và hạ tầng kỹ thuật khuôn viên trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT Hà Nội phục vụ Sea Games 31 và Para Games 11 năm 2021.		1		2990/QĐ-UBND ngày 06/7/2020	101.589				35.000		35.000	55.000	55.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
2	Cải tạo, nâng cấp công trình Bể bơi, bể nhảy cầu phục vụ Sea Games 31 và Para Games 11 năm 2021		1		3123/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	70.000				25.000		25.000	41.000	41.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
3	Cải tạo, nâng cấp công trình Nhà tập Judo, Judo, Đá cầu phục vụ Sea Games 31 năm 2021.			1	3127/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	39.000				13.000		13.000	24.000	24.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
4	Cải tạo, nâng cấp công trình Cung Diên kinh phục vụ Sea Games 31 và Para Games 11 năm 2021.		1		3476/QĐ-UBND ngày 07/8/2020	61.000				20.000		20.000	36.000	36.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Quyết định đầu tư	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2020				Kế hoạch vốn năm 2020 và tình hình giải ngân			Nhu cầu vốn đầu tư cần tiếp tục bố trí để hoàn thành dự án giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021	CTHT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C		Tổng mức đầu tư	Tổng số	Đến hết 2015	Năm 2016-2019	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân đến 30/10/2020	Ước giải ngân KH 2020	Tổng số				
1	2	3	4	5	9	10	14=15+16	15	16	19	22	20	24= (10-11)*95% - (14+18+20)	21	22	23	24
5	Cải tạo, nâng cấp công trình Khu nhà tập luyện và thi đấu Bidsat phục vụ Sea Games 31 năm 2021			1	3121/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	36.000				12.000		12.000	20.000	20.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
6	Cải tạo, nâng cấp công trình Nhà văn hóa phục vụ SeaGames 31 Paragames 11 năm 2021			1	3475/QĐ-UBND ngày 07/8/2020	28.620				10.000		10.000	16.000	16.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
7	Cải tạo, nâng cấp công trình Sân vận động Hà Đông phục vụ Sea Games 31 năm 2021.		1		3122/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	36.500				12.000		12.000	21.000	21.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT văn hóa - xã hội	
IX	Lĩnh vực môi trường	2	3	1		19.571.452	2.693.508	1.079.774	1.613.734	1.175.000	648.039	675.000	7.365.584	2.425.000	2		
1	Công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020: Dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Yên Xá Thành phố Hà Nội	1			7051/QĐ-UBND 26/11/2013	16.293.444	1.424.514	179.833	1.244.681	1.050.000	550.000	550.000	6.460.584	2.200.000		Ban QLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	
	- Vốn ODA					13.709.042	1.071.769	47.571	1.024.198	1.000.000	500.000	500.000	4.460.584	2.000.000			
	- Vốn ODA vay lại												0				
	- Vốn đối ứng					2.584.402	352.745	132.262	220.483	50.000	50.000	50.000	2.000.000	200.000			
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Khu LHXLC T Sóc Sơn giai đoạn II tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội		1		4910/QĐ-UBND 24/10/2011; 5633/QĐ-UBND 10/10/2016; 3472/QĐ-UBND 28/6/2019; 957/QĐ-UBND 04/3/2020	1.487.018	875.087	734.441	140.646	60.000	60.000	60.000	410.000	100.000		Ban QLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	
3	Nạo vét bùn Hồ Tây		1		6022/QĐ-UBND 31/10/2018	336.039	3.300		3.300	35.000	35.000	35.000	180.000			Ban QLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	Chỉ đạo tạm dừng dự án
4	Xây dựng tuyến đường vào kết nối khu xử lý rác thải tập trung của Thành phố tại thôn Đồng Ké, xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ.			1	3742/QĐ-UBND 05/8/2015; 2051/QĐ-SGTVT 01/10/2015	26.865	183		183				20.000	20.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	Đang điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án
5	Xây dựng tổng thể hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai của thành phố Hà Nội	1			6364/QĐ-UBND 27/11/2014; 2122/QĐ-UBND ngày 26/5/2020	1.402.434	390.424	165.500	224.924	30.000	3.039	30.000	290.000	100.000		Sở Tài nguyên và Môi trường	
6	Dự án đầu tư trạm quan trắc môi trường tự động tại khu LHXLC chất thải Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây		1		6007/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 1465/QĐ-UBND ngày 13/4/2020	25.652							5.000	5.000	1	Ban QLDA ĐTXDCT cấp nước, thoát nước và môi trường	Đang điều chỉnh thời gian thực hiện
X	Lĩnh vực các hoạt động kinh tế	11	101	17		116.750.627	28.999.508	6.126.603	22.910.521	11.165.224	7.992.887	9.980.805	65.120.361	11.947.270	57		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Quyết định đầu tư		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2020			Kế hoạch vốn năm 2020 và tình hình giải ngân			Nhu cầu vốn đầu tư cần tiếp tục bố trí để hoàn thành dự án giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021	CTHT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	Số, ngày QB	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Đến hết 2015	Năm 2016-2019	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân đến 30/10/2020	Ước giải ngân KH 2020					
1	2	3	4	5	9	10	14 =15+16	15	16	19	22	20	24= (10-11)*95%-(14+18+20)	21	22	23	24
X.1	Lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi	3	10	4		10.858.231	6.020.263	2.369.457	3.688.048	932.231	938.744	932.231	1.129.000	764.000	13		
X.1.1	Lĩnh vực đê điều		2	2		451.817	190.671	40.042	190.671	118.000	66.594	118.000	88.000	88.000	4		
1	Nâng cấp toàn bộ mặt đê sông Nhuệ trên địa bàn huyện Phú Xuyên (gồm các đoạn: Bờ tả đoạn từ cầu Đồng Quan đến cầu Tân Dân, bờ hữu từ cầu Tân Dân đến cầu Cổng Thần và hai bờ sông Nhuệ từ cầu Cổng Thần đến cầu Thống Nhất và chống sạt lở bờ sông Văn Đình, xã Hồng Minh)		1		3294/QĐ-UBND 19/6/2019	118.320	2.320		2.320	80.000	66.594	80.000	17.000	17.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
	Xây dựng đường hành lang chân đê tuyến đê hữu Dã, hữu Hồng, huyện Ba Vì		1		5076/QĐ-UBND ngày 31/10/2011; 2983/QĐ-UBND ngày 10/6/2016; 5492/QĐ-UBND ngày 12/10/2018	231.417	188.351	40.042	188.351				20.000	20.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
	* Dự án xử lý cấp bách													0			
2	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở bờ hữu sông Đáy từ khu vực dân cư xóm 8, xóm 9 đến tiếp giáp kè Hòa Chính và bờ tả sông Bùi xã Hòa Chính huyện Chương Mỹ			1	1633/QĐ-SNN ngày 03/9/2020	52.143				20.000		20.000	25.000	25.000	1	Sở Nông Nghiệp & PTNT	
3	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Đáy đoạn qua thôn Cáp Tiến và Xóm 6-8, xã Văn Võ, huyện Chương Mỹ			1	1632/QĐ-SNN ngày 03/9/2020	49.937				18.000		18.000	26.000	26.000	1	Sở Nông Nghiệp & PTNT	
X.1.2	Lĩnh vực thủy lợi	3	8	2		10.406.414	5.829.592	2.329.415	3.497.377	814.231	872.150	814.231	1.041.000	676.000	9		
1	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Diêm, kiên cố hóa bờ kênh trục chính Thanh Diêm kết hợp làm đường giao thông		1		6527/QĐ-UBND 30/10/2013; 5587/QĐ-UBND ngày 18/10/2018; 2255/QĐ-UBND ngày 02/6/2020	168.982	91.112	1.700	88.512	13.000	2.765	13.000	22.000	22.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
2	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Sân (phần kênh và công trình trên kênh), huyện Thạch Thất		1		5956/QĐ-UBND 30/10/2018	173.281	98.223	4.796	91.527				30.000			UBND huyện Thạch Thất	
3	Công trình trọng điểm 2016-2020: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa)	1			1834/QĐ-UBND 23/02/2013; 743/QĐ-UBND	4.722.852	2.116.037	296.346	1.819.691	570.000	570.000	570.000	380.000	200.000		Sở Nông Nghiệp & PTNT	Đang làm thủ tục điều chỉnh Dự án

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Quyết định đầu tư	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2020				Kế hoạch vốn năm 2020 và tình hình giải ngân			Nhu cầu vốn đầu tư cần tiếp tục bố trí để hoàn thành dự án giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021	CTHT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C		Tổng mức đầu tư	Tổng số	Đến hết 2015	Năm 2016-2019	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân đến 30/10/2020	Ước giải ngân KH 2020					
1	2	3	4	5	9	10	14 =15+16	15	16	19	22	20	24= (10-11)*95% - (14+18+20)	21	22	23	24
4	Kiên cố kênh tiêu chỉnh Thập Cửu trạm bơm Hạ Dục, huyện Chương Mỹ		1		3315/QĐ-UBND 13/7/2011; 6618/QĐ-UBND 31/10/2013;	130.145	91.777	2.921	88.856	17.000	5.330	17.000	7.000	7.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Đang làm thủ tục điều chỉnh Dự án
5	Nâng cấp hệ thống tiêu Bình Phú, huyện Thạch Thất		1		109/QĐ-UBND 11/01/2010; 4397/QĐ-UBND 08/9/2010, 3293/QĐ-UBND ngày 19/6/2019; 3293/QĐ-UBND ngày 19/6/2019	161.715	90.731	60.731	30.000	30.000	30.000	30.000	29.000	29.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Đang làm thủ tục điều chỉnh Dự án
6	Nạo vét, củng cố bờ kênh Tân Phương kết hợp giao thông huyện Ứng Hoà		1		5370/QĐ-UBND 29/10/2010; 599/QĐ-UBND 01/02/2018	166.126	107.875	63.500	44.375				29.000	29.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	Chủ đầu tư đang thực hiện nội dung điều chỉnh Dự án
7	Nâng cấp, cải tạo trạm bơm tiêu Đại Áng, huyện Thanh Trì (giai đoạn 1)			1	6050/QĐ-UBND 30/10/2019	43.698	133	133		14.000	1.370	14.000	25.000	25.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
8	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới tiêu An Mỹ I, Mỹ Đức		1		3313/QĐ-UBND 20/6/2019	74.260	2.200		2.200	32.000	31.727	32.000	25.000	25.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
9	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Đông Sơn, huyện Chương Mỹ		1		6055/QĐ-UBND 31/10/2019	144.675	500	500		43.000	1.785	43.000	80.000	30.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
10	Xây dựng trạm bơm tiêu Yên Sơn, huyện Quốc Oai		1		6129/QĐ-UBND 31/10/2019	246.942	500	500		70.000	3.942	70.000	150.000	45.000		Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	
11	Cải tạo thoát nước sông Pheo, huyện Từ Liêm			1	2913/QĐ-UBND 27/6/2012; 3460/QĐ-UBND 06/6/2017; 4993/QĐ-UBND ngày 06/11/2020	69.990	48.957	23.252	25.705				4.000	4.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Quyết định đầu tư	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2020				Kế hoạch vốn năm 2020 và tình hình giải ngân			Nhu cầu vốn đầu tư cần tiếp tục bố trí để hoàn thành dự án giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021	CTHT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C		Tổng mức đầu tư	Tổng số	Đến hết 2015	Năm 2016-2019	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân đến 30/10/2020	Ước giải ngân KH 2020	Tổng số				
1	2	3	4	5	9	10	14 = 15 + 16	15	16	19	22	20	24 = (10-11)*95% - (14+18+20)	21	22	23	24
12	Công trình trọng điểm 2016-2020: Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì	1			4927/QĐ-UBND 06/10/2010; 1054/QĐ-UBND 04/3/2016; 1801/QĐ-SNN 18/10/2017	4.253.765	3.164.185	1.875.036	1.289.149	25.231	225.231	25.231	250.000	250.000	1	Sở Nông Nghiệp & PTNT	Chủ đầu tư đang điều chỉnh thời gian thực hiện
	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T1 đoạn qua thị xã Sơn Tây	1			5998/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	49.983	17.362		17.362				10.000	10.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	Chủ đầu tư đang điều chỉnh thời gian thực hiện
X.1.3	Lĩnh vực nông nghiệp																
X.1.4	Lĩnh vực xây dựng nông thôn mới																
X.2	Lĩnh vực công nghiệp																
X.3	Lĩnh vực giao thông	8	78	11		101.349.915	22.722.178	3.757.146	18.965.406	9.582.993	6.585.417	8.420.574	61.436.361	10.441.270	38		
*	Các đường Vành đai		7			2.978.768	1.477.089	272.952	1.204.137	132.500	39.608	132.830	533.000	140.000	3		
1	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi (Km185 - 189)		1		3553/QĐ-UBND 19/7/2010; 6010/QĐ-UBND	887.735	474.650	118.267	356.383	1.500	1.830	1.830	250.000	30.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	Giải ngân vốn tính hoạt GPMB
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến phố Thanh Vỹ (tính lộ 414 đoạn qua nội thị, dài 3 Km), thị xã Sơn Tây		1		5253/QĐ-UBND 22/10/2010; 2996/QĐ-UBND 06/6/2019	330.559	258.612	76.388	182.224	18.000	14.236	18.000	10.000	10.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	Chủ đầu tư đang điều chỉnh thời gian thực hiện
3	Mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km189 đến Km194 qua địa bàn huyện Thường Tín		1		1503/QĐ-UBND 29/3/2019	247.268	70.000		70.000	70.000	5.477	70.000	60.000	20.000		UBND huyện Thường Tín	Chủ đầu tư đang điều chỉnh thời gian thực hiện
4	Dự án xây dựng nâng cấp mở rộng đường nhánh nối QL1A với đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, đoạn qua KCN hỗ trợ Nam Hà Nội		1		số 3084/QĐ-UBND ngày 02/7/2015; số 972/VP-ĐT ngày 05/02/2018	89.172	41.263	1.557	39.706	1.000		1.000	5.000	5.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	Chủ đầu tư đang điều chỉnh thời gian thực hiện

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Quyết định đầu tư	Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2020				Kế hoạch vốn năm 2020 và tình hình giải ngân			Nhu cầu vốn đầu tư cần tiếp tục hỗ trợ để hoàn thành dự án giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021	CTHT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C		Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Đến hết 2015	Năm 2016-2019	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân đến 30/10/2020					
1	2	3	4	5	9	10	14=15+16	15	16	19	22	20	24= (10-11)*95% - (14+(18+20))	21	22	23	24
5	Xây dựng đường gom cầu Giẽ - Phú Yên - Văn Từ (tuyến phía Tây đường sắt), huyện Phú Xuyên		1		5064/QĐ-UBND 31/10/2011 1985/QĐ-UBND 09/5/2018; 1784/QĐ-UBND ngày 28/4/2020	261.820	109.173	44.569	64.604	2.000	70	2.000	98.000	5.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
6	Cải tạo môi trường vệ sinh khu dân cư xung quanh mương thoát nước Thụy Khuê (đoạn từ dốc La Pho đến Cổng Đố)		1		574/QĐ-UBND 03/02/2009; 7079/QĐ-UBND 23/12/2015; 2986/QĐ-UBND ngày 06/7/2020	421.764	307.794	22.023	285.771	10.000		10.000	40.000	40.000	1	UBND quận Tây Hồ	
7	Công hòa và xây dựng tuyến đường từ nút rẽ ra phố Núi Trúc đến phố Sơn Tây		1		2447/QĐ-UBND 26/6/2008; 6343/QĐ-UBND 18/11/2016; 1696/QĐ-UBND ngày 9/4/2019	740.450	215.597	10.148	205.449	30.000	17.995	30.000	70.000	30.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
	Các dự án sử dụng vốn ODA	2	2	2		54.072.428	12.699.681	3.068.808	9.629.748	4.668.054	3.505.305	3.505.305	42.035.361	6.363.057	1		
8	Công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020: Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhổn - Ga Hà Nội	1			1970/QĐ-UBND 27/4/2009; 5456/QĐ-UBND 02/11/2010;	32.910.000	11.710.085	2.256.028	9.454.057	3.428.044	3.428.044	3.428.044	18.224.452	4.934.795		BQLĐSDT Hà Nội	
	Vốn ODA cấp phát				469.524 tr. Euro = 10.986.677	13.158.810	4.976.490	1.869.743	3.106.747	1.043.233	1.043.233	1.043.233	6.907.607	2.927.785			
	Vốn ODA vay lại				487.732 tr. Euro = 15.821.323 tr.	13.649.180	4.821.552		4.821.552	1.864.811	1.864.811	1.864.811	6.282.745	1.497.010			
	Vốn trong nước					6.102.010	1.912.043	386.285	1.525.758	520.000	520.000	520.000	5.034.100	510.000			
9	Dự án Tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án Đường sắt đô thị số 3 Hà Nội	1			3921/QĐ-UBND 23/7/2014	1.296.900	19.374	7.000	12.374	46.000	5.392	5.392	1.213.086	560.612		BQLĐSDT Hà Nội	
	Vốn ODA cấp phát				Tr. do vay lại 16.153	813.934	5.698		5.698	30.150	3.685	3.685	773.086	447.422			
	Vốn ODA vay lại					355.366	2.807		2.807	14.850	1.207	1.207	340.000	83.190			

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Quyết định đầu tư	Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2020				Kế hoạch vốn năm 2020 và tình hình giải ngân			Nhu cầu vốn đầu tư cần tiếp tục bố trí để hoàn thành dự án giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021	CTHT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C		Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Đến hết 2015	Năm 2016-2019	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân đến 30/10/2020					
1	2	3	4	5	9	10	14=15+16	15	16	19	22	20	24= (10-11)*95% - (14+18+20)	21	22	23	24
	Vốn trong nước					127.600	10.869	7.000	3.869	1.000	500	500	100.000	30.000			
10	Công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020: Dự án Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	1			2054/QĐ-UBND 13/11/2008	19.555.000	937.097	805.780	131.317	1.171.923	50.000	50.000	22.535.823	850.000		BQLĐSDT Hà Nội	
	Vốn ODA cấp phát				Tr. Đò vay lại	10.860.000	619.798	541.603	78.195	1.156.923			9.000.000	800.000			
	Vốn ODA vay lại					5.625.000							11.000.000				
	Vốn trong nước					3.070.000	317.299	264.177	53.122	15.000	50.000	50.000	2.535.823	50.000			
11	Hỗ trợ chủ đầu tư quản lý dự án tuyến đường sắt đô thị thị điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội	1			5941/QĐ-UBND 9/10/2015	136.920	32.000		32.000	21.869	21.869	21.869	48.000	16.000		BQLĐSDT Hà Nội	
	Vốn ODA cấp phát												0				
	Vốn ODA vay lại					121.800	32.000		32.000	21.869	21.869	21.869	48.000	16.000			
	Vốn trong nước					15.120											
12	Dự án hỗ trợ kỹ thuật lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi để xây dựng Tuyến đường sắt đô thị số 8 thành phố Hà Nội			1	Thủ tướng phê chủ trương tại QĐ số 853/QĐ-TTg ngày	105.355				218			13.000	650	1	Ban QL đường sắt đô thị hà nội	
	Vốn ODA cấp phát (KHL)					90.355								0			
	Vốn ODA vay lại													0			
	Vốn trong nước					15.000				218			13.000	650			
13	Hỗ trợ phát triển hệ thống thẻ vé liên thông cho VTCC Hà Nội			1	2347/QĐ-UBND 16/5/2016 1/0	68.253	1.125						1.000	1.000		Sở GTVT	
	Vốn ODA cấp phát (KHL)					65.100								0			
	Vốn ODA vay lại													0			
	Vốn trong nước					3.153	1.125						1.000	1.000			
14	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng cầu vượt tại nút An Dương - Đường Thanh Niên để hạn chế ùn tắc giao thông quận Ba đình và quận Tây hồ	1			3665/QĐ-UBND 19/6/2017, 3376/QĐ-	815.864	289.999		289.999	35.000	35.000	35.000	250.000	100.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
15	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng đường vành đai 3,5: Đoạn từ Đại lộ Thăng Long đến QL32	1				1.735.027	934.781		934.781	50.000		50.000	200.000	100.000			
	Các đoạn Km1+700 - Km2+050; Km2+550 - Km3+340				5795/QĐ-UBND 30/10/2015; 6611/QĐ-UBND 30/11/2016	379.572	163.529		163.529							UBND huyện Hoài Đức	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Quyết định đầu tư	Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2020				Kế hoạch vốn năm 2020 và tình hình giải ngân			Nhu cầu vốn đầu tư cần tiếp tục bố trí để hoàn thành dự án giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021	CTHT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C		Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Đến hết 2015	Năm 2016-2019	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân đến 30/10/2020					
1	2	3	4	5	9	10	14 =15+16	15	16	19	22	20	24= (10-11)*95% - (14+18+20)	21	22	23	24
	Xây dựng đường vành đai 3,5 (Các đoạn Km0+600-Km1+700; Km2+050-Km2+550; Km3+340-Km5+500).				7586/QĐ-UBND 31/10/2017; 7105/QĐ-UBND ngày	1.355.455	771.252		771.252	50.000		50.000	200.000	100.000		UBND huyện Hoài Đức	
16	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch		1		1172/QĐ-UBND 26/02/2014; 6125/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	147.280	1.100	1.100		2.000	422	2.000	98.000	50.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
17	Xây dựng đường vành đai 2,5 đoạn từ đường 32 đến khu đô thị mới Dịch Vọng				03/QĐ-UBND ngày 13/01/2016; 7587/QĐ-	1.337.990	780.000		780.000	100.000	100.000	100.000	150.000			UBND quận Cầu Giấy	
18	Xây dựng hoàn thiện nút giao Chùa Bộc - Thái Hà theo quy hoạch tại góc 1/4 nút giao từ Học viện Ngân hàng đến cổng trường Đại học Công đoàn		1		5572/QĐ-UBND 28/10/2014, 8006/QĐ-UBND 17/11/2017	535.712	1.609	93	1.516	3.000	2.000	3.000	400.000	50.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
19	Xây dựng mở rộng tuyến đường Lương Định Của ra đường Trường Chinh		1		2248/QĐ-UBND 15/4/2004 5781/QĐ-UBND 13/12/2011; 7612/QĐ-UBND 31/10/2017; 2033/QĐ-UBND	120.501	13.223	394	12.829	26.000	16.704	26.000	70.000	20.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
20	Xây dựng đoạn tuyến đường nối từ cầu Mỗ Lao, quận Hà Đông đến đường 70, quận Nam Từ Liêm		1		2307/QĐ-UBND 17/4/2017	436.735	61.482		61.482	10.000	531	10.000	95.000	25.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
21	Cải tạo nâng cấp đường 35 đoạn giữa tuyến (Km 4+ 469,12 đến Km 12 +733,55)		1		5570/QĐ-UBND 28/10/2014	197.204				2.000		2.000	90.000	25.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
22	Xây dựng tuyến đường vào KCN sạch Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn		1		3954/QĐ-UBND ngày 23/7/2019	334.099	33.708	1.924	31.784	40.000	1.576	40.000	95.000	50.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
23	Mở rộng đường Phan Kế Bính theo quy hoạch		1		5802/QĐ-UBND 26/10/2018; 283/QĐ-UBND ngày 14/01/2020	72.891	4.923		4.923	500		500	55.000	5.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
24	Xây dựng đường nối Khu đô thị vệ tinh với đường Võ Nguyên Giáp, huyện Sóc Sơn		1		1383/QĐ-UBND ngày 26/3/2019	658.935	60.500		60.500	150.000	100.854	150.000	145.000	100.000		UBND huyện Sóc Sơn	
25	Xây dựng tuyến đường nối khu công nghiệp Bắc Thường Tín với đường tỉnh 427		1		2338/QĐ-UBND	186.173				40.000	55.333	40.000	20.000	20.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Quyết định đầu tư	Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2020				Kế hoạch vốn năm 2020 và tình hình giải ngân			Nhu cầu vốn đầu tư cần tiếp tục bố trí để hoàn thành dự án giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021	CTHT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C		Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Đến hết 2015	Năm 2016-2019	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân đến 30/10/2020					
1	2	3	4	5	9	10	14 =15+16	15	16	19	22	20	24= (10-11)*95% - (14+18+20)	21	22	23	24
26	Xây dựng đường Phương Mai - Sông Lũ		1		1966/QĐ-UBND 4/5/2010; 4080/QĐ-	225.792	1.209	953	256	1.000	500	1.000	70.000	5.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
27	Dự án cải tạo, chỉnh trang đoạn đường Quốc lộ 1A (đoạn Km207+250 - Km208) và hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện Phú Xuyên		1		ĐA: 5482/QĐ-UBND 12/10/2018	156.156	20.000		20.000	35.000	35.000	35.000	60.000	60.000		UBND huyện Phú Xuyên	
28	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã tư Nguyễn Khắc nối với đường bệnh viện Đồng Anh đi đến Sỏi tại ngã ba Kim, huyện Đồng Anh		1		5359/QĐ-UBND 08/10/2018	382.047	90.000		90.000	90.000	90.000	90.000	130.000	70.000		UBND huyện Đồng Anh	
29	Cải tạo, chỉnh trang đường tỉnh lộ 427 đoạn từ QL21 B đến nút giao Khê Hồi (đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ) trên địa bàn huyện Thường Tín		1		5951/QĐ-UBND 31/10/2018	155.088	52.206		52.206	20.000	20.000	20.000	50.000	50.000	1	UBND huyện Thường Tín	Chủ đầu tư đang làm thủ tục điều chỉnh Dự án
29	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 417 đoạn từ Km8+100 đến Km 16+600, huyện Phúc Thọ		1		5250/QĐ-UBND 02/10/2018	159.661	39.986		39.986	50.000	50.000	50.000	33.000	33.000	1	UBND huyện Phúc Thọ	
30	Đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 3 đi thấp qua hồ Linh Đàm và nhánh kết nối với đường Vành đai 3		1		5594/QĐ-UBND 18/10/2018; 2736/QĐ-UB ngày 26/6/2020	341.671	104.502		104.502	100.000	92.125	100.000	48.000	25.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
31	Dự án trọng điểm giai đoạn 2016-2020: Đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao giữa đường vành đai 2,5 với đường Giải Phóng (QL1A cũ), quận Hoàng Mai		1		5804/QĐ-UBND 26/10/2018	671.653	4.000		5.499	1.000	3.000	1.000	295.000	5.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
32	Công trình trọng điểm 2016-2020: Đầu tư xây dựng đường Vành đai 1 đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục, thành phố Hà Nội - Giai đoạn 1	1			5757/QĐ-UBND 25/10/2018	7.210.958	127.851	2.032	125.819	50.000	50.000	50.000	6.300.000	189.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố	
33	Xây dựng đường Huỳnh Thúc Kháng kéo dài, phường Láng Thượng, quận Đống Đa		1		3213/QĐ-UBND 26/6/2018	342.624	100.000		100.000	70.000	70.000	70.000	80.000	50.000		UBND quận Đống Đa	
34	Xây dựng tuyến đường vào trường Đại học ngoại ngữ		1		193/QĐ-UBND 12/01/2011	69.689				2.000	2.000	2.000	48.000	20.000		UBND quận Nam Từ Liêm	
35	Dự án xây dựng đường trục chính Bắc - Nam Khu đô thị Quốc Oai kéo dài đoạn từ Km4+340,24 đến Km7+315		1		5622/QĐ-UBND 19/10/2018	487.687	300.000		300.000	60.000	60.000	60.000	80.000	80.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
36	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh Tân Lĩnh - Yên Bái đoạn từ Km2+400 đến Km10+500 (nối từ Đại lộ Thăng Long kéo dài đến tỉnh lộ 414)		1		5672/QĐ-UBND 23/10/2018	156.156	50.343		50.343	50.000	40.000	50.000	5.000	5.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
37	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 trên địa bàn huyện Chương Mỹ		1		6001/QĐ-UBND	343.160	50.000		50.000	60.000	13.681	60.000	170.000	60.000		UBND huyện Chương Mỹ	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Quyết định đầu tư		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2020			Kế hoạch vốn năm 2020 và tình hình giải ngân			Nhu cầu vốn đầu tư cần tiếp tục bố trí để hoàn thành dự án giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021	CTHT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Đến hết 2015	Năm 2016-2019	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân đến 30/10/2020	Ước giải ngân KH 2020	Tổng số				
1	2	3	4	5	9	10	14 =15+16	15	16	19	22	20	24= (10-11)*95%-(14+18+20)	21	22	23	24
38	Xây dựng đoạn tuyến đường từ nút Bô Tư lệnh Thống tin trên đường Cát Linh - La Thành đến đường Tôn Đức Thắng (thuộc tuyến đường ga Hà Nội - Tôn Đức Thắng - Hào Nam - phố Núi Trúc)		1		4888/QĐ-UBND, 21/10/2011	189.840	1.000		1.000	1.000	1.000	1.000	100.000	5.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
39	Xây dựng tuyến đường nối từ đường 35 đến đường Bắc Thăng Long - Nội Bài (đường Võ Văn Kiệt), giai đoạn I		1		414/QĐ-UBND 21/01/2019	375.861	46.807		46.807	3.000	10.000	3.000	100.000	50.000		UBND huyện Mê Linh	
40	Đầu tư xây dựng công trình cầu Ngoc Hà vượt sông Cà Lồ, huyện Sóc Sơn		1		2936/QĐ-UBND 04/6/2019	68.575	1.000		1.000	15.000	15.000	15.000	23.000	23.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	Chủ đầu tư đang làm thủ tục điều chỉnh Dự án
41	Đầu tư xây dựng công trình cầu Bến Cốc, huyện Chương Mỹ			1	5641/QĐ-UBND 22/10/2018; 1626/QĐ-UBND	61.960	20.000		20.000	10.000	20.000	10.000	15.000	15.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
42	Dự án xây dựng cầu Nông Lâm, huyện Quốc Oai			1	DA: 6077/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	20.446				5.000		5.000	7.000	7.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
43	Xây dựng hoàn chỉnh khớp nối hạ tầng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp vừa và nhỏ Phú Thị, khu công nghiệp Dương Xá A, huyện Gia Lâm		1		5849/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	252.973				90.000	90.000	90.000	90.000	70.000		UBND huyện Gia Lâm	
44	Xây dựng đường nối Quốc lộ 32 - Nghĩa trang Yên Kỳ - Hồ Suối Hai, huyện Ba Vì (Giai đoạn I)		1		8546/QĐ-UBND 8/12/2017	165.604	59.255	2.262	56.993	57.000	14.282	57.000	26.000	26.000	1	UBND huyện Ba Vì	
45	Cải tạo, nâng cấp tuyến tỉnh lộ 429 đoạn từ cầu Ba Thá đến đường Hồ Chí Minh, huyện Mỹ Đức		1		5900/QĐ-UBND 30/10/2018	186.601	50.000		50.000	50.000	4.233	50.000	120.000	30.000		UBND huyện Mỹ Đức	
46	Xây dựng tuyến đường từ Trung tâm hành chính huyện Mê Linh đến Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Mê Linh (giai đoạn I)		1		6971/QĐ-UBND 06/12/2019	337.840	49.614		49.614	115.000	67.521	115.000	160.000	50.000		UBND huyện Mê Linh	
47	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu cộng bắc qua sông Tích, thị xã Sơn Tây			1	DA: 5954/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	71.002				21.000	21.000	21.000	40.000	40.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
48	Cải tạo, mở rộng ngõ 381 Nguyễn Khang (từ phố Thành Thái đến phố Nguyễn Khang), quận Cầu Giấy		1		1657/QĐ-UBND 08/4/2019	314.968	10.000		10.000	40.385	70.000	40.385	90.000	50.000		UBND quận Cầu Giấy	
49	Xây dựng một phần tuyến đường 70 (đoạn từ cầu Ngà đến hết ranh giới dự án Làng giáo dục Quốc tế) và đường bao quanh Làng giáo dục Quốc tế.		1		3102/QĐ-UBND 29/6/2011; 3282/QĐ-UBND	270.557	47.000		47.000	40.000	26.685	40.000	10.000	10.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	
50	Dự án đầu tư xây dựng hoàn chỉnh theo quy hoạch nút giao đường Vành đai 3 với đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng		1		3213/QĐ-UBND 14/6/2019	402.160	92.000		92.000	120.000	92.007	120.000	10.000	10.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Quyết định đầu tư	Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2020				Kế hoạch vốn năm 2020 và tình hình giải ngân				Nhu cầu vốn đầu tư cần tiếp tục bố trí để hoàn thành dự án giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021	CTHT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C		Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Đến hết 2015	Năm 2016-2019	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân đến 30/10/2020	Ước giải ngân KH 2020					
1	2	3	4	5	9	10	14 =15+16	15	16	19	22	20	24= (10-11)*95% - (14+18+20)	21	22	23	24	
51	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng hầm chui Lê Văn Lương - Vành đai 3		1		3297/QĐ-UBND 20/6/2019	698.158	3.491		3.491	93.000	164	93.000	195.000	100.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố		
52	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 420 đoạn từ Km0+00 đến Km7+428 (ngã ba Hòa Lạc - ngã ba thị trấn Liên Quan, huyện Thạch Thất		1		6058/QĐ-UBND 31/10/2019 05/12/2018	385.041				120.000	2.242	120.000	270.000	70.000		UBND huyện Thạch Thất		
53	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng tuyến đường Tây Thăng Long (đoạn Phạm Văn Đồng đến đường Văn Tiến Dũng) thuộc quận Bắc Từ Liêm	1			5995/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 5901/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.494.473	218.200	48.200	170.000	151.000	151.000	151.000	175.000	175.000		UBND quận Bắc Từ Liêm		
54	Xây dựng cầu Cương Kiên, quận Nam Từ Liêm		1		DA: 6076/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	175.800				15.000	15.000	15.000	130.000	20.000		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố		
55	Dự án xây dựng cầu Trì Thủy, huyện Chương Mỹ			1	DA: 6082/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	27.536				7.000	7.000	7.000	8.000	8.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố		
56	Dự án xây dựng cầu Cao Thiên, huyện Thạch Thất			1	DA: 6075/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	58.741				10.000	10.000	10.000	20.000	20.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố		
57	Dự án xây dựng cầu Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Đống Đa			1	DA: 6081/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	37.759				10.000	10.000	10.000	15.000	15.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố		
58	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu Nội Côi		1		DA: 3204/QĐ-UBND ngày 13/6/2019	56.684	16.000		16.000	22.000	22.000	22.000	10.000	10.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố		
59	Cải tạo, nâng cấp đường Chi Đông -Kim Hoa, huyện Mê Linh		1		4355/QĐ-UBND ngày 01/9/2015; 2500/QĐ-UBND 19/8/2019	154.367	25.000		25.000	15.000	20.000	15.000	80.000	30.000		UBND huyện Mê Linh		
60	Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ đầu đường tỉnh lộ 427 tới thị trấn Kim Bài		1		6021/QĐ-UBND 30/10/2019	345.492	50.000		50.000	105.000	55.000	105.000	185.000	70.000		UBND huyện Thanh Oai		
61	Đường vành đai Khu công nghiệp Bắc Phú cát (nay là đường vành đai khu công nghiệp Hòa Lạc), huyện Quốc Oai		1		6062/QĐ-UBND 31/10/2019	482.536				90.000	90.000	90.000	320.000	150.000		UBND huyện Quốc Oai		
62	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 412 từ thị trấn Tây Đằng vào Khu du lịch hồ Suối Hai		1		6067/QĐ-UBND 31/10/2019	279.659				50.000	50.000	50.000	175.000	130.000		UBND huyện Ba Vì		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2020			Kế hoạch vốn năm 2020 và tình hình giải ngân			Nhu cầu vốn đầu tư cần tiếp tục bố trí để hoàn thành dự án giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021	CTHT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Đến hết 2015	Năm 2016-2019	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân đến 30/10/2020	Ước giải ngân KH 2020	Tổng số				
1	2	3	4	5	9	10	14 =15+16	15	16	19	22	20	24= (10-11)*95% - (14+18+20)	21	22	23	24
63	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 429C đoạn từ cầu Bàu đến cầu Hậu Xá, huyện Ứng Hòa		1		6066/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	304.541				145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
64	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km6+585 - Km14+780 (TL 75 cũ) từ cầu Quảng Tái (xã Trung Tú) đến cầu Cổng Thần (xã Minh Đức), huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội		1		6057/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	179.034				73.000	73.000	73.000	86.000	86.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	
65	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 (từ Quốc lộ 1A đi Minh Tân, Quang Lãng)		1		75/QĐ-UBND ngày 14/01/2020	316.430				90.000	998	90.000	190.000	150.000		UBND huyện Phú Xuyên	
66	Đường tránh tỉnh lộ 419 đi khu du lịch Chùa Hương (đoạn từ cầu Đông Bình đến bến xe Hội Xá), Hà Nội		1		638/QĐ-UBND ngày 05/02/2020	127.182				50.000		50.000	52.000	52.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
67	Đường giao thông kết hợp hệ thống thoát nước khu du lịch Chùa Hương, huyện Mỹ Đức			1	7103/QĐ-UBND ngày 16/12/2019	48.640				20.000		20.000	25.000	25.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
68	Hoàn thiện và khớp nối: HTKT khu 7,2 ha Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình		1		6588/QĐ-UBND ngày 13/11/2019	135.545	90	90		1.000	1.000	1.000	50.000	20.000		UBND quận Ba Đình	
69	Đường giao thông trục phát triển phía đông huyện Phú Xuyên (nối tỉnh lộ 428 đến tỉnh lộ 429)		1		3539/QĐ-UBND ngày 03/7/2019	283.795				130.000	130.000	130.000	148.000	148.000	1	UBND huyện Phú Xuyên	
70	Đường liên khu vực 1 (đoạn từ Đức Thượng đến Song Phương), huyện Hoài Đức		1		5342/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	1.027.629				511.389	156.000	511.389				UBND huyện Hoài Đức	Phần còn lại ngân sách huyện
71	Đường liên khu vực 8 (từ Đại lộ Thăng Long đến đường tỉnh 423), huyện Hoài Đức.		1		5388/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	421.503				168.665	84.000	168.665	20.000	20.000	1	UBND huyện Hoài Đức	Phần còn lại ngân sách huyện
72	Đường Lái Yên – Văn Canh (từ Đường Liên khu vực 2 đến đường Vành đai 3.5), huyện Hoài Đức		1		5343/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	469.885				192.000	109.000	192.000	19.000	19.000	1	UBND huyện Hoài Đức	Phần còn lại ngân sách huyện
73	Xây dựng đường đô thị Đường theo quy hoạch đoạn từ cầu Đường đến cầu Phù Đồng		1		9008/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	511.247				60.000	60.000	60.000	375.000			UBND huyện Gia Lâm	
74	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 24,5m từ đê sông Đường đến đường Đắc Lễ - Ninh Hiệp		1		9012/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	348.927				22.000	22.000	22.000	260.000			UBND huyện Gia Lâm	
75	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phù Đồng đến hết địa bàn huyện Gia Lâm		1		9013/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	380.108							290.000			UBND huyện Gia Lâm	
76	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch từ đường Phan Đăng Lưu đến Yên Thường, huyện Gia Lâm		1		7887/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	287.824				20.000	20.000	20.000	220.000			UBND huyện Gia Lâm	
77	Xây dựng đường Nguyễn Tam Trinh		1		5504/QĐ-UBND ngày 28/11/2012	2.066.796	653.000		653.000	153.000	153.000	153.000	860.000			UBND quận Hoàng Mai	
78	Nâng cấp, mở rộng đường Lĩnh Nam theo quy hoạch		1		716/QĐ-UBND ngày 01/02/2013; 4769/QĐ-UBND	2.493.213				100.000	100.000	100.000	1.800.000			UBND quận Hoàng Mai	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án			Quyết định đầu tư	Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2020				Kế hoạch vốn năm 2020 và tình hình giải ngân			Nhu cầu vốn đầu tư cần tiếp tục bố trí để hoàn thành dự án giai đoạn 2021 - 2025	Năm 2021	CTHT 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C		Số, ngày QĐ	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Đến hết 2015	Năm 2016-2019	Kế hoạch vốn năm 2020 được giao	Giải ngân đến 30/10/2020					
1	2	3	4	5	9	10	14 =15+16	15	16	19	22	20	24= (10-11)*95% - (14+18+20)	21	22	23	24
79	Xây dựng tuyến đường 40m nối từ đường Nguyễn Văn Cừ đến hết khu tái định cư phường Ngọc Thụy, quận Long Biên		1		7588/QĐ-UBND 31/10/2017	1.221.933	355.000		355.000	200.000	200.000	200.000	450.000			UBND quận Long Biên	
80	Xây dựng tuyến đường 40m và 48m nối từ khu đô thị mới Việt Hưng ra đường Ngô Gia Tự, quận Long Biên		1		6121/QĐ-UBND 31/10/2019	696.982				21.000	21.000	21.000	550.000			UBND quận Long Biên	
82	Xây dựng tuyến đường từ trường Đại học Mô địa chất ra đường Phạm Văn Đồng		1		4229/QĐ-UBND ngày 12/8/2014; 4399/QĐ-UBND ngày 30/9/2020	218.649	178.997	163.229	15.768	10.000	10.000	10.000	6.000	6.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	
83	Xây dựng đường Liễu Giai- Núi Trúc (đoạn từ ngã tư Vạn Phúc đến nút Núi Trúc)		1		1096/QĐ-UB 02/3/2006; 2619/QĐ-UBND	300.529	215.409	45.409	170.000	20.000	19.876	20.000	30.000	30.000	1	Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	Đang điều chỉnh dự án
84	Xây dựng đoạn đường nối từ đường Trung Yên 6 ra đường Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội		1		7867/QĐ-UBND 10/11/2017	59.611	21.000		21.000	7.000	7.000	7.000	21.000	21.000	1	UBND quận Cầu Giấy	Đang điều chỉnh dự án
85	Xây dựng 1/2 cầu Đền Lừ và tuyến đường 2,5 đoạn phía bắc khu công nghiệp Vĩnh Tuy	1		1	1512/QĐ-UBND 28/3/2018; 3724/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	152.485	51.036		51.036	1.000	1.000	1.000	20.000	20.000	1	UBND quận Hoàng Mai	
86	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 21B đoạn từ thị trấn Kim Bài tới nút giao ngã tư Vác, huyện Thanh Oai		1		2290/QĐ-UBND ngày 04/6/2020	386.636				100.000		100.000	200.000	215.000	1	UBND huyện Thanh Oai	Đã duyệt dự án
87	Xây dựng đường trục phát triển kinh tế huyện Thanh Oai đoạn nối cầu Hoàng Thanh (đi Chương Mỹ) đến đường 427 ra Quốc lộ 1 (Thường Tín)		1		4309/QĐ-UBND; 24/9/2020	523.858				135.000		135.000	200.000	50.000		UBND huyện Thanh Oai	
88	Xây dựng tuyến đường số 8 và một số tuyến đường kết nối khu vực Bắc Cổ Nhuế - Chèm, quận Bắc Từ Liêm		1		4141/QĐ-UBND ngày 16/9/2020	570.974				5.000		5.000	250.000	100.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp Thành phố	
89	Cầu đập tràn Quan Sơn, huyện Mỹ Đức		1		3823/QĐ-UBND ngày 26/8/2020	288.497				137.000		137.000	100.000	100.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
90	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường tỉnh lộ 418 đoạn Km0+Km3, thị xã Sơn Tây		1		6009/QĐ-UBND ngày 31/10/2020	76.688				11.000		11.000	55.000	55.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
91	Công trình trọng điểm: Xây dựng cầu Vĩnh Tuy, Giai đoạn 2	1			số 2673/QĐ-UBND ngày 24/6/2020	2.538.153				30.000		30.000	1.000.000	260.213		Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Thành phố	